

TODAY,
TOMORROW
AND ALWAYS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
_____ 2020

Chuyển đổi ngành tài chính
Nâng tầm giá trị sống

VƯỢT TRỘI  MỖI NGÀY



TECHCOMBANK

MỤC LỤC

PHẦN 01

**Thông điệp của Chủ tịch
Hội đồng Quản trị** 04

PHẦN 02

**Câu chuyện của
Tổng Giám đốc** 08

PHẦN 03

Về chúng tôi 24

Thông tin chung 26

Tâm nhìn, sứ mệnh 28

Chặng đường lịch sử 30

Mạng lưới hoạt động và các
công ty con 34

PHẦN 04

Today, Tomorrow and Always

Today 44

- ▶ Những thành quả trên chặng
đường chuyển đổi 2016-2020 46
- ▶ 2020 - Một năm chưa từng có
với những kết quả ấn tượng 50

Tomorrow 80

- ▶ Chiến lược dữ liệu 82
- ▶ Số hóa và công nghệ 85
- ▶ Đào tạo & phát triển Nhân tài 89

Always 94

- ▶ Quản trị Ngân hàng 100
- ▶ Quản trị Rủi ro 134
- ▶ Văn hóa tổ chức 137
- ▶ Cơ cấu Cổ đông và Hoạt động
Quan hệ nhà đầu tư 144
- ▶ Môi trường, xã hội và
quản trị (ESG) 148

PHẦN 05

**Báo cáo tài chính kiểm
toán năm 2020** 150

01 THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Techcombank sẽ nỗ lực cao nhất để mang đến những trải nghiệm và giá trị lớn lao cho người dân Việt Nam, bảo đảm lợi ích tốt nhất cho Quý Khách hàng và các Quý Cổ đông".

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Hồ Hùng Anh



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng trân quý!

“Cùng nhau vượt qua năm 2020 nhiều thách thức”.

Dịch bệnh COVID-19 khiến thế giới đối mặt với cú sốc lớn nhất trong nhiều thập kỷ qua, làm suy giảm tăng trưởng toàn cầu đến 4,3% và khiến kinh tế toàn cầu có nguy cơ rơi vào “một thập kỷ lạc lối”, theo nhận định của ngân hàng Thế giới.

Song, thách thức đã tôi luyện bản lĩnh. Việt Nam nổi lên như “kỳ tích Châu Á” khi là nền kinh tế hiếm hoi trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương 2,9% nhờ ngăn chặn thành công dịch bệnh. Thành tựu này có sự đóng góp không nhỏ từ những nỗ lực của ngành ngân hàng Việt Nam, trong đó có Techcombank, khi sát cánh cùng người dân, các doanh nghiệp và chính phủ vượt qua thách thức.

Xuyên suốt 2020, gần 12.000 cán bộ nhân viên của Techcombank đã quyết tâm cao nhất để mang đến chất lượng dịch vụ vượt trội đến khách hàng và đảm bảo vận hành kinh doanh liên tục. Techcombank đã cung cấp gói hỗ trợ đến 41.000 tỷ đồng, thông qua hình thức tái cơ cấu, miễn giảm lãi và giãn nợ cho hơn 3.200 khách hàng bị tác động bởi dịch bệnh.

Cùng với đó, ngân hàng chú trọng quản lý an toàn thanh khoản để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, và tập trung quản lý nợ xấu xuống mức 0,5% để củng cố sức mạnh bảng cân đối tài sản.

Chúng tôi tự hào khi tiên phong dẫn dắt số hóa nền tảng ngân hàng, theo đó phát triển và cung ứng các sản phẩm tài chính đa dạng trên ngân hàng điện tử, bao gồm từ các tiện ích thanh toán hàng ngày tới cấp thẻ tín dụng phê duyệt trước, quản lý tài chính và mua bán các sản phẩm đầu tư v.v.

Các giải pháp này đã giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, chi phí, đồng thời hỗ trợ giao dịch an toàn, tiện lợi trong mùa dịch. Nỗ lực của Techcombank đã được khách hàng ủng hộ, giúp chúng tôi đón nhận thêm 1,1 triệu khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng mà Ngân hàng phục vụ lên gần 8,4 triệu cuối năm 2020.

Thách thức lớn trong năm 2020 đã chứng minh sự đúng đắn của chiến lược chọn lựa phân

khúc khách hàng trọng tâm mà Techcombank kiên định thực hiện trong nhiều năm qua. Theo đó, chúng tôi tập trung vào những khách hàng lành mạnh về tài chính, hoạt động trong những lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng mạnh trong nước cũng như gắn với định hướng ưu tiên phát triển của Chính phủ. Vì vậy, đa số khách hàng của Techcombank đều ít bị ảnh hưởng hơn bởi làn sóng suy thoái từ COVID-19, mà ổn định phát triển cùng Ngân hàng trong suốt năm 2020.

Những thế mạnh nền tảng đã giúp Techcombank tiếp tục tăng trưởng cao năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 15,8 nghìn tỷ đồng. Techcombank duy trì vị thế ngân hàng hoạt động hiệu quả hàng đầu với ROA đạt 3,1%, CASA 46,1% dẫn đầu ngành ngân hàng. Chúng tôi đứng đầu về doanh số thanh toán qua thẻ Visa năm thứ ba liên tiếp, đồng thời tiếp tục đứng đầu trong mảng phát hành trái phiếu.

Với những thành tựu trên, giá trị thương hiệu của Techcombank được định giá tăng 30% lên 524 triệu USD, và vào Top 270 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất toàn cầu 2020 - theo đánh giá của tổ chức xếp hạng Brand Finance. Techcombank cũng là ngân hàng duy nhất đạt mức xếp hạng BCA cao nhất (Ba3)



**Chung tay hỗ trợ
hơn 3.200 khách
hàng với số tiền lên
tới 41 nghìn tỷ đồng**

**Lợi nhuận trước thuế
15.800 tỷ đồng**

và chỉ bị hạn chế bởi mức trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia. Tạp chí uy tín Finance Asia đã vinh danh Techcombank là “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2020”, và HR Asia trao tặng danh hiệu “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”.

Techcombank luôn chủ động, sẵn sàng cho những thách thức mới. Techcombank sẽ tiếp tục tập trung xây dựng các nền tảng công nghệ mới, như nền tảng ngân hàng số đa kênh mới cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, số hóa các hành trình tín dụng, xây dựng kho dữ liệu lớn và năng lực phân tích cao cấp. Chúng tôi sẽ áp dụng năng lực phân tích dữ liệu vào hành trình số hóa để có thể đưa ra những giải pháp riêng biệt và trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

Cùng với sự ủng hộ, đồng hành vững chắc từ các Quý Cổ đông, các Quý Khách hàng, tôi có niềm tin mãnh liệt vào những thành công vượt trội mà Techcombank sẽ cùng đất nước viết tiếp trên hành

trình sắp tới. Techcombank sẽ nỗ lực cao nhất để mang đến những trải nghiệm và giá trị lớn lao cho người dân Việt Nam, để bảo đảm lợi ích tốt nhất cho Quý Khách hàng và các Quý Cổ đông.

Và chúng ta có thể tự hào chia sẻ: Cùng với nhau, chúng ta đã vượt qua thách thức với bản lĩnh kiên cường, để cùng cộng đồng, doanh nghiệp và chính phủ phục hồi nền kinh tế, vì một Việt Nam vượt trội!

Xin trân trọng cảm ơn,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hồ Hùng Anh

02

CÂU CHUYỆN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

“Trong giai đoạn 2016-2020, Techcombank theo đuổi chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm, chủ trương tập trung vào những lĩnh vực là thế mạnh của ngân hàng và nằm trong khung rủi ro được tính”.

Tổng Giám đốc Jens Lottner



CÂU CHUYỆN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

"Điểm khác biệt nằm ở năng lực ra quyết định đúng đắn trong bối cảnh nhiều bất ổn".



Các Quý Cổ đông, và Quý khách hàng thân quý!

Trong lần đầu tiên được chia sẻ suy nghĩ của mình với các Quý Cổ đông trên cương vị Tổng Giám đốc Techcombank, tôi muốn nhấn mạnh niềm vinh dự lớn lao của mình khi được dẫn dắt ngân hàng trong giai đoạn vô cùng quan trọng của hành trình chuyển đổi này. Thành tựu vượt trội và những thành công vang dội của ngân hàng dưới sự điều hành của các thế hệ lãnh đạo tiền nhiệm và đương nhiệm đã được đông đảo cộng đồng đầu tư trong nước và toàn cầu đánh giá cao.

Lý do quan trọng nhất để tôi quyết định đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Techcombank vào tháng 8/2020 là niềm tin vững chắc vào tiềm năng của Việt Nam. Việt Nam có môi trường kinh tế hiện đại hóa nhanh, hứa hẹn hứa hẹn nhiều cơ hội xán lạn cho các công ty có mô hình kinh doanh tương thích với tương lai của đất nước. Techcombank đã trở thành công ty có năng lực thích ứng hàng đầu và kế hoạch đưa Techcombank lên một tầm cao mới được Ban Lãnh đạo ngân hàng ủng hộ toàn lực. Đồng hành cùng tôi là đội ngũ lãnh đạo xuất sắc với sự đầu tư mạnh mẽ vào việc xây dựng mô hình kinh doanh và chiến lược đúng đắn cho ngân hàng.

Tôi đã có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính với niềm đam mê thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tôi đã làm việc với các tổ chức hàng đầu thế giới như BCG hay McKinsey, và suốt 20 năm qua tôi đã tự hào gọi châu Á là mái nhà của mình. Là Giám đốc Chuyển đổi và gần đây nhất là Giám đốc Tài chính của ngân hàng Thương mại Siam – Thái Lan, tôi đã dẫn dắt việc thiết kế và thực hiện một chương trình chuyển đổi số quy mô lớn, trong đó trọng tâm là triển khai các nền tảng dịch vụ ngân hàng số hiện đại nhất, thiết kế lại trải nghiệm khách hàng, đưa các cấu phần quan trọng trong nền tảng phân tích của ngân hàng lên đám mây

(cloud), và phân định lại nhiều phân khúc khách hàng cho các mô hình vận hành và kinh doanh của ngân hàng.

Với tôi, quá trình chuyển đổi là một quá trình tràn đầy hứng khởi, trong đó việc chấp nhận rủi ro một cách có tính toán để tạo ra giá trị vượt trội là rất thú vị. Thời đại ngày nay mở ra cơ hội lớn cho những tổ chức tài chính vận hành linh hoạt, nhạy bén với các xu hướng mới. Bên cạnh đó, những thay đổi to lớn trong lĩnh vực dịch vụ tài chính theo hướng số hóa cho phép Techcombank tạo ra lợi thế khác biệt. Định hướng lãnh đạo phù hợp cộng với kinh nghiệm của bản thân trong những vai trò chuyển đổi tương tự sẽ là điều kiện thuận lợi giúp tôi đồng hành cùng ngân hàng trong việc tiếp tục duy trì và nâng cao quỹ đạo tăng trưởng.

Triết lý kinh doanh

Triết lý kinh doanh cốt lõi của tôi với cương vị là Tổng Giám đốc của Techcombank rất đơn giản. Chúng ta cần phải hiểu rõ và nhìn nhận thực tế vì sao chúng ta chọn con đường này và làm thế nào để đi đến đích. Năng lực khởi nghiệp chính là năng lực ra quyết định đúng đắn trong bối cảnh nhiều bất ổn, vì vậy chiến lược thực chất là xác định cơ hội nào chúng ta nên nắm bắt cũng như lĩnh vực nào chúng ta không nên khai thác trong thời điểm hiện tại. Từ đó, chúng ta sẽ tuyển dụng đúng người vào đúng vị trí, giao cho họ công cụ phù hợp để họ tự tự sáng tạo, mở khóa tiềm năng thực sự của công nghệ tài chính – fintech – cho khách hàng.

Chặng đường dài chúng tôi đã đi qua

Trong giai đoạn 2016-2020, Techcombank theo đuổi chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm, chủ trương tập trung vào những lĩnh vực là thế mạnh của ngân hàng và nằm trong khung rủi ro được tính toán. Định hướng đúng đắn này đã giúp Techcombank trở thành ngân hàng có hiệu quả hoạt động và vận hành tốt nhất tại Việt Nam. Đồng thời, đội ngũ lãnh đạo đương nhiệm và tiền nhiệm đã đặt nền móng cho ngân hàng tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong giai đoạn năm năm

tới sau khi đã đạt được những kết quả tuyệt vời trong năm 2020.

Các chỉ số tài chính hiện nay đã thay đổi nhiều so với năm năm trước, và có nhiều tín hiệu đáng mừng cho thấy Techcombank đang trở thành ngân hàng dẫn đầu tại thị trường Việt Nam. Ngân hàng đã đạt được thành công vượt trội ở một số phân khúc và sản phẩm như phân khúc khách hàng thu nhập cao, khách hàng thu nhập khá và thẻ tín dụng. Ngân hàng cũng đi đầu về đổi mới sáng tạo trong một số lĩnh vực sản phẩm và có vị thế vững mạnh ở một số ngành kinh tế, ví dụ như bất động sản, cho vay mua nhà. Không những thế, chương trình zero-fee (miễn phí chuyển khoản qua ngân hàng điện tử) là một bước đi táo bạo nhưng đã được thưởng khi Techcombank đã tăng trưởng vượt bậc về số lượng tài khoản thanh toán và tài khoản tiết kiệm cũng như tăng trưởng 2,3 lần số lượng khách hàng hoạt động trong giai đoạn 2016-2020. Thành công của chúng tôi được ghi nhận rộng rãi trên thị trường, trở thành chủ đề cho hàng loạt bài phân tích, và giúp chúng tôi đạt được nhiều giải thưởng uy tín.

Nhìn lại thành công giai đoạn 2016-2020, tôi nhận thấy có ba điểm sáng nổi bật như sau:

01 Techcombank đã đạt được những mục tiêu đặt ra, trở thành tổ chức dẫn đầu thị trường ở những tiêu chí quan trọng như tỷ lệ an toàn vốn, ROA, CASA, NIM, NPL, v.v.

02 Thành tựu của ngân hàng trong năm năm vừa qua là minh chứng cho sự kiên cường, sức mạnh và khả năng tăng trưởng bất chấp khó khăn trong một năm mà đại dịch đã gây ra nhưng tác động to lớn lên các doanh nghiệp trên thế giới. Đây là những kết quả vô cùng ấn tượng trong bối cảnh đối mặt với những thách thức chưa từng có tiền lệ.

03 Thành công trong giai đoạn vừa qua của Techcombank giúp chúng tôi vững tin đẩy mạnh đầu tư và mở rộng tiếp cận khách hàng thông qua những mô hình kinh doanh mới.

CÂU CHUYỆN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Luôn vững tin vào Techcombank

Năm 2020 đối với kinh tế thế giới nói chung và Techcombank nói riêng là một năm với rất nhiều biến động và thách thức. Hoạt động của ngân hàng trong quý 1/2020 vẫn bình thường, nhưng sang quý 2 đã bị ảnh hưởng đáng kể do đại dịch. Sang tới quý 3, những dấu hiệu phục hồi đã xuất hiện và hoạt động trong quý 4 bắt đầu trở lại quỹ đạo dù vẫn còn một chặng đường dài cho đến khi mọi thứ thực sự bình thường như trước đây.

Đối mặt với đại dịch COVID-19, Techcombank vẫn có đầy đủ điều kiện để nhanh chóng ứng phó và một trong những điều kiện để làm được điều đó là sự đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ và dữ liệu tài chính. Với tâm thế sẵn sàng chuyển đổi số, Techcombank đã vượt qua năm 2020 đầy khó khăn và có cơ sở vững chắc để phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong chặng đường sắp tới. Chúng tôi đặc biệt tập trung vào việc giúp cuộc sống của khách hàng dễ dàng, ứng phó với Đại dịch hiệu quả hơn!

Việc nỗ lực theo đuổi mục tiêu kép – vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế – giúp Việt Nam trở thành điểm đến yêu thích cho đầu tư trực tiếp nước ngoài và là trung tâm sản xuất - chế tạo trong chuỗi cung ứng đang chuyển dịch của châu Á. Đây cũng là điều kiện để Techcombank phục hồi nhanh chóng và tăng trưởng liên tục, một lần nữa chứng minh cho nỗ lực phát triển theo chuỗi số hóa từ năm 2016.

COVID-19 cũng làm nổi bật sự khác biệt về chiến lược và vận hành giữa Techcombank và các đối thủ và giúp chúng tôi bứt phá vượt trội - dù nhìn chung ngành ngân hàng đã duy trì hoạt động tốt hơn kì vọng trong thời điểm chưa từng có tiền lệ này. Chi phí huy động vốn và các khoản nợ xấu đã giảm đáng kể trong khi tỷ lệ lợi nhuận và tỷ suất sinh lời trên tài sản tiếp tục tăng trưởng tốt.



Techcombank đã đạt được những mục tiêu đặt ra, trở thành tổ chức dẫn đầu thị trường ở một loạt tiêu chí quan trọng như tỷ lệ an toàn vốn, ROA, CASA, NIM, NPL, v.v.

Hỗ trợ, đồng hành cùng cộng đồng, cán bộ nhân viên và khách hàng

Đối với cộng đồng, dịch vụ ngân hàng từ xa của Techcombank giúp khách hàng giảm thiểu việc phải đến chi nhánh, tránh những nơi tụ tập đông người, đảm bảo giãn cách xã hội an toàn. Để bảo vệ cán bộ nhân viên, chúng tôi đã sắp xếp việc làm việc luân phiên từ xa trong thời gian diễn ra đại dịch COVID-19. Cán bộ nhân viên được cung cấp thiết bị và kết nối cần thiết để làm việc an toàn, hiệu quả tại nhà. Chúng tôi cũng duy trì liên lạc thường xuyên giữa các cán bộ nhân viên để mọi người liên tục lắng nghe, học hỏi và trao đổi với nhau. Tôi rất tự hào khi các cán bộ nhân viên của chúng tôi vừa tập trung phục vụ khách hàng tốt nhất, vừa cân bằng xử lý những thách thức cá nhân, vừa chia sẻ những âu lo với bạn bè, cộng đồng.

Quan trọng hơn, các chương trình hỗ trợ của Techcombank đã giúp các khách hàng đang gặp khó khăn có thể tái cấu trúc các khoản nợ và giảm thiểu ảnh hưởng của đại dịch lên dòng tiền của họ, từ đó khách hàng vững tin hơn để vượt qua cơn bão COVID-19.

Môi trường, xã hội và quản trị (ESG)

Những sự kiện đã diễn ra trong năm 2020 đã nhắc nhở chúng ta về mối liên hệ mật thiết giữa việc đẩy mạnh hoạt động ESG và sự bền vững của nền kinh tế cũng như sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Techcombank xác định rõ tầm quan trọng của các vấn đề như biến đổi khí hậu, sức khỏe và đa dạng hóa đối với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Việt Nam. Chúng tôi sẽ tiếp tục cam kết dành nguồn lực cho các hoạt động ESG trong giai đoạn 2021-2025 và xa hơn nữa.

CÂU CHUYỆN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Một năm chưa từng có với những kết quả ấn tượng

Dù phải đối mặt với bóng đen COVID-19 toàn cầu, các chính phủ đã có nhiều biện pháp ứng phó nhưng sự bất ổn vẫn bao trùm lên các nền kinh tế. Trong bối cảnh đó, thành công chống dịch của Việt Nam là minh chứng cho năng lực quản trị quốc gia và là động lực tăng trưởng tài chính giúp Việt Nam là một trong số ít quốc gia tăng trưởng dương trong năm 2020. Những nỗ lực đó kết hợp cùng với tốc độ triển khai dịch vụ số nhanh chóng của Techcombank trong năm năm qua, là cơ sở làm nên kết quả kinh doanh ấn tượng năm 2020 để báo cáo tới các Quý Cổ đông:

Lợi nhuận trước thuế (PBT) đạt mức kỷ lục

15.800

tỷ đồng (tăng 23,1%)

Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt

27.043

tỷ đồng (tăng 28,4%)

Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)

3,1 %

Liên tiếp

21 QUÝ

tăng trưởng doanh thu so với cùng kỳ

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II đạt

16,1 %

Phục vụ khoảng

8,4 TRIỆU

khách hàng (tăng 14,6 % cùng kỳ)

Dù vẫn phải đối mặt với các thách thức trong thời gian tới, tôi tin tưởng rằng những hoạt động và kết quả trong năm 2020 đã cho các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Nhà đầu tư thấy được năng lực thích ứng và tăng trưởng vượt trội của Techcombank kể cả khi thị trường biến động. Những thành tựu đó, giúp khẳng định niềm tin của chúng tôi vào hướng đi đúng đắn trên hành trình chuyển đổi của ngân hàng.

Bên lề COVID-19...

Techcombank luôn tìm kiếm sự hợp tác với các công ty có chung tầm nhìn và khát vọng. Ví dụ, Techcombank đã thiết lập mối quan hệ hợp tác thành công với VISA và Manulife. Năm 2020, chúng tôi vui mừng công bố quan hệ đối tác với One Mount Group – hệ sinh thái số lớn nhất Việt Nam. Thỏa thuận hợp tác với các công ty như One Mount Group giúp chúng tôi tiếp cận các hệ sinh thái và công nghệ mới để thúc đẩy tăng trưởng trong tương lai.

Khép lại một năm thành công, Techcombank được vinh danh “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” năm 2020 do tạp chí Finance Asia bình chọn và “Nhà tuyển dụng tốt nhất” do HR Asia trao tặng. Những giải thưởng danh giá khác đã trao cho Techcombank trong năm 2020 bao gồm:

Khép lại một năm thành công, Techcombank được vinh danh “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam”

THE ASIAN BANKER®
STRATEGIC BUSINESS INTELLIGENCE FOR THE FINANCIAL SERVICES COMMUNITY

Ngân hàng tốt nhất cho doanh nghiệp

THE ASIAN BANKER®
STRATEGIC BUSINESS INTELLIGENCE FOR THE FINANCIAL SERVICES COMMUNITY

Ngân hàng thanh toán tốt nhất Việt Nam

VIETNAM BEST PLACES TO WORK 2020
amphabe

intage
Know today. Power tomorrow

ADB
ASIAN DEVELOPMENT BANK

Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2020

THE ASIAN BANKER®
STRATEGIC BUSINESS INTELLIGENCE FOR THE FINANCIAL SERVICES COMMUNITY

Ngân hàng cho vay mua nhà tốt nhất

BEST EMPLOYER OF CHOICE 2020
by VIETNAM STUDENT
amphabe

Nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất với sinh viên Việt Nam 2020

Mức tăng trưởng vượt trội so với đối thủ của Techcombank được phản ánh vào giá cổ phiếu cũng như quy mô cổ đông được mở rộng nhanh chóng.

CÂU CHUYỆN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Viết tiếp thành công

Tại Techcombank, chúng tôi luôn hiểu rõ những ngân hàng không tham gia vào chương trình số hóa để bắt kịp yêu cầu ngày càng tăng của khách hàng sẽ gặp rất nhiều thách thức bao gồm cả việc tồn tại. Chặng đường chuyển đổi số đầu tiên của Techcombank vừa khép lại trong năm vừa qua đã đem lại lợi nhuận đáng kể cho ngân hàng, tạo nền tảng vững chắc để chiến lược chuyển đổi tiếp theo từ 2021-2025, một lần nữa giúp Techcombank tăng trưởng vượt trội trong tương lai.

Kế hoạch của chúng tôi là xây dựng nền tảng vững chắc với trọng tâm là phát triển nền tảng số, dữ liệu và nhân tài. Ngân hàng cũng sẽ tiếp tục chú trọng phát triển nền tảng số hóa để từ đó tận dụng các xu thế kinh tế vĩ mô toàn ngành – những xu thế đang giúp Việt Nam trở thành một trong những thị trường hoạt động hiệu quả trên thế giới. Đồng thời, chúng tôi sẽ tiếp tục cung cấp giải pháp và dịch vụ ngân hàng số dẫn đầu thị trường cho mạng lưới khách hàng ngày càng mở rộng. Một mục tiêu lớn Techcombank đặt ra đó là giúp người dân và doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng số thuận tiện hơn.

Techcombank sẽ tiếp tục đẩy mạnh những sản phẩm, dịch vụ tạo lợi nhuận lớn nhất như cho vay mua nhà, tài khoản tiết kiệm – tài khoản thanh toán (CASA) và quản lý gia sản. Chúng tôi cũng sẽ tận dụng những thế mạnh hiện nay như giải pháp đề xuất cho đối tượng khách hàng thu nhập cao, vị thế và sự am hiểu của Techcombank trong chuỗi giá trị bất động sản, cũng như các giải pháp và cơ sở hạ tầng thanh toán hàng đầu trên thị trường để đảm bảo tăng trưởng trong tương lai, củng cố vị thế dẫn đầu trong những lĩnh vực này. Đồng thời, chúng tôi sẽ đẩy nhanh quá trình đa dạng hóa để tham gia vào những lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng nhiều nhất trong tương lai như các dịch vụ ngân hàng thiết yếu hàng ngày và cho vay doanh nghiệp SME, tận dụng mạng lưới kết nối với các hệ sinh thái khách hàng lớn và các quan hệ đối tác chiến lược hiện hữu và mới thiết lập. Trong quá trình đó, chúng ta có thể đa dạng hóa nguồn thu nhập, nguồn vốn và rủi ro để đảm bảo an toàn.



Ngân hàng cũng sẽ tiếp tục chú trọng phát triển nền tảng số hóa, để từ đó tận dụng các xu thế kinh tế đang giúp Việt Nam trở thành một trong những thị trường hoạt động hiệu quả trên thế giới.

CÂU CHUYỆN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Viết tiếp thành công (Tiếp theo)

Chiến lược phát triển sắp tới của Techcombank có ba trụ cột:

Nền tảng số - Dữ liệu - Nhân tài

Nền tảng số



Một mặt, chúng tôi sẽ cung cấp cho khách hàng và cán bộ nhân viên các công cụ, báo cáo trên nền tảng số. Mặt khác, nền tảng số cũng sẽ giúp chúng tôi xây dựng năng lực dữ liệu lớn để hiểu hơn về khách hàng, từ đó chủ động giới thiệu các sản phẩm phù hợp hơn, khuyến khích khách hàng sử dụng Techcombank đồng thời cải tiến sản phẩm, dịch vụ của Techcombank tiện dụng, dễ dùng mọi lúc mọi nơi.

Dữ liệu



Năng lực dữ liệu cho phép tạo ra các trải nghiệm ở quy mô lớn. Khách hàng sẽ có được những trải nghiệm dễ dàng, trực quan, ít thao tác và có thể cá nhân hóa dựa trên lịch sử giao dịch. Song song với đó, cán bộ nhân viên của Techcombank có thể hiểu hơn về từng khách hàng cá nhân, từ đó đề xuất giải pháp hoàn hảo cho họ.

Nhân tài



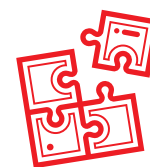
Nhân tài tiếp tục là chìa khóa giúp ngân hàng duy trì vị trí dẫn đầu trên thị trường tài chính. Chúng tôi sẽ nỗ lực hơn nữa để thu hút và phát triển con người với bộ kỹ năng và DNA số phù hợp với tầm nhìn của ngân hàng.

Chúng tôi cũng đánh giá lại những công việc đã triển khai để xác định mô hình phù hợp giúp chúng tôi mở rộng hoạt động sang những phân khúc như khách hàng thu nhập khá và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, việc thử nghiệm những cách tiếp cận mới và triển khai công nghệ sẽ giúp chúng tôi phục vụ tốt hơn các khách hàng cá nhân và tổ chức – cả về số lượng, chiều sâu và mức độ phù hợp với nhu cầu khách hàng. Mô hình kinh doanh hiệu quả hơn cũng giúp chúng tôi thu hút thêm nhiều khách hàng mới – đưa ra đề xuất giải pháp rõ nét cho khách hàng và mở rộng các dịch vụ cung cấp.

Chúng tôi luôn cam kết "vượt trội hơn mỗi ngày".

Có thể nói, nền tảng số, dữ liệu và nhân tài là những yếu tố then chốt giúp Techcombank đạt được mục tiêu đó.

Chúng tôi mong muốn Techcombank sẽ trở thành ngân hàng cổ phần hàng đầu Việt Nam với số lượng khách hàng tăng trưởng gấp đôi tới gấp ba lần hiện nay. Ngân hàng cũng luôn nỗ lực hoàn thành cam kết "vượt trội hơn mỗi ngày" – chấp nhận thử thách lớn hơn và cố gắng vượt qua kỳ vọng. Mục tiêu đó sẽ được hiện thực hóa thông qua việc:



Cung cấp giải pháp tốt nhất cho khách hàng



Tạo ra lợi nhuận vượt trội



Tạo ra lợi ích cho cộng đồng, xã hội



Thể hiện vai trò dẫn dắt, đưa Việt Nam tiến lên vị thế nước có thu nhập trung bình khá



Tham vấn cơ quan quản lý nhà nước về biện pháp cải thiện hệ thống tài chính



Đưa ra những lựa chọn hấp dẫn nhất cho những nhân tài xuất sắc nhất

CÂU CHUYỆN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Viết tiếp thành công (Tiếp theo)

Để làm được điều đó, đội ngũ lãnh đạo ngân hàng đã được bổ sung nhân sự có nhiều kinh nghiệm chuyển đổi, kiến thức và năng lực chuyên môn sâu. Tới năm 2025, mục tiêu của Techcombank là trở thành ngân hàng có giá trị vốn hóa 20 tỷ USD với:

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) khoảng

55%

Tỷ lệ thu nhập ròng từ phí trên tổng thu nhập hoạt động (NFI/TOI) khoảng

30%

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) khoảng

20%



Chúng tôi đã xây dựng những kịch bản kế hoạch dự phòng để ứng phó với bối cảnh biến động trong năm sắp tới. Tuy vậy, có hai điều tôi tin tưởng sẽ không thay đổi:

01



Quá trình dịch chuyển sang ngân hàng số là tất yếu và sẽ tiếp tục tăng tốc ở Việt Nam. Do đó, chúng ta cần tiếp tục đầu tư và nâng cấp công nghệ một cách nghiêm túc và thận trọng.

02



Để sẵn sàng đối phó với mọi yếu tố bất định, chúng ta cần tiếp tục làm tốt công tác nhân sự, thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài.

Để tiếp tục phát triển bền vững, Techcombank cần phải kịp thời nắm bắt những nhu cầu, xu thế mới trong ngành dịch vụ tài chính; luôn thích ứng và đổi mới sáng tạo để đáp ứng kì vọng của khách hàng. Quan trọng hơn cả, chúng tôi sở hữu đội ngũ cán bộ nhân viên tài năng có thể giúp ngân hàng đạt mục tiêu đã đề ra.

Kết thư, tôi muốn cảm ơn Hội đồng Quản trị Techcombank vì những dẫn dắt, định hướng đúng

đắn trong một năm đầy thử thách vừa qua. Tôi cũng trân trọng và biết ơn đội ngũ cán bộ nhân viên tài năng của ngân hàng đã làm việc không ngừng nghỉ để đạt được những kết quả tốt nhất. Và hơn hết, tôi muốn cảm ơn các Quý khách hàng đã, đang và sẽ tiếp tục ủng hộ tâm nhìn và khát vọng trở thành ngân hàng tốt nhất Việt Nam của Techcombank.



2020

Một năm chưa từng có
với những kết quả ấn tượng

03

VỀ CHÚNG TÔI

Thông tin chung	26
Tâm nhìn, sứ mệnh	28
Mạng lưới hoạt động và các công ty con	30
Chặng đường lịch sử	34



THÔNG TIN CHUNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam



Tên giao dịch

Tên tiếng Việt NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Tên tiếng Anh VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL JOINT-STOCK BANK

Tên giao dịch TECHCOMBANK

Tên viết tắt TECHCOMBANK

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/03/2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP ngày 06/08/1993).

**Giấy phép đăng ký
kinh doanh số 0100230800**

Đăng ký lần đầu 07 tháng 09 năm 1993

Sửa đổi lần thứ 52 19 tháng 01 năm 2021

Vốn điều lệ 35.049.062.300.000

Bảng chữ Ba mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.

Thông tin chung

Địa chỉ Tòa nhà Techcombank – 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại (+84) (243) 944 6368

Fax (+84) (243) 944 6395

Website www.techcombank.com.vn

Mã cổ phiếu TCB

Giới thiệu chung

Được thành lập năm 1993 - Techcombank, với số vốn điều lệ chỉ 20 tỷ đồng cách đây 27 năm hôm nay đã trở thành một trong những ngân hàng lớn nhất về vốn điều lệ. Sự thành công của chúng tôi đến từ chiến lược tập trung giải quyết nhu cầu luôn thay đổi của khách hàng. Đến nay, Techcombank đã cung cấp nhiều loại sản phẩm, dịch vụ đa dạng cho hơn 8 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam thông qua 1 trụ sở chính, 2 văn phòng đại diện và 309 điểm giao dịch tại 45 tỉnh thành trên cả nước, không chỉ đáp ứng nhu cầu giao dịch ngân hàng thông thường mà còn đảm bảo nhu cầu an toàn tài chính cho người Việt Nam.

Với tầm nhìn "Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống; thúc đẩy mỗi người khai phá tiềm năng và bản lĩnh hành động cho những điều vượt trội", Techcombank cam kết không ngừng mang đến những giá trị vượt trội cho khách hàng và cổ đông; chú trọng các giải pháp tiên phong phục vụ cho nhu cầu ngày một phát triển của khách hàng, trở thành đối tác tài chính tin cậy nhất của khách hàng. Techcombank mang sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

Dịch vụ ngân hàng

Các hoạt động chính của ngân hàng bao gồm:



Huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân



Cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của ngân hàng



Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép



Thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật

Techcombank xác định mục tiêu trở thành trung tâm cho mọi giải pháp tài chính, đồng hành cùng người dân và doanh nghiệp phát triển bền vững, nâng tầm giá trị sống.

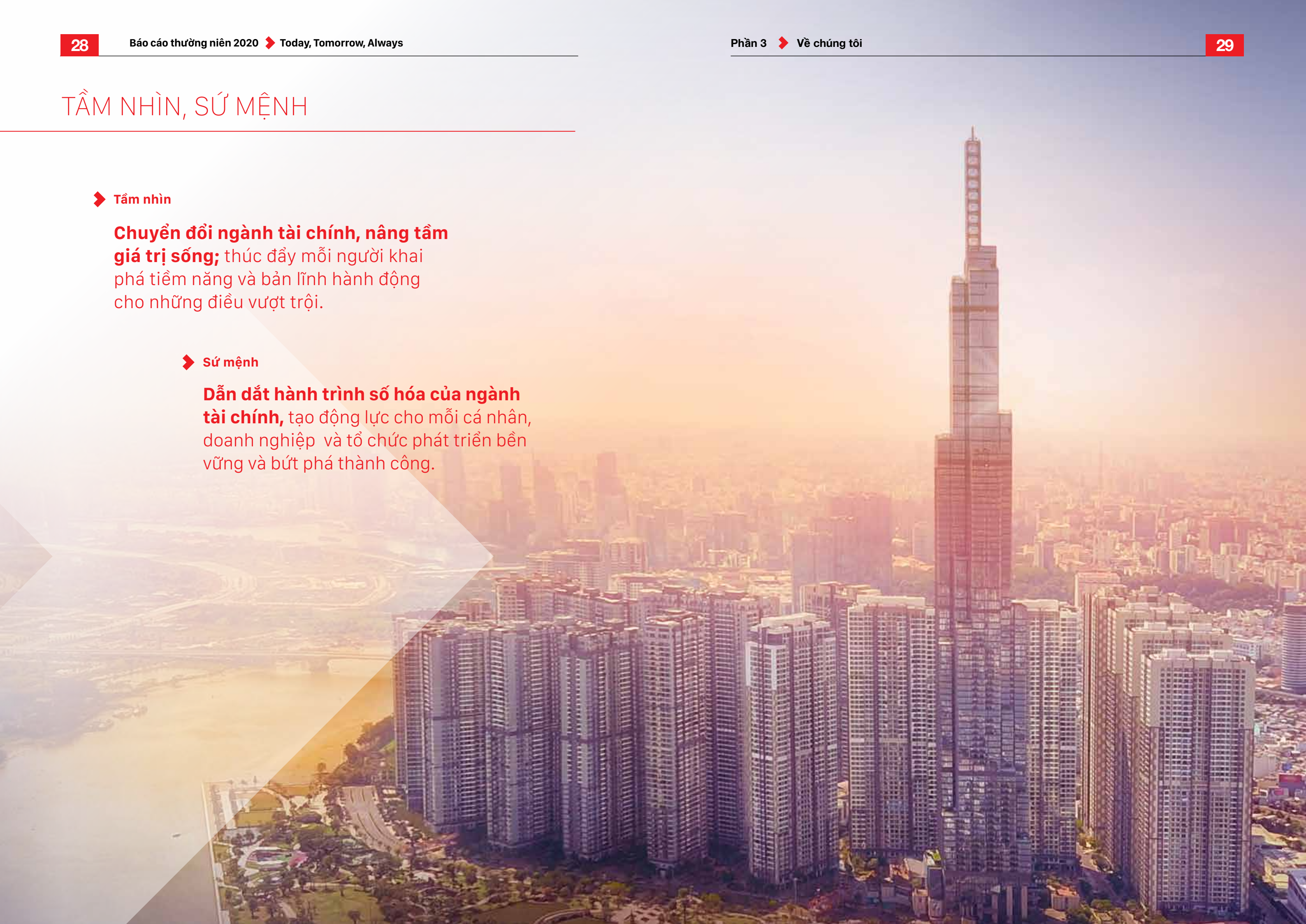
TẦM NHÌN, SỨ MỆNH

▶ Tầm nhìn

Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống; thúc đẩy mỗi người khai phá tiềm năng và bản lĩnh hành động cho những điều vượt trội.

▶ Sứ mệnh

Dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.



LỊCH SỬ VÀ THÀNH TỰU 27 NĂM CỦA TECHCOMBANK

1993

Thành lập với vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

2001

Triển khai hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Globus theo tiêu chuẩn quốc tế.

2003

Tham gia hệ thống thanh toán thẻ toàn cầu thông qua thẻ F@st Access - Connect 24.

2006

Tham gia "câu lạc bộ" các ngân hàng có tài sản trên 1 tỷ USD.

2008

Thành viên sáng lập liên minh thẻ lớn nhất Việt Nam Smartlink; Ra mắt thẻ tín dụng Techcombank Visa.

2009

Khẳng định vị trí ngân hàng TMCP hàng đầu với vốn điều lệ lên 5.400 tỷ đồng; tổng tài sản đạt mức 95.000 tỷ đồng và là ngân hàng đầu tiên hợp tác với nhà tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới McKinsey.

2010

Techcombank là "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010" do tạp chí EuroMoney trao tặng, và được đánh giá cao với nhiều giải thưởng quốc tế.

2011

Ngân hàng TMCP lớn thứ 2 Việt Nam với quy mô mạng lưới với quy mô tổng tài sản 180.000 tỷ cùng 307 chi nhánh trên toàn quốc.

2012

Ngân hàng đi đầu trong việc mang đến trải nghiệm công nghệ số thông qua dịch vụ giao dịch ATM không cần thẻ đến hơn 2,8 triệu khách hàng.

2014

- Khẳng định vị thế ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ với 23 giải thưởng uy tín từ các tổ chức trong và ngoài nước như Global Finance, IFC, Finance Asia.
- Là sự lựa chọn tin cậy của 3,7 triệu khách hàng cá nhân và 48 ngàn khách hàng doanh nghiệp.

2015

Top 2 ngân hàng có doanh số thanh toán thẻ Visa lớn nhất thị trường, với 4,2 triệu khách hàng.

2016

- Bước vào giai đoạn bứt phá với sự ra mắt và triển khai chiến lược 2016-2020 để trở thành ngân hàng dẫn dắt đời sống tài chính của người dân Việt Nam, và là Ngân hàng số 1 Việt Nam.
- Lợi nhuận 2016 tăng trưởng gấp đôi so với năm trước, với giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" được trao tặng bởi Finance Asia, "Ngân hàng Việt Nam xuất sắc của năm" từ Asia Risk và "Doanh nghiệp có chính sách nhân sự xuất sắc" Vietnam HR Awards.

2017

- Ngân hàng đứng đầu về chỉ số tín nhiệm tương đương mức trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia do S&P công bố.
- Duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận gấp đôi đạt 8.036 tỷ đồng, đứng thứ hai về khả năng sinh lời do Asian Banker xếp hạng, với số lượng khách hàng đạt mốc hơn 5 triệu.

2016

- Ngân hàng đứng đầu về doanh số thanh toán thẻ quốc tế Visa của Việt Nam.
- Ngân hàng dẫn đầu về sản phẩm Bancassurance, mang đến sự hợp tác chiến lược với nhà cung cấp bảo hiểm hàng đầu Manulife.
- Đứng đầu về chỉ số gắn kết (EES) do cán bộ nhân viên bình chọn và đứng Top 2 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành tài chính ngân hàng.
- Ghi dấu ấn biểu tượng Kết nối cộng đồng với Giải Marathon Quốc tế TP. Hồ Chí Minh Techcombank.

2018

- Chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, với mã cổ phiếu TCB, giá trị vốn hóa tại thời điểm niêm yết 6,5 tỷ USD.
- Top 3 thương vụ IPO lớn nhất thị trường Đông Nam Á 2018.
- Tăng vốn điều lệ gấp 3 lần lên mức 34.965,9 tỷ đồng
- Là ngân hàng cổ phần tư nhân đầu tiên vượt mức lợi nhuận 10.000 tỷ đồng.
- Ngân hàng đứng đầu về doanh số giao dịch thẻ Visa (debit và credit) tại Việt Nam do tổ chức Thẻ Quốc tế Visa trao tặng.
- Giải thưởng Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2018 do tổ chức Euromoney bình chọn.
- Giải thưởng Ngân hàng Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam 2018 do tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng.

2019

- Lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục trên 12 nghìn tỷ đồng và đón thêm 1 triệu khách hàng mới.
- Giải thưởng "Ngân hàng xuất sắc nhất Việt Nam" do Asia Risk bình chọn, khẳng định năng lực thiết kế và cung cấp các sản phẩm phái sinh với quy mô lớn, các giải pháp tài chính cho khách hàng và hệ thống quản trị nội bộ bài bản.
- Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán tốt nhất Việt Nam 2019" do The Asian Banker trao tặng.
- Đứng đầu ngành ngân hàng về hiệu quả hoạt động, vượt mục tiêu trước 2 năm. Có nền tảng Nhân sự xuất sắc với chỉ số OHI và EES ở mức kỷ lục.
- Đứng đầu toàn thị trường về doanh số thanh toán qua thẻ, nhận 7 giải thưởng từ tổ chức VISA - số lượng giải nhiều nhất từng được trao cho một ngân hàng.
- Chính thức áp dụng chuẩn Basel II từ 1/7/2019, tỷ lệ CAR luôn ở mức cao gấp đôi so với chuẩn yêu cầu của NHNN.
- Khai trương Văn phòng Hội sở mới Techcombank Agile Center tại 119 Trần Duy Hưng.

2020

- Trong bối cảnh của đại dịch COVID-19, ưu tiên nguồn lực để xây dựng cơ chế bảo vệ CBNV, khách hàng;
- Đẩy mạnh năng lực về số hóa và dữ liệu: Triển khai phương thức làm việc Agile; thành lập khối Dữ liệu & Phân tích.
- Tạo ra hệ sinh thái các tiện ích toàn diện với trải nghiệm đa kênh end-to-end trên nền tảng số lần đầu tiên tại Việt Nam.
- "Giao dịch vay hợp vốn thành công nhất" tại Việt Nam năm 2020, với khoản vay hợp vốn 500 triệu USD.
- Hợp tác cùng đối tác One Mount Group, thiết lập trải nghiệm số hóa xuyên suốt trên hành trình khách hàng: Giải pháp tài chính "Thẻ ứng vốn" cho chủ tiệm tạp hoá VinShop; trải nghiệm vay mua nhà toàn diện xuyên suốt với OneHousing.
- Tỷ lệ CASA 46,1% đứng số 1 thị trường - tổng huy động CASA lần đầu tiên vượt 100.000 tỷ đồng;
- ROA cao nhất toàn ngành ngân hàng, ở mức 3,1%.
- Thương hiệu số 1 về hoạt động hiệu quả từ Forbes.
- "Thương hiệu ngân hàng ấn tượng nhất 2020" và "Ngân hàng có sức khỏe thương hiệu tốt nhất" từ MiBrand - đối tác trong nước của Brand Finance.

CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục

15.800 tỷ đồng

Năm 1993, khi Techcombank được thành lập, Việt Nam vừa mới trải qua Công cuộc Đổi Mới. Cũng như nền kinh tế Việt Nam, Techcombank đã trải qua 27 năm với nhiều giai đoạn phát triển. Nhìn chung, nền kinh tế trong nước cũng như ngành Tài chính - Ngân hàng vẫn còn rất non trẻ, và dự báo thị trường tài chính Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

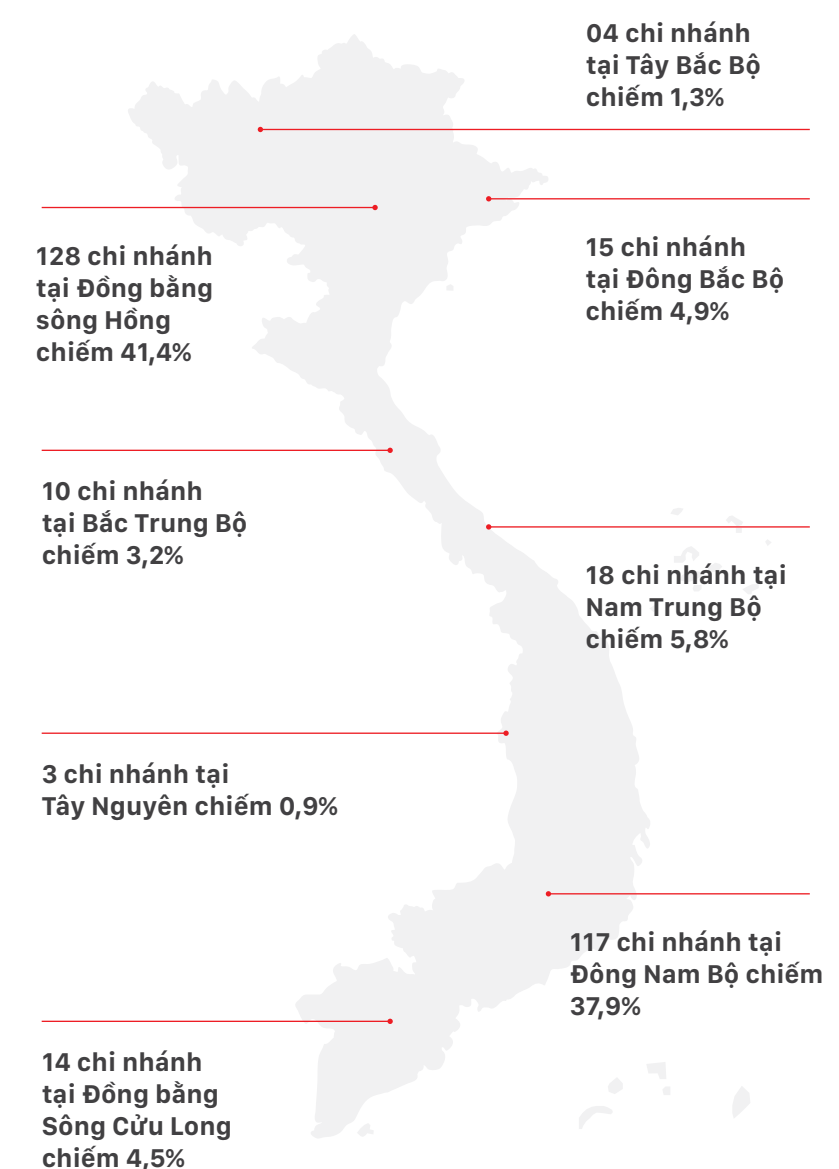
Với Techcombank, khi chúng tôi đặt ra tầm nhìn của mình, thành công không chỉ là đích đến cuối cùng mà còn là dấu ấn của cả một quá trình chuyển đổi. Tiếp nối những thành công trong năm 2019 và vượt qua khó khăn của năm 2020, Techcombank đã tiếp tục khẳng định vị trí của Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam, khi lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục 15,8 nghìn tỷ đồng, hiệu quả hoạt động dẫn đầu ngành và đón thêm 1 triệu khách hàng mới. Với những kết quả vượt trội này, Techcombank tự tin hướng đến hoàn thành các mục tiêu năm 2021, và vững bước trên hành trình chuyển đổi để trở thành Ngân hàng tốt nhất Việt Nam.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mạng lưới chi nhánh và điểm giao dịch

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, hai (02) văn phòng đại diện, ba trăm linh chín (309) điểm giao dịch trên cả nước và ba (03) công ty con.

Hoạt động tại 45 trên 63 tỉnh thành trên cả nước:



01

Hội sở chính

02

Văn phòng đại diện

309

Điểm giao dịch

03

Công ty con

Các công ty con

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (Techcom Securities – TCBS)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (Techcom Securities – TCBS) với hai mảng kinh doanh cốt lõi của TCBS gồm Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và Quản lý Gia sản đã chính thức hoàn thành chiến lược phát triển 5 năm với 4 mục tiêu chính được chinh phục (Số 1 tại Việt Nam, 100.000 khách hàng trung lưu, 100 triệu đô la lợi nhuận và 1 tỷ đô la vốn hóa).

Năm 2020, doanh thu từ nghiệp vụ tư vấn doanh nghiệp tăng 47%, chiếm 53% tổng doanh thu công ty, đạt 1.717 tỷ đồng. Mảng Quản lý gia sản ghi nhận tăng trưởng mạnh trong năm 2020, đạt 1.542 tỷ đồng, tăng 54%.

2020 Highlights

“Nhà tư vấn trái phiếu tốt nhất Việt Nam” của 2 tạp chí tài chính hàng đầu The Asset và Finance Asia



2020 là năm thứ 5 liên tiếp TCBS được vinh danh giải thưởng danh giá tại các hạng mục.

Tiên phong trong việc tư vấn và thu xếp phát hành trái phiếu doanh nghiệp của 1 ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam

Ngày 10/08/2020, HSBC đã phát hành thành công 600 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 3 năm với sự thu xếp của TCBS.

Quán quân thị phần giao dịch trái phiếu niêm yết trên sàn HoSE

2020 cũng là năm thứ 5 liên tiếp TCBS giữ vững vị trí này.

Doanh thu công ty đạt

1.717

tỷ đồng

Tư vấn doanh nghiệp

▲ 47%

88% thị phần quỹ trái phiếu tại Việt Nam

Quỹ trái phiếu TCBF do TCBS phân phối tiếp tục giữ vị thế là quỹ mở nội địa lớn nhất Việt Nam.

Mở tài khoản 100% trực tuyến

TCBS là công ty chứng khoán tiên phong ứng dụng thành công dịch vụ mở tài khoản 100% trực tuyến. Nhờ đó, số lượng khách hàng mở mới tại TCBS tăng mạnh thêm 107.000 khách hàng năm 2020, chiếm 27% toàn thị trường.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

Các công ty con (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (Techcom Securities – TCBS) (Tiếp theo)

Thông tin chung	
Giấy phép đăng ký kinh doanh số	37/GPĐC - UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/06/2019
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 10 và tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại hình kinh doanh	Hoạt động chứng khoán
Vốn điều lệ	1.123.595.510.000 đồng
% sở hữu bởi Techcombank	89%

Chỉ số tài chính vững mạnh

Năm 2020, những chỉ số tài chính chủ lực của TCBS tiếp tục duy trì ở mức độ vững mạnh và an toàn cao. Tổng giá trị tài sản và doanh thu tăng trưởng đều đặn trong giai đoạn 5 năm từ 2016 – 2020. Tổng doanh thu năm 2020 ghi nhận 3.260 tỷ đồng, tăng 50% và lợi nhuận trước thuế đạt 2.692 tỷ đồng, tăng 48% so với 2019. Biên lợi nhuận trước thuế đạt 83%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 40%. Tổng tài sản của Công ty tiếp tục tăng 39% từ 6.304 tỷ đồng lên 8.759 tỷ đồng.

Mảng quản lý gia sản duy trì nhiều thành tựu

Năm 2020, TCBS trở thành đơn vị tiên phong trong việc tư vấn và thu xếp phát hành thành công cho trái phiếu doanh nghiệp của 1 ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam – cụ thể, ngày 10/08/2020, HSBC đã phát hành thành công 600 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 3 năm dưới sự thu xếp của TCBS.

Năm 2020, TCBS đã phân phối hơn 34.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp iBond, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 5 năm 2016 - 2020,

Tổng doanh thu năm 2020 ghi nhận

3.260 tỷ đồng

▲ 50%

Thị phần giao dịch trái phiếu tiếp tục dẫn đầu

Nguồn: HOSE



Thị phần giao dịch trái phiếu năm 2020

hơn 110.000 tỷ đồng sản phẩm iBond đã được TCBS phân phối ra thị trường bán lẻ cho hơn 28.000 nhà đầu tư cá nhân. TCBS hiện chiếm hơn 68% thị phần giao dịch trái phiếu niêm yết tại Sở GDCK HCM (HoSE), giữ vững vị trí quán quân trên bảng xếp hạng năm thứ 5 liên tiếp.

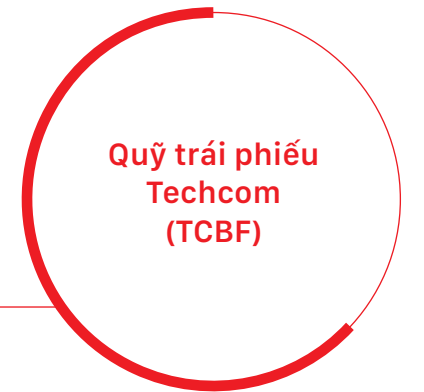
Quỹ trái phiếu TCBF tăng trưởng ổn định

Cập nhật: 12/2020

Năm 2020, khối lượng phân phối các Quỹ đầu tư iFund của TCBS đạt hơn 25.500 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2019. Trong đó, Quỹ trái phiếu Techcom (TCBF) hiện là quỹ đầu tư nội địa có quy mô tài sản lớn nhất Việt Nam với tổng giá trị tài sản ròng (NAV) đạt 24.130 tỷ đồng (hơn 1 tỷ đô la Mỹ) tại ngày 31/12/2020, chiếm 63% thị phần các quỹ nội địa về cổ phiếu và trái phiếu của Việt Nam.

24.129 tỷ đồng

63%



Thị phần quỹ đầu tư nội địa tại Việt Nam

Bám sát chiến lược Wealthtech để phát triển sản phẩm và dịch vụ

TCBS hiện là một trong những ngân hàng đầu tư tập trung theo đuổi chiến lược Wealthtech. Cho chiến lược 5 năm tới từ 2021-2025, mục tiêu của TCBS là trở thành một công ty công nghệ tài chính (Wealthtech) hàng đầu trong khu vực.

Việc đơn giản hóa các quy trình, thủ tục, giấy tờ và áp dụng các xu hướng Wealthtech vào hoạt động kinh doanh đã giúp TCBS nhanh nhạy nắm bắt thị yếu khách hàng, để từ đó liên tục thay đổi, nâng tầm dịch vụ và trải nghiệm cho khách hàng.

Việc tiên phong áp dụng công nghệ eKYC cho mở tài khoản online với chỉ 5 phút, cùng với việc áp dụng trí tuệ nhân tạo vào các tính năng, công cụ độc đáo cho đầu tư trên nền tảng TCIInvest đã giúp số lượng khách hàng mở mới tại TCBS tăng mạnh thêm 107.000 khách hàng mới cho 2020, chiếm khoảng 27% toàn thị trường.

TCBS luôn đưa ra nhiều chia sẻ lợi ích đặc biệt nhằm tri ân Khách hàng quanh năm. Ví dụ như các hạn mức vay ký quỹ (Dynamic margin) với lãi suất vay chỉ bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn 0,5%/năm; tặng iXu cho khách hàng thân thiết hoặc chương trình Giới thiệu bạn bè để cả hai cùng được nhận miễn phí cho 100 triệu đồng giao dịch, v.v. Năm 2020, TCBS đã gửi tặng tri ân khách hàng hơn 25.407 iXu, tương ứng 25,4 tỷ đồng.

107.000

khách hàng mới cho 2020

chiếm khoảng

27%

toàn thị trường

Gửi tặng tri ân khách hàng

>25.407 iXu

tương ứng 25,4 tỷ đồng

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

Các công ty con (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (Techcom Capital – TCC)

Thông tin chung	
Giấy phép đăng ký kinh doanh số	33/GPĐC - UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/06/2019
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 10, Toà nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại hình kinh doanh	Quản lý quỹ
Vốn điều lệ	44.943.820.000 đồng
% sở hữu bởi Techcombank	89%

Được thành lập từ năm 2008, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương ("Techcom Capital") là công ty con thuộc Techcombank. Mục tiêu của TCC là cung cấp các dịch vụ quản lý đầu tư và tư vấn tài chính doanh nghiệp bao gồm: Tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp, Tư vấn huy động vốn và Tư vấn M&A.

Điểm nhấn 2020

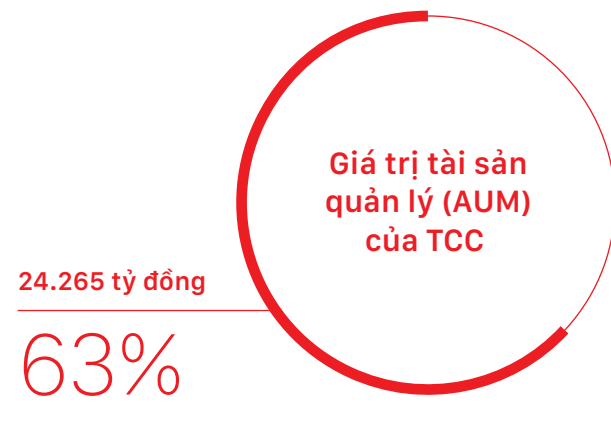
Doanh thu và lợi nhuận TCC tăng trưởng tương ứng 50% và 27% so với năm 2019.

Tính riêng về quy mô tài sản quản lý của các quỹ mở nội địa, giá trị tài sản quản lý (AUM) của TCC hiện đạt 24.265 tỷ đồng, chiếm 63% thị phần, tiếp tục duy trì vị trí số 1 về quy mô tài sản quản lý tại Việt Nam.

Quỹ mở trái phiếu TCBF chiếm đến 88% thị phần quỹ mở trái phiếu nội địa.

Techcom Capital trong năm 2020

Năm 2020, TCC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế của TCC đạt lần lượt 330 tỷ đồng và 234 tỷ đồng, tương ứng tăng 50% và 26% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng tài sản tăng 69% lên 488 tỷ đồng, biên lợi nhuận trước thuế vẫn ở mức cao 71%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 53%.



Lợi nhuận trước thuế của TCC đạt

234 tỷ đồng

▲ 26%

so với cùng kỳ năm 2019

Quản lý Quỹ đầu tư

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (TCBF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 24.129 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định như các trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

Tình hình hoạt động: Năm 2020, TCC đã phân phối 25.000 tỷ đồng chứng chỉ quỹ TCBF. Tại ngày 31/12/2020, quỹ TCBF có tổng giá trị tài sản ròng đạt 24.129 tỷ đồng, tăng 57% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ đó góp phần giúp quỹ TCBF giữ vững vị trí là quỹ đầu tư nội địa lớn nhất thị trường với thị phần 63%.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2019	2020	Tăng trưởng (%)
NAV/CCQ (đồng)	13.765	14.649	6,4%

Ngày thành lập quỹ: 8/9/2015

Quỹ Đầu Tư Bất Động Sản (TCREIT)

Loại quỹ: Quỹ đóng niêm yết, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 62 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi ích dài hạn cho nhà đầu tư nhờ nguồn thu nhập đều đặn và ổn định từ bất động sản và tăng trưởng dài hạn của giá trị bất động sản, dựa trên chiến lược quản lý bất động sản năng động, hiệu quả. Ngoài ra, quỹ có thể đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính quyền địa phương, các cổ phiếu niêm yết hàng đầu trên Sở HOSE và HNX.

Tình hình hoạt động: Quỹ tiếp tục duy trì hoạt động ổn định năm 2020.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2019	2020	Tăng trưởng (%)
NAV/CCQ (đồng)	12.261	12.445	1,5%

Ngày thành lập quỹ: 29/6/2016

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Linh Hoạt (FlexiCA\$H)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 60 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020.

Chiến lược đầu tư: Tối ưu hóa lợi nhuận dòng tiền ngắn hạn của khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Thay vì để tiền ngắn hạn chưa sử dụng tại ngân hàng với lãi suất không kỳ hạn 0,5%/năm, nhà đầu tư có thể thu được lợi nhuận kỳ vọng lên đến 6%/năm cho thời hạn đầu tư ngắn hạn chỉ từ một đến vài tuần.

Tình hình hoạt động: FlexiCA\$H có danh mục đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn ngắn. Năm 2020, TCC đã phân phối hơn 492 tỷ đồng chứng chỉ quỹ FlexiCA\$H cho hơn 1.400 khách hàng Việt Nam.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2019	2020	Tăng trưởng (%)
NAV/CCQ (đồng)	10.678	11.163	4,5%

Ngày thành lập quỹ: 5/12/2018

Quỹ Đầu Tư Cổ phiếu (TCEF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 76 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào (i) chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu (ii) chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, (iii) chứng khoán có mức định giá hấp dẫn, (iv) chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Tình hình hoạt động: Năm 2020, thị trường sụt giảm mạnh đầu năm do ảnh hưởng của dịch COVID-19, tuy nhiên sau đó đã phục hồi tích cực. Trong bối cảnh đó, Quỹ TCEF tiếp tục đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu, tập trung trong rổ chỉ số VN30, đạt mức tăng trưởng 13,5% cả năm 2020.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2019	2020	Tăng trưởng (%)
NAV/CCQ (đồng)	13.364	15.170	13,5%

Ngày thành lập quỹ: 8/9/2015

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON (TIẾP THEO)

Các công ty con (Tiếp theo)

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Techcombank AMC tự hào là một trong những công ty xử lý nợ và khai thác tài sản dẫn đầu trên thị trường.

Thông tin chung

Giấy phép đăng ký kinh doanh số	0102786255 được cấp lần đầu ngày 18/06/2008, sửa đổi lần thứ 22 ngày 03/05/2019
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Số 191, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại hình kinh doanh	Quản lý nợ và khai thác tài sản
Vốn điều lệ	410.000.000.000 đồng
% sở hữu bởi Techcombank	100%

Đóng vai trò là khâu cuối cùng trong chu trình tín dụng, Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank AMC) có nhiệm vụ xử lý các khoản nợ xấu, nợ quá hạn nhận ủy thác từ Techcombank. Với đội ngũ gần 300 cán bộ nhân viên trẻ, chuyên nghiệp, am hiểu pháp luật, Techcombank AMC tự hào là một trong những công ty xử lý nợ và khai thác tài sản dẫn đầu trên thị trường. Năm 2020, Techcombank AMC đã đạt được các con số đáng ghi nhận và góp một phần không nhỏ vào kết quả hoạt động của Techcombank:



Tổng số tiền thu hồi nợ trong năm đạt 2.830 tỷ đồng, trong đó Techcombank AMC đã đóng góp trực tiếp 1.260 tỷ đồng vào lợi nhuận của Techcombank thông qua thu nợ nhóm khách hàng đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro, số thu 1.570 tỷ đồng còn lại từ nhóm khách hàng nội bảng đã góp phần giữ tỷ lệ nợ xấu của Techcombank theo kế hoạch, đồng thời góp phần đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn cho Techcombank theo quy định.

Trong năm 2020, Techcombank AMC tập trung phát triển phần mềm Quản lý nợ - là công cụ hỗ trợ quản lý công tác xử lý nợ quan trọng, đồng thời nâng cấp các tính năng của phần mềm. Bên cạnh các mục tiêu về tài chính, trong năm 2021, Techcombank AMC sẽ tiếp tục hướng đến mục tiêu tối ưu hóa công tác xử lý nợ thông qua dự án cải tiến mô hình xử lý nợ, đồng thời tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm, số hóa và tự động hóa công tác dự báo số thu nhằm chuẩn bị sẵn sàng theo kịp các thay đổi cũng như các mục tiêu tham vọng của Techcombank trong phát triển tín dụng.

Tổng số tiền thu hồi nợ trong năm đạt

2.830 tỷ đồng

Đóng góp trực tiếp vào lợi nhuận của Techcombank

1.260 tỷ đồng

thu nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng từ rủi ro

04

TODAY,
TOMORROW
AND ALWAYS**Today**

- ▶ Những thành quả trên chặng đường chuyển đổi 2016-2020 46
- ▶ 2020 - Một năm chưa từng có với những kết quả ấn tượng 50

Tomorrow

- ▶ Chiến lược dữ liệu 82
- ▶ Số hóa và công nghệ 85
- ▶ Đào tạo & phát triển Nhân tài 89

Always

- ▶ Quản trị Ngân hàng 100
- ▶ Quản trị Rủi ro 134
- ▶ Văn hóa tổ chức 137
- ▶ Cơ cấu Cổ đông và Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư 144
- ▶ Môi trường, xã hội và quản trị 148





Today

Hành trình chuyển đổi số
đã gặt hái những thành quả
bước đầu

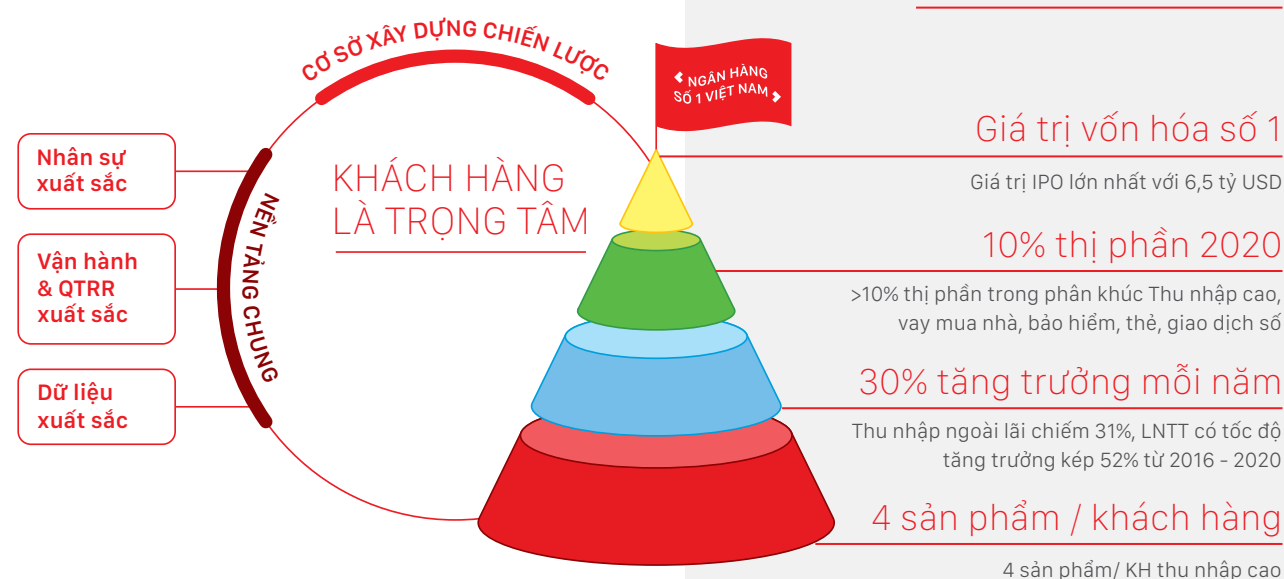
TODAY

Những thành quả trên chặng đường chuyển đổi 2016 - 2020

Với tầm nhìn "Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống; thúc đẩy mỗi người khai phá tiềm năng và bản lĩnh hành động cho những điều vượt trội", Techcombank cam kết tạo ra giá trị cho tất cả các bên bao gồm khách hàng, nhân viên, cổ đông và các bên liên quan khác. Techcombank khát vọng trở thành đối tác tài chính được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng, tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất và mang lại cho cổ đông những lợi ích hấp dẫn, lâu dài.

Techcombank khát vọng trở thành đối tác tài chính được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng

Chiến lược Techcombank 2016 - 2020



Để đạt được khát vọng này, chúng tôi đã đặt mọi nỗ lực của mình vào việc am hiểu và đáp ứng nhu cầu của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vượt trội giúp khách hàng hiện thực hóa giấc mơ và thành công theo cách của riêng mình. Bất kể việc gì chúng tôi làm – chúng tôi đều luôn tự hỏi "Điều này có đang giúp gì cho khách hàng của mình hay không?". Bởi chỉ khi nào khách hàng thành công thì chúng tôi mới có thể thành công được. Thành công của khách hàng chính là thành công của Ngân hàng. Kết quả là số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ của Techcombank tăng lên đáng kể, với hơn 8 triệu khách hàng cá nhân, gần 160 nghìn khách hàng doanh nghiệp, trong đó có gần 2.000 khách hàng doanh nghiệp lớn. Nhưng thành tựu không chỉ là số lượng khách hàng mà quan trọng hơn là số lượng và giá trị giao dịch tăng lên mạnh mẽ.

Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất, với nhiều cơ hội để phát triển năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự nghiệp thành đạt. Tại Techcombank, chúng tôi chiêu mộ, phát triển và giữ lại những ứng viên tốt nhất. Chúng tôi xây dựng một lộ trình sự nghiệp rõ ràng, tạo động lực cho hơn 11.000 cán bộ nhân viên để họ nỗ lực cống hiến hết mình cho tổ chức. Mức lương thưởng cạnh tranh và những khóa tập huấn nghiệp vụ - kỹ năng chắc chắn là những khoản đầu tư xứng đáng cho tương lai của mỗi CBNV nói riêng và cho toàn Ngân hàng nói chung. Ngoài ra, Ngân hàng cũng tập trung vào việc xây dựng và thúc đẩy văn hóa "Lấy khách hàng làm trọng tâm", xây dựng và áp dụng cách thức làm việc và môi trường làm việc Agile mới cũng như khuyến khích tư duy luôn đổi mới và sáng tạo để luôn dẫn đầu.

Để mang lại cho cổ đông những lợi ích hấp dẫn lâu dài, Ngân hàng đã triển khai một chiến lược phát triển kinh doanh nhanh mạnh song song với việc áp dụng các thông lệ quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro chặt chẽ theo tiêu chuẩn quốc tế.

8,4 triệu khách hàng cá nhân 159.886 khách hàng doanh nghiệp

Những nỗ lực không ngừng trong 05 năm thực hiện chuyển đổi chiến lược (2016 - 2020) đã giúp Ngân hàng đứng đầu về hiệu quả hoạt động, khẳng định sự thành công của Chiến lược "Lấy khách hàng là trọng tâm" và hướng đi đúng đắn từ chuyển đổi nền tảng số mà Ngân hàng đang kiên định theo đuổi.

	2016	2020
#1 Quỹ đầu tư AUM và Trái phiếu	TOI Nghìn tỷ đồng	11,8 → 27,0 +23,0% p.a.
#1 Ngân hàng tại Việt Nam về thẻ VISA		
#1 Tỷ lệ CASA trên thị trường	ROA	1,5% → 3,1% +160 bps
8X Tăng trưởng khách hàng E-banking	Tỷ lệ CASA	22,7% → 46,1% +23,4% pts

TODAY

Những thành quả trên chặng đường chuyển đổi 2016 - 2020

Giá trị và nền tảng vững chắc mà Techcombank tạo ra đã được ghi nhận bởi các tổ chức lớn trên thế giới như: "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" bởi Finance Asia, "Nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất 2020" bởi Anphabe, Ngân hàng giao dịch tốt nhất tại Việt Nam bởi Asian Banker, v.v.

Đánh giá bởi các tổ chức độc lập



Ngân hàng tốt nhất Việt Nam



Ngân hàng xuất sắc nhất Việt Nam

Xếp hạng tín dụng cao nhất tại Việt Nam



Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất



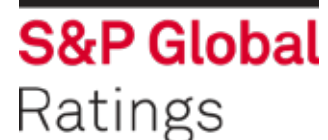
Top2 giá trị thương hiệu trong ngành Ngân hàng



Ba3



- ▶ Ngân hàng SME tốt nhất tại Việt Nam
- ▶ Sản phẩm cho vay mua nhà tốt nhất tại Việt Nam
- ▶ Ngân hàng thanh toán tốt nhất tại Việt Nam



BB-/Ổn định/B

Sự thành công của hành trình chiến lược 2016 - 2020 đã đặt một nền tảng vững chắc cho giai đoạn chuyển đổi 5 năm tiếp theo (2021 - 2025) của Ngân hàng với khát vọng trở thành Ngân hàng trị giá 20 tỷ USD vào năm 2025.

Để hiện thực hóa khát vọng này, Techcombank cần tập trung:



Đẩy mạnh

- ▶ Tập trung vào các nguồn lợi nhuận lớn nhất ví dụ như cho vay mua nhà, CASA, quản lý gia sản;
- ▶ Phát huy các lĩnh vực thế mạnh, ví dụ như phân khúc khách hàng thu nhập cao, bất động sản, thanh toán.

Tỷ lệ CASA
~55%

Tỷ lệ NFI/TOI
~30%



Đa dạng hóa

- ▶ Đảm bảo sự tăng trưởng của các lĩnh vực cốt lõi trong tương lai;
- ▶ Tham gia vào các lĩnh vực tăng trưởng trong tương lai ví dụ như các hoạt động Ngân hàng hàng ngày, quan hệ đối tác và hệ sinh thái v.v.;
- ▶ Đa dạng hóa các nguồn thu nhập, nguồn vốn và rủi ro nhằm đảm bảo sự bền vững trong tương lai.

Khát vọng về hiệu quả kinh doanh đến năm 2025

Giá trị thị trường đạt 20 tỷ USD

Tỷ suất ROE mục tiêu ~20%



Trong tương lai, ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư vào 3 nền tảng chính là số hóa, dữ liệu và nhân tài để thực thi chiến lược 2021 - 2025.

TODAY

2020 - Một năm chưa từng có với những kết quả ấn tượng

Những dấu ấn nổi bật của năm 2020



Số 1 thị trường về trái phiếu

68% thị phần môi giới trái phiếu doanh nghiệp trên HOSE



Số 1 trong các ngân hàng lớn về tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn: 16,1%



Tỷ lệ nợ xấu tốt nhất thị trường

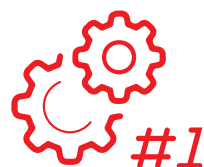
NPL: 0,5%

Dẫn đầu thị trường ở nhiều lĩnh vực quan trọng



Số 1 thị trường về Thẻ VISA

30% thị phần



Số 1 ngành ngân hàng về hiệu quả hoạt động

ROA: 3,1%



Số 1 thị trường về chỉ số CASA

Đạt 46,1%



Số 3 về lợi nhuận

Đạt 15.800 tỷ đồng

Xếp hạng tín nhiệm

MOODY'S
INVESTORS SERVICE

*Nguồn: www.moody's.com
cập nhật gần nhất ngày 18/03/2021

Trong tháng 12 năm 2020, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's công bố duy trì xếp hạng tín nhiệm của Techcombank với đánh giá tín dụng cơ bản (BCA) ở mức Ba3, phản ánh chất lượng tài sản ổn định, khả năng sinh lời vững chắc và nền tảng vốn mạnh mẽ của Techcombank. Trong số 19 ngân hàng mà Moody's đánh giá tại Việt Nam, Techcombank đạt mức xếp hạng BCA cao nhất và là ngân hàng duy nhất chỉ bị hạn chế bởi mức trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

Loại xếp hạng	Xếp hạng
Triển vọng	Tích cực
Xếp hạng rủi ro đối tác	Ba2
Xếp hạng tiền gửi ngoại tệ dài hạn	Ba3
Xếp hạng tiền gửi nội tệ dài hạn	Ba3
Đánh giá tín dụng cơ sở	ba3
Đánh giá tín dụng cơ sở có điều chỉnh	ba3
Đánh giá xếp hạng rủi ro đối tác	Ba2(cr)
Xếp hạng nhà phát hành	Ba3

Cũng trong năm 2020, Tổ chức Standard & Poor's (S&P) công bố xếp hạng tín nhiệm của Techcombank giữ vững ở mức BB-/B với triển vọng "ổn định". Cơ sở cho đánh giá tích cực này, theo S&P, là bởi Techcombank sở hữu một "thương hiệu mạnh, đặc biệt trong phân khúc bán lẻ, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)" và ngân hàng sẽ "tiếp tục duy trì vị thế của một ngân hàng tư nhân hàng đầu tại Việt Nam với mạng lưới bán lẻ vững chắc và mức lợi nhuận cao hơn trung bình ngành."

S&P Global
Ratings

*Nguồn: www.standardandpoors.com,
cập nhật gần nhất ngày 11/09/2020

Loại xếp hạng	Xếp hạng
Xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành	BB-/Ổn định/B
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng nhà phát hành dài hạn bằng nội tệ	BB-
Xếp hạng nhà phát hành ngắn hạn bằng nội tệ	B
Xếp hạng nhà phát hành dài hạn bằng ngoại tệ	BB-
Xếp hạng nhà phát hành ngắn hạn bằng ngoại tệ	B

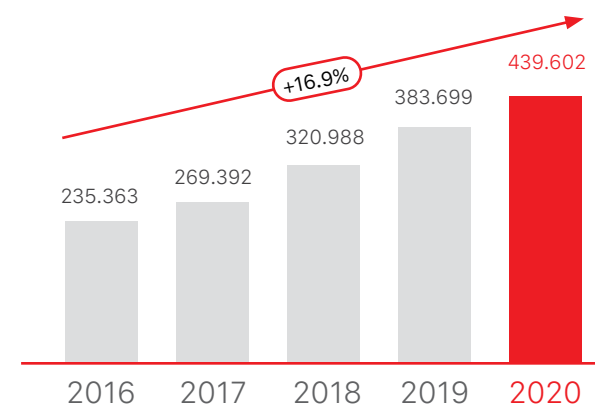
TODAY

2020 - Một năm chưa từng có với những kết quả ấn tượng

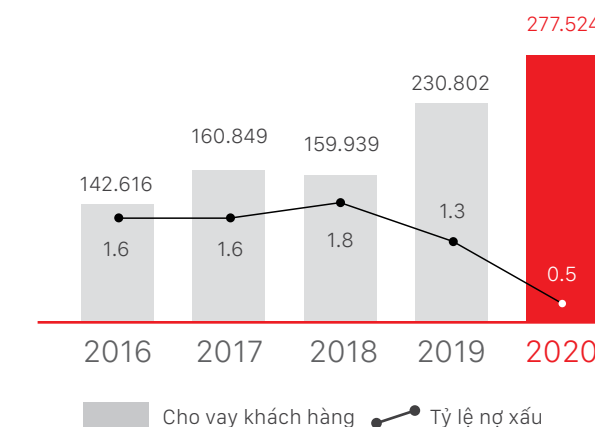
Bảng chỉ số tài chính nổi bật

Chỉ số (Triệu đồng, %)	2016	2017	2018	2019	2020
Bảng cân đối kế toán					
Tiền gửi của khách hàng	173.448.929	170.970.833	201.414.532	231.296.761	277.458.651
Cho vay khách hàng	142.616.004	160.849.037	159.939.217	230.802.027	277.524.615
Tổng tài sản	235.363.136	269.392.380	320.988.941	383.699.461	439.602.933
Tổng vốn chủ sở hữu	19.586.476	26.930.745	51.782.705	62.072.767	74.614.786
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Thu nhập lãi thuần	8.142.221	8.930.412	11.389.939	14.257.844	18.751.209
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.955.764	3.926.084	3.272.580	3.253.353	4.188.778
Tổng thu nhập hoạt động	11.833.153	16.457.988	18.349.768	21.068.145	27.042.526
Lợi nhuận trước thuế	3.996.640	8.036.297	10.661.016	12.838.268	15.800.296
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3.661.091)	(3.609.226)	(1.846.245)	(917.368)	(2.611.035)
Lợi nhuận sau thuế	3.148.846	6.445.595	8.473.997	10.226.209	12.582.467
Khả năng sinh lời					
Số dư CASA	39.395.634	41.243.055	57.801.153	79.715.616	128.038.427
Tỷ lệ CASA	22,7%	24,1%	28,7%	34,5%	46,1%
NIM LTM	4,1%	4,0%	3,7%	4,2%	4,9%
Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)	35,3%	29,2%	31,8%	34,7%	31,9%
ROA LTM	1,5%	2,6%	2,9%	2,9%	3,1%
ROE LTM	17,5%	27,7%	21,5%	17,8%	18,3%
An toàn vốn và chất lượng tài sản					
Hệ số CAR (Theo Basel II)	N/A	9,4%	14,6%	15,5%	16,1%
Tỷ lệ nợ xấu	1,6%	1,6%	1,8%	1,3%	0,5%
Khả năng thanh khoản					
Tỷ lệ dư nợ tín dụng trên vốn huy động (LDR)	71,8%	76,6%	65,5%	76,3%	78,1%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	41,5%	43,0%	31,5%	38,4%	33,9%

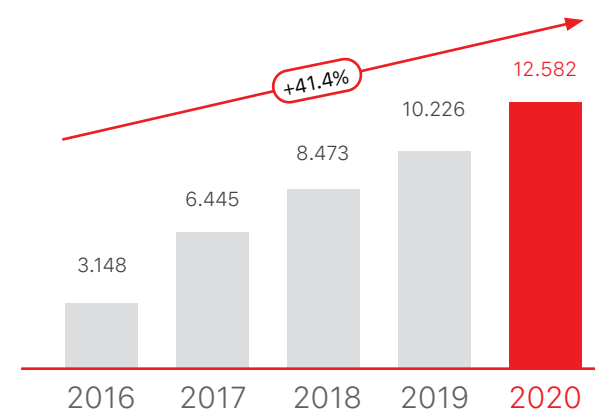
Tổng tài sản (Tỷ đồng)



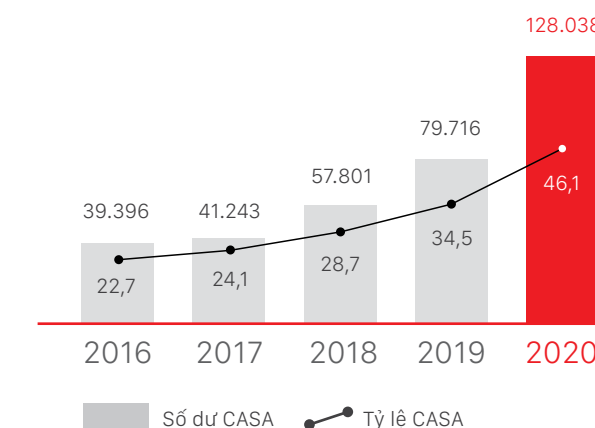
Cho vay khách hàng (Tỷ đồng) và tỷ lệ nợ xấu (%)



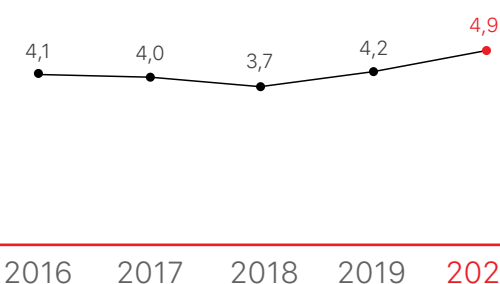
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)



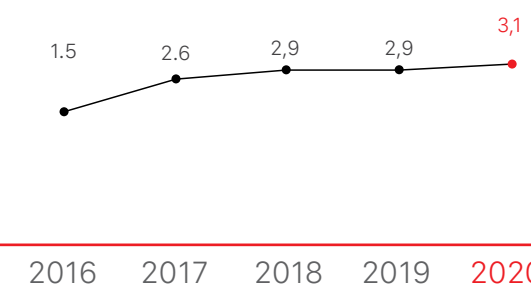
Số dư CASA (Tỷ đồng) và tỷ lệ CASA (%)



NIM* (%)



ROA* (%)



(*) 12 tháng gần nhất

TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo

Techcombank vững vàng giữ vị trí thứ 3 trong danh sách những ngân hàng có lợi nhuận cao nhất năm 2020

Tổng thu nhập hoạt động
27.043 tỷ đồng

▲ 28,4%

Lợi nhuận trước thuế
15.800 tỷ đồng

▲ 23,1%

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)

16,1%

Tỷ lệ CASA đạt kỷ lục

46,1%

Kết quả tài chính năm 2020

Trong bối cảnh dịch COVID-19 bùng phát mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu kéo theo sự bất ổn có ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, chính phủ các nước đã phản ứng theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, thành công của Việt Nam trong việc ngăn chặn COVID-19 không chỉ cho thế giới thấy được năng lực quản trị của mình mà còn thúc đẩy lợi nhuận tài chính giúp chúng ta trở thành một trong số ít quốc gia đạt mức tăng trưởng tích cực vào năm 2020. Điều này kết hợp với sự tiếp thu nhanh chóng các dịch vụ kỹ thuật số của Techcombank trong năm qua đã mang lại cho các cổ đông của chúng ta những kết quả tuyệt vời trong mười hai tháng biến động vừa qua:

- ▶ Lợi nhuận trước thuế đạt 15,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 23,1%) với tổng thu nhập hoạt động đạt 27,0 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 28,4%)
- ▶ Tăng trưởng doanh thu 21 quý liên tiếp
- ▶ Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt mức kỷ lục mới 46,1%
- ▶ Dẫn đầu thị trường về tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (ROA) với 3,1%
- ▶ Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II đạt 16,1% - giúp Techcombank có nguồn vốn vững chắc để hỗ trợ khách hàng và tạo điều kiện cho tăng trưởng khi nền kinh tế phục hồi từ COVID-19
- ▶ Phục vụ gần 8,4 triệu khách hàng, tăng 14,6% so với cùng kỳ.

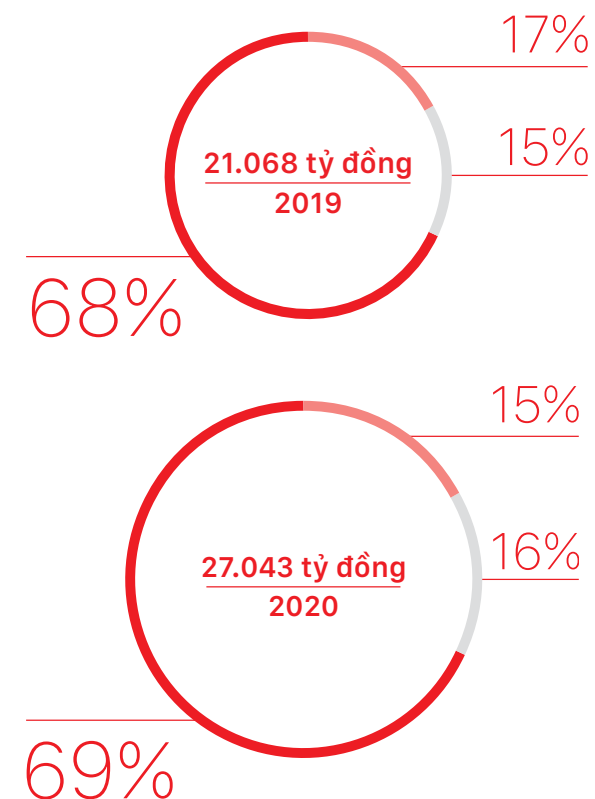
Thông tin chung	2020	2019	Tăng trưởng	
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%
Tổng thu nhập hoạt động	27.043	21.068	5.974	28,4%
Thu nhập lãi thuần	18.751	14.258	4.493	31,5%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.189	3.253	935	28,8%
Thu nhập ngoài lãi khác	4.103	3.557	546	15,3%
Chi phí hoạt động	(8.631)	(7.313)	1.319	18,0%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.611)	(917)	1.694	184,6%
Tổng lợi nhuận trước thuế	15.800	12.838	2.9632	23,1%

⁽¹⁾ Chưa bao gồm tác động của các khoản nợ được quy định theo Thông tư 01

Doanh thu hoạt động tăng trưởng cao nhất trong 5 năm gần đây với mức tăng đồng đều ở cả thu nhập từ lãi và hoạt động dịch vụ

Cơ cấu thu nhập hoạt động 2019 - 2020

- Thu nhập lãi thuần
- Thu nhập từ hoạt động dịch vụ
- Thu nhập ngoài lãi khác



Thu nhập từ hoạt động kinh doanh năm 2020 của Techcombank đã đạt mức tăng trưởng 28,4% so với năm trước, tương đương với mức doanh thu là 27,0 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu thu nhập hoạt động tiếp tục thể hiện sự thay đổi lành mạnh giữa thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi.

- ▶ Thu nhập lãi thuần với mức tăng trưởng 31,5% - cao nhất từ trước đến nay là nhân tố cốt lõi góp phần vào sự tăng trưởng ấn tượng của thu nhập hoạt động năm 2020. Thành quả này có được nhờ việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng đạt hạn mức được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho phép (23,3%) và sự thay đổi trong cơ cấu tín dụng để hỗ trợ khách hàng trong thời gian COVID-19, đồng thời giảm chi phí huy động từ việc giảm lãi suất tiền gửi có kỳ hạn và tăng số dư CASA.
- ▶ Thu nhập từ hoạt động dịch vụ ghi nhận mức tăng trưởng 28,8% trong năm 2020 mặc dù hoạt động kinh doanh bị đình trệ ở một số doanh nghiệp và phân khúc khách hàng nhất định trong bối cảnh COVID-19. Thu nhập từ phí liên quan đến trái phiếu đóng góp tỷ trọng cao nhất (51,6%) trong cơ cấu tổng thu nhập hoạt động dịch vụ trong khi Ngân hàng tiếp tục hỗ trợ một số khách hàng doanh nghiệp lớn của mình tiếp cận nguồn vốn trên thị trường trái phiếu.

TODAY

Linh hoạt thay đổi cơ cấu tín dụng để đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong COVID-19

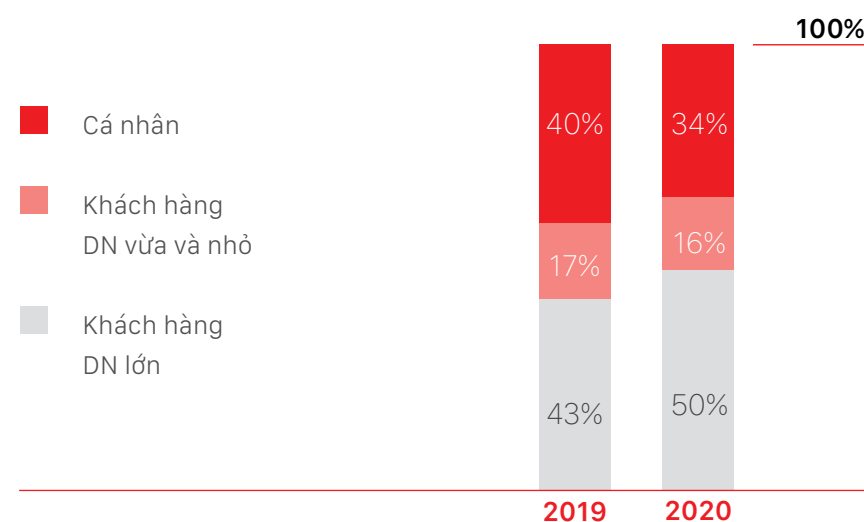
Kết thúc năm 2020, số dư tín dụng riêng lẻ của Techcombank đạt 318.035 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng tín dụng 23,3% - hạn mức được cho phép bởi NHNN, giúp Ngân hàng giữ vững vị thế về vốn và định hướng kinh doanh của mình. Trong điều kiện thị trường gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh, nhu cầu tín dụng của phân khúc khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ có xu hướng chậm lại trong nửa đầu năm và có tín hiệu tăng trưởng trở lại trong những tháng cuối năm để cán mốc tăng 5,6% và 15,4% trong năm 2020. Các khách hàng doanh nghiệp lớn của Ngân hàng tiếp tục chứng tỏ sức mạnh và khả năng phục hồi của mình vào năm 2020 khi tăng trưởng trong phân khúc này đạt 45,0% so với cùng kỳ thông qua sự kết hợp giữa các khoản vay và trái phiếu.

Số dư tín dụng riêng lẻ của Techcombank đạt **318.035** tỷ đồng

tương đương mức tăng trưởng tín dụng **23,3%**

giúp ngân hàng giữ vững vị thế về vốn và định hướng kinh doanh

Cơ cấu thu nhập hoạt động 2019 - 2020



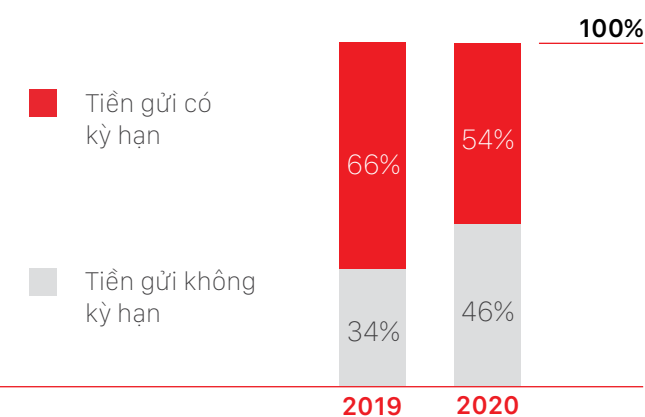
Trong chiến lược 5 năm giai đoạn 2016-2020, sự chuyển dịch cơ cấu huy động từ tiền gửi có kỳ hạn sang tiền gửi không kỳ hạn nhằm giảm chi phí huy động là một trong những mục tiêu trọng tâm nhằm duy trì tăng trưởng doanh thu bền vững của Techcombank.

Tại thời điểm 31/12/2020, số dư tiền gửi khách hàng của Techcombank đạt 277.459 tỷ đồng, tăng trưởng 20,0% so với năm 2019 chủ yếu đến từ sự tăng trưởng mạnh mẽ 60,6% của tiền gửi không kỳ hạn thông qua việc liên tục cải tiến, đưa ra các giải pháp mới để đẩy mạnh phát triển các nền tảng kỹ thuật số nhằm đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao từ khách hàng. Sự chuyển dịch ngày càng mạnh mẽ qua các ứng dụng trực tuyến được thể hiện qua số lượng khách hàng cá nhân sử dụng e-banking tăng 42,9% so với cùng kỳ, số lượng giao dịch cũng như giá trị giao dịch tăng tương ứng 108,8% và 84,2%. Đây là những nhân tố chính tạo nên sự tăng trưởng liên tiếp và kỷ lục mới về tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn 46,1% vào cuối năm 2020. Đồng thời trong bối cảnh lãi suất huy động của thị trường có sự điều chỉnh giảm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, số dư tiền gửi có kỳ hạn đã được Ngân hàng chủ động điều tiết giảm nhẹ nhằm tối ưu hóa nguồn vốn thặng dư và biên thu nhập lãi thuần.

Điều tiết linh hoạt tiền gửi khách hàng, thúc đẩy tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn đạt kỷ lục mới 46,1%, cao nhất trong các ngân hàng tại Việt Nam

Số dư tiền gửi khách hàng của Techcombank **277.459** tỷ đồng

Cơ cấu tiền gửi của khách hàng



Cơ cấu tiền gửi theo loại hình khách hàng

	31/12/2020		31/12/2019	
	Tỷ đồng	Tỷ trọng	Tỷ đồng	Tỷ trọng
Tiền gửi có kỳ hạn	149.420	100,0%	151.581	100,0%
Cá nhân	119.550	80,0%	121.187	79,9%
Tổ chức kinh tế	29.870	20,0%	30.394	20,1%
Tiền gửi không kỳ hạn⁽¹⁾	128.038	100,0%	79.716	100,0%
Cá nhân	76.089	59,4%	46.025	57,7%
Tổ chức kinh tế	51.949	40,6%	33.691	42,3%

⁽¹⁾ Bao gồm tiền gửi không có kỳ hạn và tiền gửi ký quỹ

TODAY

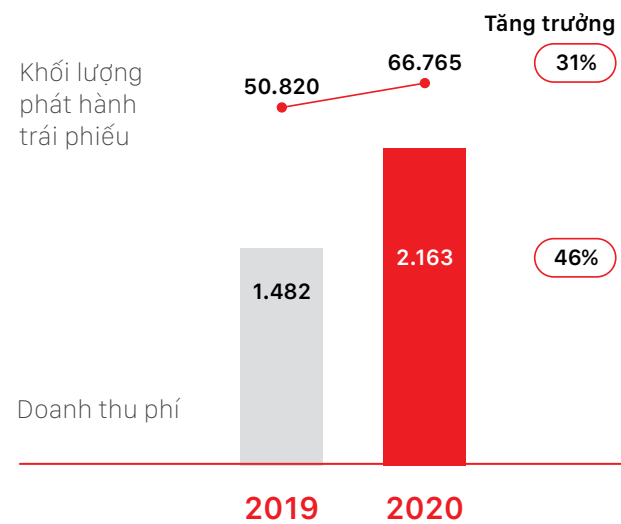
Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả tài chính năm 2020 (Tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng trưởng 28,8% với sự thay đổi đáng kể về tỷ trọng các sản phẩm phí

Thu nhập phí thuần từ hoạt động dịch vụ được xác định là một trong những mục tiêu trọng tâm nhằm duy trì sự tăng trưởng bền vững của toàn Ngân hàng, góp phần thúc đẩy tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA), qua đó Ngân hàng vừa đảm bảo mục tiêu tăng trưởng vừa quản lý bằng cân đối tài sản một cách thận trọng. Trong năm 2020, thu nhập từ hoạt động dịch vụ của toàn Ngân hàng đã tăng 28,8% với sự gia tăng trọng yếu đến từ phí tư vấn phát hành, đại lý phân phối trái phiếu và các dịch vụ khác liên quan đến trái phiếu dẫn đến sự thay đổi tỷ trọng đáng kể giữa các sản phẩm.

Phí các dịch vụ liên quan đến trái phiếu (Tỷ đồng)



Trong bối cảnh nhu cầu vốn của phân khúc khách hàng lớn ngày càng tăng đồng thời phân khúc khách hàng cá nhân có xu hướng tìm kiếm các kênh đầu tư mới do tiền gửi có kỳ hạn giảm sức hấp dẫn do lãi suất liên tục điều chỉnh xuống, Techcombank đã tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ liên quan đến trái phiếu với những sản phẩm đa dạng phù hợp với nhu cầu của từng phân khúc thể hiện ở giá trị phát hành trái phiếu 66,8 nghìn tỷ (không bao gồm các trái phiếu của tổ chức tín dụng), tăng 31,5% so với năm 2019 và khối lượng trái phiếu phân phối qua các kênh đạt 78,9 nghìn tỷ, tăng 32,2% so với năm trước. Kết quả thu được là sự tăng trưởng ấn tượng 46,0% của doanh thu từ phí của các dịch vụ liên quan đến trái phiếu (bao gồm bảo lãnh phát hành, phí ủy thác và đại lý, phí môi giới và quản lý quỹ) – mức tăng trưởng cao nhất trong các sản phẩm phí, qua đó tiếp tục nâng tỷ trọng đóng góp của hoạt động này tăng từ mức 45,5% năm 2019 lên 51,6% năm 2020.



Cơ cấu doanh thu từ hoạt động dịch vụ	2020		2019	
	Tỷ đồng	Tỷ trọng	Tỷ đồng	Tỷ trọng
Dịch vụ liên quan đến trái phiếu (bảo lãnh phát hành, phí ủy thác và đại lý, phí môi giới và quản lý quỹ)	2.163	51,6%	1.482	45,5%
Dịch vụ hoa hồng hợp tác bảo hiểm	827	19,8%	932	28,6%
Dịch vụ thẻ	474	11,3%	443	13,6%
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt (không bao gồm dịch vụ thẻ)	767	18,3%	525	16,1%
Dịch vụ khác	-43	-1,0%	-128	-3,9%
Tổng thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.189	100,0%	3.253	100%

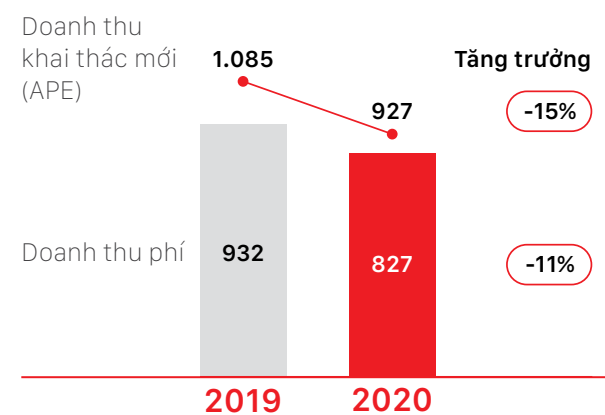
TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả tài chính năm 2020 (Tiếp theo)

Do ảnh hưởng của thời gian thực hiện giãn cách xã hội phòng ngừa dịch bệnh COVID-19, phí hoa hồng hợp tác bảo hiểm đã có sự giảm nhẹ 11,2% so với cùng kỳ đạt 827 tỷ đồng trong năm 2020. Tuy nhiên cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, Techcombank đã phối hợp chặt chẽ với Manulife để cải thiện mô hình hoạt động, cung cấp sản phẩm và năng lực bán nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt hơn. Ngân hàng đã đạt được những tín hiệu bước đầu rất khả quan. Đà tăng trưởng doanh thu khai thác mới (APE) trong Quý 4/2020 đã có sự cải thiện rõ rệt với năng suất bán cao hơn những quý trước đó. Thông qua việc thúc đẩy số hóa hành trình của khách hàng và các công cụ bán có thể tự tìm kiếm Techcombank đạt kế hoạch sẽ lấy lại vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời gian tới.

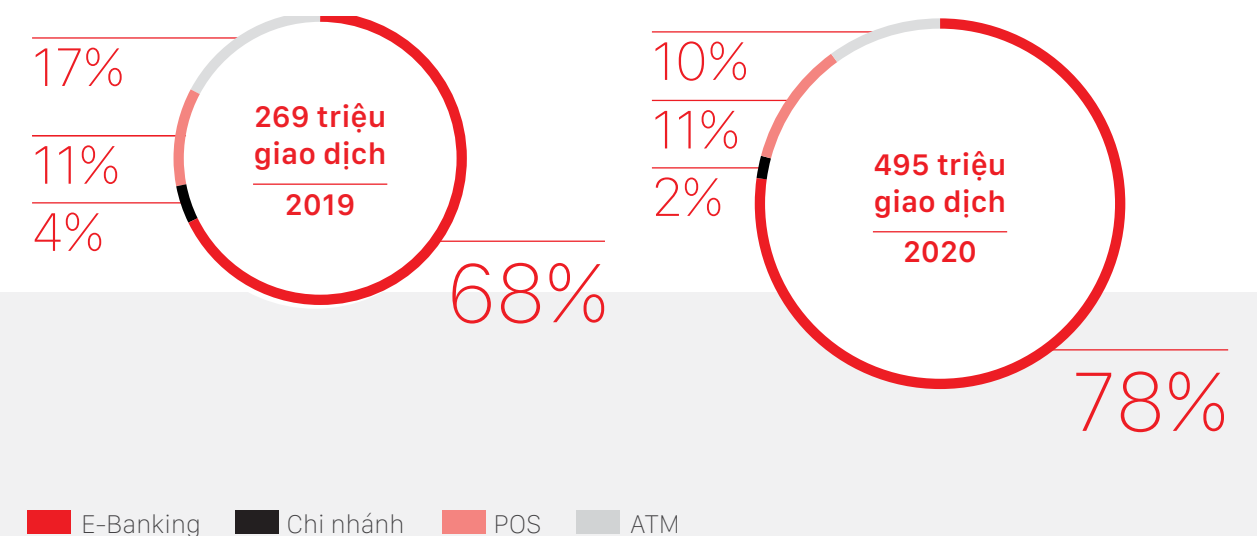
Phí hoa hồng hợp tác bảo hiểm (Tỷ đồng)



Bên cạnh những mặt tiêu cực, COVID-19 và giãn cách xã hội cũng mang lại những tác động tích cực lên lối sống và quản lý tài chính của người Việt Nam, đặc biệt phải kể đến xu hướng dịch chuyển sang các kênh giao dịch trực tuyến. Vì vậy những doanh nghiệp đã có những chuyển đổi số trước khi đại dịch xảy ra sẽ có lợi thế trong quá trình vận hành và phục vụ khách hàng, qua đó sẽ có lợi thế cạnh tranh rõ rệt so với các đối thủ cùng ngành. Với nền tảng công nghệ số đã được chủ động thiết lập từ những năm trước, Techcombank đã tận dụng triệt để cơ hội về xu hướng tiêu dùng mới này để mang lại những kết quả vượt trội, thể hiện qua

những con số ấn tượng về tăng trưởng số lượng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ (39,7%), số lượng và giá trị giao dịch qua thẻ cũng tăng mạnh, đạt mức 43,2% và 56,2% so với năm 2019. Năm 2020 cũng ghi nhận sự chuyển dịch rõ rệt từ các kênh giao dịch truyền thống sang kênh điện tử (từ 68,2% năm 2019 lên 77,5% năm 2020). Nhờ đó, Techcombank tiếp tục vững vàng duy trì vị trí số 1 toàn thị trường về khối lượng và giá trị giao dịch qua thẻ VISA và mang lại mức tăng trưởng 28,3% từ doanh thu phí thẻ và dịch vụ thanh toán, đóng góp 29,6% trong tổng doanh thu dịch vụ toàn Ngân hàng.

Tỷ trọng giao dịch của khách hàng cá nhân qua các kênh



TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả tài chính năm 2020 (Tiếp theo)

Sử dụng chi phí hiệu quả

Do những bất ổn liên quan đến COVID-19, Ngân hàng đã có một cách tiếp cận chặt chẽ hơn đối với việc quản lý chi phí vào năm 2020 dù tăng chi tiêu và các khoản đầu tư bắt đầu tăng lên vào thời điểm cuối năm. Tỷ lệ chi phí/thu nhập hoạt động thấp hơn đã phản ánh việc quản lý các khoản chi phí hiệu quả nhưng vẫn duy trì tăng trưởng mạnh ở các hạng mục chiến lược.

Chi phí hoạt động	2020		2019		Tăng/giảm	
	Tỷ đồng	Tỷ trọng	Tỷ đồng	Tỷ trọng	Tỷ đồng	%/bps
Lương và các chi phí liên quan	5.172	60,0%	4.415	60,4%	757	17,1%
Chi phí thuê văn phòng, tài sản, công cụ trang thiết bị và khấu hao tài sản	1.382	16,0%	1.193	16,3%	189	15,8%
Chi tiếp thị và khuyến mại	344	4,0%	288	3,9%	56	19,4%
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng	268	3,0%	229	3,1%	39	17,0%
Công tác phí	60	1,0%	99	1,4%	(39)	-39,4%
Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ	78	1,0%	57	0,8%	21	36,8%
Chi hội nghị, hội thảo	43	0,0%	55	0,8%	(12)	-21,8%
Chi phí tư vấn	377	4,0%	231	3,2%	146	63,2%
Chi phí khác	907	11,0%	746	10,2%	162	21,7%
Tổng chi phí hoạt động	8.631	100,0%	7.313	100,0%	1.319	18,0%
Số lượng nhân viên bình quân năm	11.479		10.457		1.022	9,8%
Doanh thu/ nhân viên/ năm	2,36		2,01		0,34	16,9%
Chi phí/ nhân viên/ năm	0,75		0,70		0,05	7,5%
Tỷ lệ chi phí/ thu nhập (CIR)	31,9%		34,7%			-280bps

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/03/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các giải pháp cấp bách của ngành ngân hàng nhằm tăng cường công tác phòng, chống và khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19, Ngân hàng đã thực hiện kiểm soát tốt chi phí hoạt động, tiết giảm các chi phí một cách tối đa, theo đó chi phí hoạt động năm 2020 đã chứng lại với mức tăng 18,0%, giảm so với mức 25,2% của năm trước. Tỷ lệ chi phí/thu nhập hoạt động giảm từ 34,7% xuống 31,9% và thấp hơn kế hoạch khoảng 35% năm 2020, một phần do doanh thu tiếp tục tăng trưởng tốt.

Tỷ lệ chi phí/thu nhập

34,7% năm 2019

▼ 31,9% năm 2020



Chi phí nhân sự

Nguồn nhân lực là chìa khóa dẫn tới thành công của Ngân hàng. Theo đó, chiến lược nhân sự của Techcombank là thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài. Chi phí nhân sự tăng 17,1% so với năm 2019, do số lượng nhân sự tăng 9,8% và chi phí bình quân cho mỗi nhân viên tăng 7,5%, kết quả của việc tái cấu trúc lại lực lượng lao động để thực hiện chiến lược 2021-2025.

Chiến lược kinh doanh của Ngân hàng được nâng cao thông qua giáo dục và phát triển kỹ năng lãnh đạo, bộ chương trình đào tạo hoàn thiện kỹ năng kinh doanh. Giữa đại dịch COVID-19, Ngân hàng đã thay đổi từ phương thức đào tạo truyền thống sang các khóa học trực tuyến trong khi cố gắng đảm bảo tất cả nhân viên được trang bị đầy đủ kỹ năng và chuyên môn để đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như phát triển sự nghiệp của bản thân. Theo đó, chi phí đào tạo và giáo dục năm 2020 tăng 36,8% so với năm 2019.

Chi phí tài sản và thiết bị, khấu hao

Trong khi số hóa tiếp tục chuyển đổi ngành ngân hàng, đầu tư vào công nghệ đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo sự linh hoạt, cạnh tranh và cơ hội phát triển các mô hình kinh doanh mới của Ngân hàng. Chi tài sản và thiết bị, khấu hao tăng lên đến 1.382 tỷ đồng chủ yếu do chi phí khấu hao của các dự án chuyển đổi và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ.

Chi phí hoạt động khác

2020 là một năm bản lề cho hành trình chuyển đổi của Techcombank, Ngân hàng đã và đang tiếp tục hợp tác và làm việc với các chuyên gia và nhà tư vấn hàng đầu để hỗ trợ hành trình chuyển đổi liên tục của mình thể hiện ở sự tăng lên của chi phí tư vấn và chi phí hoạt động khác. Những khoản chi phí này được bù đắp một phần bởi việc tiết kiệm chi phí hành chính do việc hủy bỏ các sự kiện và hạn chế đi lại do đại dịch COVID-19.

TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả tài chính năm 2020 (Tiếp theo)

Quản lý bảng cân đối và rủi ro thanh khoản hiệu quả

Quản lý bảng cân đối

Trong năm 2020, Techcombank tiếp tục duy trì sự phát triển bền vững của bảng cân đối. Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2020 đạt 439.603 tỷ đồng, tăng 55.903 tỷ đồng tương đương 14,6% so với 31/12/2019. Trong đó, cho vay và đầu tư trái phiếu của tổ chức kinh tế tăng 62.583 tỷ đồng (+24,0%), huy động và phát hành giấy tờ có giá tăng 56.601 tỷ đồng (+22,8%) so với năm 2019. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của huy động không kỳ hạn trong cơ cấu huy động vốn – chiếm 46,1% tổng huy động khách hàng tại cuối năm 2020 – đã góp phần tối ưu hóa chi phí huy động. Bên cạnh đó, chất lượng tài sản tiếp tục được duy trì lành mạnh, thể hiện ở tỷ lệ nợ 3-5 giảm từ 1,3% xuống 0,5% nhờ thận trọng thực hiện xử lý 3.364 tỷ đồng các khoản nợ quá hạn. Lợi nhuận tăng trưởng tốt giúp tổng vốn và các quỹ năm 2020 tăng 12.542 tỷ đồng (+20,2%) so với năm 2019.



Chỉ tiêu	2020	2019	Biến động	
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ %
Tăng trưởng tín dụng	324.253	261.400	62.853	24,0%
Cho vay	277.525	230.802	46.723	20,2%
Trái phiếu doanh nghiệp	46.729	30.598	16.130	52,7%
Huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	305.358	248.757	56.601	22,8%
Huy động	277.459	231.297	46.162	20,0%
Phát hành giấy tờ có giá	27.900	17.461	10.439	59,8%
Vốn và các quỹ	74.615	62.073	12.542	20,2%
Vốn	35.526	35.478	48	0,1%
Các quỹ	6.790	5.173	1.617	31,3%
Lợi nhuận chưa phân phối	31.816	21.130	10.686	50,6%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	484	292	192	66,0%



Quản lý vốn

Chỉ sau hơn một năm được Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) chấp thuận triển khai chuẩn Basel II (từ 1/7/2019), Techcombank đã xuất sắc hoàn thành trước thời hạn cả 3 trụ cột của Basel II khi Quy trình thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) được chính thức ban hành tại Techcombank vào cuối năm 2020. Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Techcombank (CAR) theo TT41 tại 31/12/2020 đạt 16,1%, cao hơn 8,1% so với hạn mức 8,0% theo quy định của NHNN, qua đó Techcombank tiếp tục khẳng định là một trong những ngân hàng có vị thế vốn hàng đầu Việt Nam. Kết quả trên có được là nhờ sự tăng trưởng ổn định về lợi nhuận trong năm 2020, chính sách giữ lại lợi nhuận để phát triển, cũng như việc quản lý tốt cơ cấu tín dụng vào những ngành nghề có hệ số rủi ro thấp. Tỷ lệ CAR ở mức cao là lợi thế cạnh tranh vượt trội của Techcombank, giúp Ngân hàng chủ động quản lý bảng cân đối, mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, cho cổ đông và cán bộ nhân viên.



Quản lý thanh khoản

Techcombank luôn đảm bảo tuân thủ các hạn mức NHNN yêu cầu về các tỷ lệ thanh khoản quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN, được thay thế bởi Thông tư 22/2019/TT-NHNN. Bên cạnh đó, Techcombank còn xây dựng các tỷ lệ quản lý thanh khoản nội bộ, đẩy mạnh công tác dự báo trong quản lý thanh khoản của Ngân hàng.



Đối với hoạt động quản lý rủi ro thanh khoản nội bộ, Techcombank cũng thiết lập các chính sách, quy định quản lý thanh khoản được phê duyệt bởi HĐQT. Hệ thống quản lý, đo lường, giám sát và dự báo rủi ro thanh khoản được hỗ trợ bởi Hội đồng rủi ro (HĐRR) là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc (TGD) để ban hành hạn mức rủi ro thanh khoản cho toàn Ngân hàng. Hội đồng Quản lý tài sản nợ có (ALCO) là cơ quan thi hành và giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro thanh khoản, đảm bảo tuân thủ hạn mức rủi ro và các ngưỡng giới hạn/ ngưỡng cảnh báo do HĐRR quy định.

TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả tài chính năm 2020 (Tiếp theo)

Quản lý thanh khoản (Tiếp theo)

Ngoài ra, thử nghiệm sức căng thanh khoản cũng được thực hiện trong kịch bản sự kiện thanh khoản trên diện rộng toàn thị trường và xảy ra với riêng Techcombank, đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 có diễn biến phức tạp trong năm 2020. Thử nghiệm sức căng thanh khoản được tiến hành định kỳ hàng tháng nhằm dự báo dòng tiền trong một giai đoạn nhất định với giả định Ngân hàng phải đối mặt với một/một số tình huống căng thẳng thanh khoản như tốc độ rút tiền gửi tăng nhanh, việc tiếp cận nguồn vốn liên ngân hàng hạn chế. Ngân hàng cũng xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP) để có biện pháp ứng phó kịp thời với những tình huống căng thẳng, giúp ngăn chặn khủng hoảng thanh khoản xảy ra.

Năm 2020, Techcombank đã huy động thành công 500 triệu USD nguồn trung dài hạn từ thị trường quốc tế, góp phần đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn của ngân hàng, tối ưu hóa chi phí vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

Mặc dù phía trước vẫn còn nhiều việc cần làm nhưng bằng việc kiên định và thực hiện nhất quán với định hướng đề ra, Techcombank đã lần lượt hoàn thành vượt trội các mục tiêu cốt lõi trong 5 năm triển khai chiến lược 2016-2020. Điều này đã mang lại cho Ban Lãnh đạo cũng như toàn thể nhân viên Techcombank niềm tin rằng chiến lược của Ngân hàng vẫn đang hoạt động đúng hướng và sẽ tiếp tục mang lại kết quả vượt trội trong những năm tiếp theo.

Tỷ lệ thanh khoản	Hạn mức 2020	Thực tế 31/12/2020	Hạn mức 2019	Thực tế 31/12/2019
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	≥ 10%	14,4%	≥ 10%	22,1%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày - Đồng	≥ 50%	60,0%	≥ 50%	71,3%
Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi	≤ 85%	78,1%	≤ 80%	76,3%
Nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	≤ 40%	33,9%	≤ 40%	38,4%

Kết quả hoạt động của các Khối kinh doanh

Ngân hàng Bán lẻ (RBG)

Năm 2020 đánh dấu là một năm rất thành công trong hoạt động Ngân hàng Bán lẻ của Techcombank. Tính chung cả năm, Ngân hàng đã thu hút thêm được hơn 1 triệu khách hàng mới sử dụng dịch vụ lần đầu, đưa số khách hàng sử dụng tối thiểu 1 sản phẩm/dịch vụ đạt 4,9 triệu tại thời điểm 31/12/2020, trong đó tỷ lệ khách hàng thu nhập cao và khá chiếm 16% đi đúng với mục tiêu mà Ngân hàng đặt ra cho chiến lược 2016-2020.

Đối với mảng huy động vốn từ khách hàng cá nhân, Techcombank vẫn duy trì sự tăng trưởng rất tốt cả về số lượng khách hàng gửi tiền và tổng nguồn vốn huy động. Techcombank đã có sự tăng trưởng tốt và thu hút khách hàng gửi tiền mới qua phương thức gửi tiền trực tuyến ("Tiết kiệm Online") và huy động tiền gửi không kỳ hạn (CASA). Tỷ lệ tăng trưởng của Tiết kiệm Online năm 2020 cũng tăng hơn 65% so với 2019. Sự tăng trưởng CASA và tiền gửi đã được cộng hưởng từ các chương trình miễn phí giao dịch trực tuyến ("Big Zero Fee"), chương trình hoàn tiền 1% không giới hạn đối với các giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ ("Debit Cash back 1%") đã giúp tổng huy động tăng 17,0%, trong đó riêng số dư tiền CASA tăng

65,3%. Kết cấu tiền gửi đến từ phân khúc khách hàng thu nhập khá và cao vẫn là trọng tâm và đóng góp tỷ trọng số dư lớn nhất, khoảng 70% doanh số huy động. Phục vụ các tập khách hàng trọng tâm, các giải pháp sản phẩm huy động vượt trội cộng với sự tiếp tục đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là Ngân hàng số cũng đóng góp cho sự tăng trưởng bền vững của huy động vốn nói chung và Tiết kiệm Online nói riêng.

Đối với mảng thanh toán, Techcombank tiếp tục duy trì vị thế vượt trội trong lĩnh vực thanh toán thẻ và thanh toán điện tử (E-banking). Theo đó, 2020 với 3,8 triệu khách hàng sử dụng các dịch vụ FMB/FIB, chỉ riêng giao dịch thực hiện qua Ebanking của Techcombank đã đạt tới 383 triệu giao dịch và phần giao dịch thẻ nói chung của khách hàng cá nhân tại Techcombank cũng đạt hơn 69,5 triệu giao dịch. Tin vui vào cuối năm 2020, Techcombank tiếp tục được vinh danh Ngân hàng dẫn đầu thị trường về mảng chuyển tiền qua kênh điện tử và thanh toán thẻ nội địa qua Đơn vị chấp nhận thẻ năm 2020 do Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Napas trao tặng 3 giải thưởng quan trọng nhất của hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong thị trường nội địa:



Ngân hàng tiêu biểu của năm
(Outstanding Performance Bank)



Ngân hàng dẫn đầu về dịch vụ
chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7



Ngân hàng có tập khách hàng năng
động nhất năm 2020



TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)**Kết quả hoạt động của các khối kinh doanh (Tiếp theo)****Ngân hàng bán lẻ (RBG) (Tiếp theo)**

Theo đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc Gia (Napas), Techcombank là Ngân hàng triển khai rất hiệu quả các chính sách mang tính đột phá và từ đó hỗ trợ một phần giúp các cơ quan quản lý về thực hiện đẩy nhanh các chủ trương phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế đất nước. Các chương trình triển khai của Techcombank đưa lại hiệu quả khi số lượng giao dịch tăng trưởng rất cao, được khách hàng hài lòng và phần xử lý vận hành/quản trị rủi ro cũng hiệu quả hơn nhiều ngân hàng khác như: chương trình Zero Fee, chương trình Debit Cashback 1%, các chương trình khuyến mại và thúc đẩy cho dịch vụ thanh toán thẻ, cho ngân hàng điện tử khác.

Techcombank cũng tham gia tích cực vào việc đóng góp, xây dựng các chủ trương, chính sách theo Bộ tiêu chuẩn điều kiện hoạt động của Napas để từng bước hoàn thành chuyển đổi thẻ nội địa chuẩn Chip theo yêu cầu của NHNN.

Khép lại năm 2020, Techcombank tiếp tục được Tổ chức Thẻ Quốc tế Visa vinh danh và trao giải thưởng “Ngân hàng Phát hành và Thanh toán thẻ Visa có thành tích hoạt động xuất sắc năm 2020”. Đây là lần thứ 3 liên tiếp Visa trao giải thưởng số 1 này cho Techcombank. Thành tích này một lần nữa khẳng định dấu ấn trong nỗ lực mang đến cho khách hàng những dịch vụ tiện ích về thẻ tốt nhất tại Việt Nam thông qua 6 giải thưởng và là Ngân hàng đạt số lượng giải thưởng nhiều nhất. Bên cạnh đó, Visa còn ghi nhận mức tăng trưởng đều đặn và bền vững của Techcombank trong suốt giai đoạn từ 2016-2020, trong đó nổi bật là giai đoạn 2018-2020 với nhiều chương trình hoạt động tích cực mà Techcombank mang đến trực tiếp cho khách hàng và thị trường, đó là phương thức thanh toán hiện đại và an toàn bảo mật.



6 hạng mục giải thưởng từ VISA bao gồm



Dẫn đầu thị trường về doanh số thanh toán trực tuyến qua thẻ

Dẫn đầu về doanh số thanh toán qua thẻ ghi nợ

Dẫn đầu về doanh số thanh toán qua thẻ tín dụng

Dẫn đầu về tổng doanh số thanh toán qua thẻ

Dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng doanh số thanh toán qua thẻ qua 2 năm

Dẫn đầu về dịch vụ Visa token - doanh số thanh toán qua Samsung pay

Những thành quả này đến từ sự nỗ lực không biết mệt mỏi của Techcombank trong việc triển khai các dịch vụ thanh toán tiện lợi cho khách hàng, người dân và từng bước góp phần hiện thực hóa chủ trương của Chính phủ và NHNN về thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế.

TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)**Kết quả hoạt động của các khối kinh doanh (Tiếp theo)****Ngân hàng bán lẻ (RBG) (Tiếp theo)**

Đối với hoạt động cho vay tín dụng, dù năm 2020 là một năm khó khăn đặc biệt do ảnh hưởng của COVID-19 nhưng dư nợ cho vay của Techcombank vẫn duy trì đạt mức hơn 111.139 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ so với 2019, với trọng tâm là sản phẩm cho vay mua nhà để ở đạt hơn 87.309 tỷ.

Kết quả đó ghi nhận sự thành công trong việc tập trung vào chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm để nâng cao trải nghiệm khách hàng và hiệu quả của việc ứng dụng: chính sách/giải pháp sản phẩm cho vay vượt trội với sự hỗ trợ của quy trình phê duyệt cho vay hiện đại trên nền tảng của hệ thống IDC (Intelligence Decision Computing) cũng như nhiều chính sách/quy trình và giải pháp khác được thực hiện. Techcombank cũng đã từng bước định vị lại chính sách lãi suất cho vay ngày càng cạnh tranh giành cho khách hàng có xếp hạng tốt, vay mua nhà ở với mức tham chiếu đảm bảo sự cạnh tranh với những ngân hàng có lãi suất tốt nhất thị trường.

Trên cơ sở những thành quả và nỗ lực đã đạt được trong năm 2020, tháng 2 năm 2021, Techcombank lần thứ 2 vinh dự được nhận giải "Sản phẩm Cho vay mua nhà tốt nhất Việt Nam ("Best Mortgage/Home Loan Product") trong mảng ngân hàng bán lẻ do tạp chí Asian Banker bình chọn. Giải thưởng này chính là sự khẳng định cho những nỗ lực của công tác phát triển sản phẩm, cải tiến quy trình, mô hình quản trị rủi ro cho vay mua nhà trong những năm qua.

Dư nợ cho vay

111.139

tỷ đồng

Cho vay mua nhà

87.309

tỷ đồng

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm vẫn tiếp tục có những bước cải thiện đáng kể. Techcombank đã triển khai hợp tác ngày càng chặt chẽ hơn với đối tác chiến lược Manulife để cung cấp các dịch vụ bảo hiểm nhân thọ tốt nhất phục vụ khách hàng như: ED, UL2019, ILP, Titan 1.0, v.v. kênh tư vấn Bảo hiểm qua digital thông qua công cụ iTCBlife, v.v.

Hoạt động cung cấp các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng bán lẻ tiếp tục được Techcombank phối hợp với công ty con TCBS triển khai trên cơ sở hợp tác giới thiệu khách hàng để sử dụng các sản phẩm đầu tư do TCBS cung cấp như: trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, các sản phẩm đầu tư liên kết bảo hiểm, sản phẩm đầu tư kết hợp với các sản phẩm cho vay, v.v. Điều này đã giúp cho các nhu cầu và trải nghiệm của khách hàng ngày càng được tốt hơn. Chính nhờ nỗ lực này, đầu năm 2021, giải pháp sản phẩm đầu tư của TCBS cung cấp cho khách hàng Techcombank đã được The Asian Banker trao giải thưởng Sản phẩm đầu tư tốt nhất Việt Nam (Best Investment Product), ghi

nhận những nỗ lực phục vụ khách hàng bán lẻ của Techcombank.

Năm 2020, Techcombank cũng đã hoàn thành xây dựng chiến lược 2021-2025 từ đó định hình tầm nhìn, xác định mục tiêu nhiệm vụ cũng như các hành động/sáng kiến triển khai để hướng tới mục tiêu đề ra cho giai đoạn 2021-2025 của Ngân hàng Bán lẻ. Để thực thi chiến lược đó, mô hình kinh doanh ngân hàng bán lẻ tiếp tục được Techcombank xác lập, tinh chỉnh và đổi mới. Ngay cuối năm 2020, Ngân hàng đã hoàn thành việc tái cơ cấu tổ chức hoạt động của mảng Ngân hàng Bán lẻ theo hướng tập trung thành một "RBG" được quản lý điều hành tập trung dựa trên các trụ cột theo chức năng: Phân khúc khách hàng, Phát triển giải pháp, Quản trị hợp kênh giao dịch với khách hàng và Kiểm soát rủi ro hoạt động và Tuân thủ. Dù những thay đổi này mới chỉ là bắt đầu nhưng đây lại là sự thay đổi căn cơ cho một chiến lược kinh doanh bán lẻ đầy tham vọng trong 5 năm tới.

Chỉ tiêu	2020	2019	Tăng trưởng
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	10.303	8.017	28,5%
Cho vay (tỷ đồng)	111.139	105.247	5,6%
CASA (tỷ đồng)	76.090	46.025	65,3%
Tiền gửi có kỳ hạn (tỷ đồng)	119.551	121.187	-1,4%
Số lượng khách hàng nắm giữ sản phẩm	4.933.315	4.756.286	3,7%
Tổng số lượng giao dịch chuyển tiền	338.013.178	154.387.251	118,9%



THE ASIAN BANKER
STRATEGIC BUSINESS INTELLIGENCE FOR THE FINANCIAL SERVICES COMMUNITY

Sản phẩm Cho vay mua nhà
tốt nhất Việt Nam

TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động của các khối kinh doanh (Tiếp theo)

Khách hàng doanh nghiệp (BB)

Trong năm 2020, thế giới đã trải qua gián đoạn hoạt động xã hội chưa từng có với tác động to lớn đến nền kinh tế ở quy mô chưa từng thấy trong lịch sử do COVID-19. Việc gia tăng áp dụng các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh kết hợp với diễn biến bất ngờ của các đợt bùng phát dịch đã dẫn đến biến động khó lường và bất ổn trên các thị trường tài chính, doanh nghiệp và cá nhân trên toàn cầu và ở Việt Nam.

Trong bối cảnh này, chúng tôi đã rà soát kỹ lưỡng hoạt động của mình và kinh doanh của Ngân hàng và của khách hàng, lên kế hoạch cẩn thận để đảm bảo sẵn sàng ứng phó với các tình huống khác nhau về mức độ nghiêm trọng tiềm ẩn cũng như thời gian của đợt bùng phát dịch. Các lựa chọn chiến lược của chúng tôi về phân khúc khách hàng, lĩnh vực kinh tế trọng tâm, quản lý chi phí (chi phí vốn, chi phí rủi ro và chi phí hoạt động) và tập trung đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật số đã giúp cho chúng tôi có một vị thế tốt để vượt qua đại dịch và phát triển mạnh mẽ hơn vào năm 2020.

Tổng thu nhập hoạt động của Khối khách hàng doanh nghiệp ("BB") tăng trưởng với tốc độ 17,6%; CASA tăng trưởng ở mức 35% hàng năm; và thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 35,8% so với năm 2019.

Chúng tôi đã tăng cường thắt chặt mức độ giám sát rủi ro của danh mục cho vay nhằm mục đích chủ động xác định những khách hàng có nguy cơ cao trong hoạt động kinh doanh và dòng tiền. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng chủ động áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro khi cần thiết đồng thời tiếp tục nâng cao vị thế thanh khoản của ngân hàng để hỗ trợ các khách hàng trọng yếu của chúng tôi vượt qua giai đoạn khó khăn này. Các hành động thận trọng và nhanh chóng của chúng tôi đã giúp cải thiện tỷ lệ nợ xấu của BB từ 0,9% năm 2019 xuống 0,2% năm 2020.

Tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng doanh nghiệp ("BB") tăng trưởng 17,6% so với cùng kỳ năm ngoái

CASA

▲ 35%

Thu nhập từ phí

▲ 35,8%

81%

các khách hàng của BB thường xuyên có giao dịch qua kênh điện tử

Giá trị giao dịch qua kênh ngân hàng điện tử

▲ 68%

70%

khách hàng có giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài thực hiện giao dịch trên F@st EBank

Kế hoạch kinh doanh liên tục ("BCP") được chủ động triển khai với các biện pháp cụ thể, kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục, hỗ trợ cả khách hàng cũng như Techcombank. Các kế hoạch đã được thử nghiệm và hoàn thiện từ cuối tháng 1 năm 2020 để đảm bảo an toàn cho nhân viên cũng như khách hàng. Ngoài ra, việc áp dụng các tiến bộ công nghệ mới cho ngân hàng trực tuyến, đặc biệt trong giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài và giao dịch ngoại hối, đã mang lại sự thuận tiện và an toàn cho nhu cầu giao dịch hàng ngày của khách hàng, cũng như thúc đẩy việc áp dụng các kênh kỹ thuật số của chúng tôi:

- ▶ 81% các khách hàng của khối BB thường xuyên có giao dịch qua kênh điện tử (so với 65% năm 2019)
- ▶ Giá trị giao dịch qua kênh ngân hàng điện tử của BB tăng 68% trong năm
- ▶ 70% các khách hàng của BB có giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài có thực hiện giao dịch trên FEB

Tăng trưởng bền vững vào năm 2020, vốn là một năm có môi trường kinh doanh rất khó dự đoán, đã tiếp thêm niềm tin cho chúng tôi để bắt đầu chặng đường chuyển đổi 5 năm tới, với mục tiêu thiết lập những trải nghiệm ngân hàng mới cho khách hàng trên tất cả các kênh, thúc đẩy tăng trưởng bền vững và nâng cao quản lý rủi ro bằng chuyển đổi kỹ thuật số và ứng dụng phân tích dữ liệu. Khách hàng là trọng tâm tiếp tục là giá trị cốt lõi của chúng tôi và chúng tôi luôn hướng tới việc phục vụ khách hàng trong suốt hành trình của họ để đồng hành vượt trội.



TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động của các khối kinh doanh (Tiếp theo)

Ngân hàng bán buôn (WB)

Phương châm “Một ngân hàng” giữa Khối Ngân hàng bán buôn (WB), Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (BB) và Khối Ngân hàng bán lẻ (RBG) đã mang lại những kết quả tốt đẹp trong năm 2020, bất chấp những khó khăn thách thức do đại dịch COVID-19. Năm 2020, tín dụng cấp cho khách hàng doanh nghiệp lớn tăng 45% so với cùng kỳ năm ngoái, đóng góp vào tăng trưởng tín dụng 23,3% của toàn Ngân hàng. Bên cạnh các sản phẩm tài chính thuần túy, các khách hàng doanh nghiệp lớn còn sử dụng dịch vụ tư vấn của chúng tôi trong các mảng pháp lý, marketing, kinh doanh và quản trị nhân sự. Một thành tựu đáng chú ý là tiền gửi không kỳ hạn của mảng Ngân hàng bán buôn đã vượt mốc 25 nghìn tỷ đồng, tăng 81,2% so với năm 2019.

Có thể nói, mô hình “Client Service Team” (CST) của WB giúp khách hàng tiếp cận với các nguồn lực tốt nhất của Ngân hàng. Với mô hình này, đội ngũ gồm các chuyên gia cao cấp với những hiểu biết sâu rộng về định vị giá trị khách hàng sẽ cung cấp các giải pháp toán diện cho nhà cung cấp, nhà phân phối và người dùng cuối. WB đã tận dụng thế mạnh của mình để tập trung vào các mảng hoạt động quan trọng như:

- ▶ Bất động sản
- ▶ Hàng tiêu dùng nhanh (FMCG)
- ▶ Tiện ích.

Tiền gửi không kỳ hạn của mảng Ngân hàng bán buôn

vượt mốc

25.000 tỷ đồng

Tín dụng cấp cho doanh nghiệp lớn

▲ 45% so với năm 2019

Tín dụng của WB

161.259 tỷ đồng

Trong 2020, doanh thu của ngành hàng tiêu dùng nhanh và tiện ích lần lượt tăng mạnh 35% và 19% so với năm 2019. Đây là lần đầu tiên cả hai ngành hàng này đều có thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ dương. Đặc biệt, WB và BB kết hợp với đối tác Vinshop thuộc One Mount Group để ra mắt thành công gói giải pháp toàn diện cho các nhà bán lẻ hàng tiêu dùng nhanh. Gói giải pháp cung cấp nhiều tính năng số hóa hành trình khách hàng với các điều kiện tín dụng được phê duyệt trước nhằm giảm bớt thời gian xử lý hồ sơ cũng như chi phí hoạt động và rủi ro của Ngân hàng.

Với nhu cầu tín dụng tăng lành mạnh trong tất cả các lĩnh vực như hiện nay, tổng dư nợ tín dụng của khách hàng bán buôn đã tăng 45% so với cùng kỳ năm ngoái, lên tới 161 nghìn tỷ đồng. Sự tăng trưởng này đã giúp CASA của WB đạt mức hơn 25 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 81,2% so với 2019, đóng góp lớn vào tăng trưởng CASA 60,6% và tỷ lệ CASA 46,1% của toàn ngân hàng.

Năm 2020, chúng tôi đã tái cơ cấu nhiều khoản vay để giúp đỡ khách hàng vượt qua đại dịch. Khoảng 5% khách hàng bị ảnh hưởng đã nhận được lãi suất hỗ trợ trong năm. Chúng tôi cũng cùng nhau đưa ra những giải pháp đã và sẽ tiếp

Tiền gửi của WB

43.051 tỷ đồng

tục được áp dụng cho giai đoạn “bình thường mới” hậu COVID-19. Do chia sẻ khó khăn với khách hàng nên tổng doanh thu hoạt động của cả khối và tính trên từng khách hàng tăng lần lượt 30,6% và 26,7%.

Trong hoàn cảnh nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và giải trí, một số khách hàng của chúng tôi đã có những khoản đầu tư thông minh trước khi phục hồi, để tạo dựng vị thế sẵn sàng tận dụng tối đa các cơ hội khi vắc-xin được sử dụng rộng rãi và mọi thứ mở cửa trở lại vào năm 2021-2022.

CASA của WB

▲ 81,2% so với năm 2019

TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động của các khối kinh doanh (Tiếp theo)

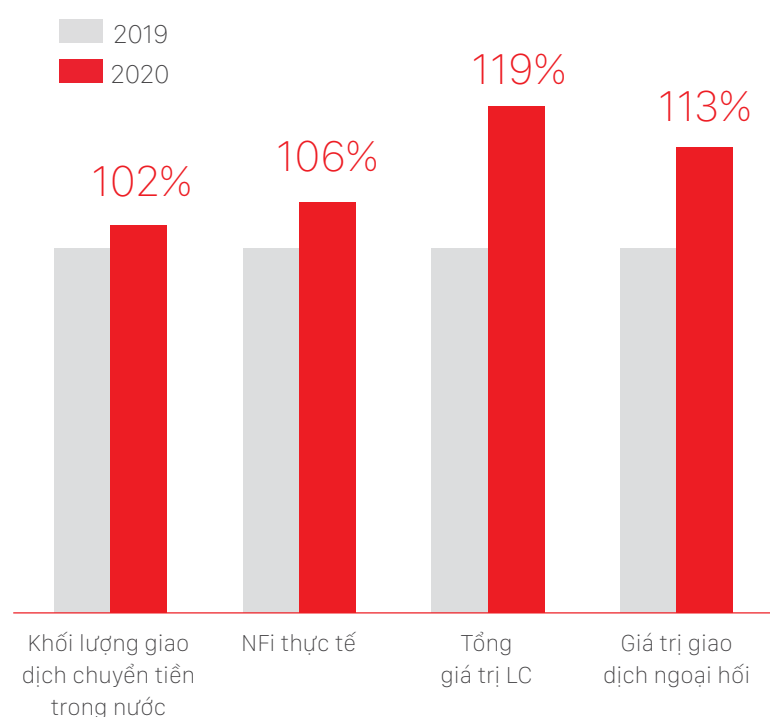
Ngân hàng giao dịch toàn cầu (GTS)

Nằm trong chiến lược “Khách hàng là trọng tâm” của Techcombank, vào tháng 9 năm 2019, 3 đơn vị Ngân hàng giao dịch, Văn phòng chuyển đổi Ngân hàng giao dịch và Nguồn vốn đã hợp nhất thành Khối Ngân hàng giao dịch toàn cầu (GTS). Sứ mệnh của đơn vị mới này là tạo dựng những giải pháp tài chính toàn diện qua đa kênh giao dịch, nhằm đem lại những trải nghiệm trọn vẹn nhất xuyên suốt hành trình phát triển của các doanh nghiệp, tổ chức (là khách hàng của Techcombank).

Dù đối mặt với một năm 2020 đầy biến động, Khối GTS vẫn nỗ lực hoàn thành tốt và vượt các kế hoạch đã đặt ra, cụ thể: so với năm 2019, doanh thu thuần từ hoạt động dịch vụ (NFI) đạt 106%, khối lượng giao dịch chuyển đổi trong nước đạt 102%, giao dịch ngoại hối (FX) đạt 113%, tổng giá trị LC đạt 119%. Thành công này là kết quả của chiến lược số hóa công nghệ và dịch vụ, hệ thống hóa việc giải quyết nhu cầu từ đơn giản đến phức tạp của khách hàng, đồng thời tối ưu hóa các quy trình, giải pháp hiện có của Techcombank.

Techcombank đồng hành cùng khách hàng trong kỷ nguyên số

Năm 2020 đánh dấu lần thứ 3 Techcombank được vinh danh là Ngân hàng tốt nhất Việt Nam về các sản phẩm phái sinh trong quản trị rủi ro cho khách hàng, đồng thời lần thứ 2 liên tiếp được bình chọn là Ngân hàng thanh toán xuất sắc nhất Việt Nam, được trao bởi hai tạp chí uy tín quốc tế The Asia Risk và The Asian Banker



Bên cạnh những con số biết nói, năng lực ứng dụng công nghệ vào trong thiết kế giải pháp dành cho Khách hàng doanh nghiệp của Khối GTS còn được thể hiện thông qua các thành tựu phi tài chính khác. Trong số đó, triển khai Host – to – host (H2H), mô hình kết nối trực tiếp giữa hệ thống quản lý đa chức năng (ERP) của doanh nghiệp với ngân hàng là một dự án được đánh giá mang lại nhiều giá trị thiết thực. Cụ thể, giải pháp này giúp gia tăng hiệu suất vận hành, giảm thao tác thủ công, tăng cường bảo mật và dễ dàng đối soát dữ liệu cho các khách hàng có nhu cầu và thường xuyên thực hiện các lệnh thoanh toán với số lượng giao dịch lớn. Không chỉ tăng mức độ hài lòng với dịch vụ của Techcombank, H2H cũng góp phần tăng TOI qua CASA, tạo thêm doanh thu từ phí và mở ra cơ hội bán chéo cho bộ phận kinh doanh. Chỉ trong hơn 10 tháng triển khai, giải pháp này đã xử lý hơn 10 triệu giao dịch với tổng giá trị lên tới 242 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, Techcombank đã kết nối thành công cho thanh toán bảo hiểm tự động cho khách hàng Manulife thông qua H2H cũng như công thanh toán NAPAS 24/7.

Nắm bắt nhu cầu của khách hàng, trong năm 2020, Techcombank đã chủ động triển khai tính năng SmartOTP cũng như ra mắt tính năng chuyển tiền quốc tế cho kênh giao dịch điện tử dành cho khách hàng doanh nghiệp (F@ST E-BANK). Việc liên tục tối ưu, nâng cấp và giới thiệu tính năng mới cho F@ST E-BANK đã giúp tổng số lượng và giá trị giao dịch tăng lần lượt 4% và 20% so với 2019; hơn 25.000 giao dịch chuyển tiền quốc tế đã được thực hiện trực tuyến (trong năm nay).

Không chỉ đầu tư để tạo ra những đột phá về công nghệ, hoàn thiện và nâng cao trải nghiệm của khách hàng cũng là ưu tiên hàng đầu được đặt ra. Bộ Điều khoản & Điều kiện chung mới cùng mô hình Tổng đài hỗ trợ dịch vụ khách hàng là kết quả từ những nghiên cứu am hiểu khách hàng của Khối GTS, với nhiệm vụ đơn giản hóa quy trình phục vụ, cũng như nhanh chóng giải đáp và hỗ trợ tất cả các nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp.

Tháng 10 năm 2020, Techcombank chính thức triển khai thành công hệ thống Thu ngân sách Nhà nước (NSNN), tự hào trở thành một trong những ngân hàng TMCP đầu tiên tại Việt Nam kết nối thanh toán song phương điện tử với Kho bạc Nhà nước. Đây là một dấu mốc quan trọng minh chứng cho vị thế dẫn dắt thị trường của Techcombank trong việc ứng dụng công nghệ vào các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đẩy mạnh cải cách hành chính để hỗ trợ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN.

So với 2019

Khối lượng giao dịch chuyển tiền trong nước đạt

102%

NFI thực tế đạt

106%

Tổng giá trị LC đạt

119%

Giá trị giao dịch ngoại hối (FX) đạt

113%

Sản phẩm cho vay hợp vốn đạt

93%

so với kế hoạch điều chỉnh tương đương 44 tỷ đồng doanh thu trong 2020.

TODAY

Báo cáo của Ban lãnh đạo (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động của các khối kinh doanh (Tiếp theo)

Ngân hàng giao dịch toàn cầu (GTS) (Tiếp theo)

Tổng số lượng và giá trị giao dịch trên F@ST E-BANK tăng lần lượt

4% và 20%

so với năm 2019

>25.000

Giao dịch chuyển tiền quốc tế đã được thực hiện khi tính năng này lần đầu tiên được ra mắt trên phiên bản nâng cấp của F@ST E-BANK

Kết nối HOST - TO - HOST

>10.000.000

Giao dịch thực hiện thành công

Tổng giá trị

242.000

tỷ đồng

Trong năm 2020, bằng sự ghi nhận của cơ quan quản lý – Bộ Tài chính, mảng tự doanh của Khối GTS tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu của Techcombank trên thị trường tài chính Việt Nam, bao gồm: kinh doanh trái phiếu Chính phủ, kinh doanh phái sinh và ngoại hối. Với tư cách là một trong những nhà tạo lập thị trường năng động nhất, sở hữu mạng lưới đối tác lớn ở cả trong và ngoài nước, Khối GTS nói riêng và Techcombank nói chung tự tin vào năng lực thu xếp các giao dịch ngoại hối, giao dịch cấu trúc và giao dịch phái sinh lớn tới khách hàng.

Những nỗ lực bền bỉ của Khối GTS vinh dự được ghi nhận bởi các tổ chức uy tín quốc tế là The Asian Risk và The Asian Banker, với 2 giải thưởng Ngân hàng tốt nhất Việt Nam (House of the Year) và Ngân hàng thanh toán xuất sắc nhất (Best Payment Bank) lần lượt trong tháng 9 và tháng 10 năm 2020. Đây là sự vinh danh dành cho năng lực toàn diện về thiết kế và cung cấp các sản phẩm phái sinh với quy mô lớn cho khách hàng, cũng như thành tựu trong xây dựng giải pháp đáp ứng khả năng xử lý thanh toán tự động, nhanh chóng cho khách hàng trong và ngoài nước.

Giai đoạn tiếp theo trên hành trình chuyển đổi cùng Techcombank, Khối GTS lựa chọn tiếp tục đầu tư nâng cấp năng lực sản phẩm, xây dựng và củng cố nền tảng công nghệ phục vụ khách hàng doanh nghiệp bắt kịp xu hướng số hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Theo đó,

cải tiến dịch vụ, tối ưu vận hành là những ưu tiên hàng đầu. Năm 2021, ngoài việc đẩy mạnh dự án hợp tác cùng Kho bạc Nhà nước và mở rộng triển khai mô hình Host-to-host, kênh ngân hàng điện tử của Techcombank sẽ được bổ sung thêm các dịch vụ mới để tối ưu hiệu suất cho khách hàng như thanh toán thuế và thanh toán hóa đơn trực tuyến. Đồng thời, Khối GTS cũng sẽ tiến hành chuẩn hóa quy trình kinh doanh để phối hợp với Văn

phòng chuyển đổi cải tiến và ra mắt giải pháp ngân hàng điện tử hợp kênh (Omni Channel) trong thời gian tới. Phối hợp chặt chẽ cùng Khối Dữ liệu & Phân tích, nhu cầu của khách hàng không chỉ được Khối GTS nắm bắt một cách tối ưu nhất, mà còn được phân khúc theo nhóm loại hình doanh nghiệp, từ đó, thiết kế các gói sản phẩm chuyên biệt tương ứng. Điều này giúp hoàn thiện và nâng cấp toàn bộ hành trình giao dịch tài chính của khách hàng.



Với định hướng nêu trên, Khối GTS kỳ vọng 2021 sẽ là năm bước đệm quan trọng trong việc chuẩn bị sẵn sàng các giải pháp dịch vụ cũng như nền tảng công nghệ nhằm chinh phục kế hoạch 5 năm 2021 - 2025.

TECHCOMBANK 



Tomorrow

Nắm bắt tương lai ngành
ngân hàng

TOMORROW

Dữ liệu, số hóa và nhân tài: Các nền tảng chính để thực thi chiến lược 2021 - 2025

Chiến lược dữ liệu

Ngân hàng đặt mục tiêu chuyển đổi cho 05 năm tiếp theo bằng việc đầu tư vào ba trụ cột chính, gồm Dữ liệu, Số hóa và Nhân tài. Trong bối cảnh đó, Khối Dữ liệu và Phân tích (DnA) được thành lập vào tháng 10 năm 2020 với độ ngũ nhân tài đẳng cấp thế giới, có nhiều kinh nghiệm làm việc trong môi trường quốc tế, tại nhiều ngân hàng hàng đầu và các công ty nằm trong Top 10 do Fortune bình chọn. Sự thành lập Khối Dữ liệu và Phân tích giúp Techcombank khẳng định vị thế tiên phong trong việc ứng dụng dữ liệu nhằm "tạo ra sự khác biệt" so với các đối thủ còn lại. Quan trọng hơn, coi dữ liệu là trọng tâm chiến lược cũng giúp Techcombank

am hiểu và phục vụ khách hàng tốt hơn dựa trên nhu cầu của họ. Đây được xem như minh chứng điển hình cho việc Techcombank lấy khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động vận hành cũng như mang đến các dịch vụ cá nhân hóa cấp độ cao.

Để thực hiện được sứ mệnh này, Giám đốc Khối Dữ liệu và Phân tích được bổ nhiệm và nắm đơn vị trực thuộc, gồm Hoạch định dữ liệu và Chuyển giao, Phân tích và Am hiểu Dữ liệu Kinh doanh (BI), Phân tích Nâng cao và Sáng tạo, và Học viên Dữ liệu đã được thành lập. Mục tiêu của các đơn vị này là:



Xây dựng dữ liệu trở thành tài sản của doanh nghiệp, có thể khai mở mọi giá trị cho nhân viên và khách hàng.



Thiết lập và triển khai các công nghệ, công cụ, phương pháp tiếp cận và phương pháp luận để khai thác giá trị của các tài sản dữ liệu mà Techcombank đang có.



Xác định và thúc đẩy tầm nhìn phân tích phạm vi toàn tổ chức, cả về Con người, Quy trình, Chiến lược, và Công nghệ.



Quản trị dữ liệu như là một tài sản chiến lược và vận hành quản trị dữ liệu, chất lượng dữ liệu và các biện pháp kiểm soát khác để duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu tại Techcombank.



Đóng vai trò là đối tác đáng tin cậy của các giám đốc Khối kinh doanh chính liên quan tới khách hàng, phân khúc kinh doanh, quản trị rủi ro doanh nghiệp, tuân thủ quy định, nhân sự và tài chính.



Luôn dẫn đầu trong việc phát triển dữ liệu, quản trị rủi ro và thúc đẩy các chương trình am hiểu sâu sắc về xu thế tương lai cho tổ chức.



Tạo ra lợi nhuận từ dữ liệu khi phối hợp với các cán bộ khác đến từ các đơn vị chức năng để đảm bảo tốc độ tăng trưởng vượt trội.



Tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi kinh doanh, thay đổi và đào tạo cần có để đưa các phân tích vào văn hóa và biến nó thành văn hóa dựa trên những góc nhìn sâu sắc.



Thúc đẩy sự sáng tạo thông qua việc tận dụng công nghệ Đám mây, Máy học, Trí tuệ nhân tạo, Dữ liệu lớn và các công nghệ phân tích.



Thể chế hóa Học viện Dữ liệu để thúc đẩy quá trình học hỏi và đào tạo về cách thức triển khai và sử dụng dữ liệu trong toàn bộ doanh nghiệp ở tất cả các cấp độ.

Các bộ phận chính của khối Dữ liệu và phân tích (DnA)

Hoạch định dữ liệu và Chuyển giao

Để nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo dữ liệu có thể dễ dàng sử dụng, bộ phận này chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược và kiến trúc dữ liệu, hỗ trợ doanh nghiệp đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu. Ngoài ra, bộ phận này cũng cung cấp các công cụ và khung khai thác dữ liệu, thiết lập mô hình và báo cáo dữ liệu. Một trong những dự án quan trọng nhất của bộ phận trong năm 2021 là xây dựng kho dữ liệu toàn hàng (nơi lưu trữ toàn bộ dữ liệu) tại chỗ và cả trên nền tảng đám mây.

Phân tích và Am hiểu dữ liệu kinh doanh

Việc phân tích và am hiểu dữ liệu khách hàng sẽ mang lại nhiều góc nhìn khác nhau, hỗ trợ các

Khối kinh doanh tạo ra các giá trị to lớn cũng như mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng.

Bộ phận Phân tích và am hiểu dữ liệu kinh doanh tập trung xử lý các vấn đề "đã biết và chưa biết". Mục tiêu của bộ phận này là giúp chuẩn hóa các khái niệm và đảm bảo các số liệu và thước đo áp dụng trên phạm vi toàn tổ chức một cách nhất quán.

Nhìn chung, bộ phận Phân tích và Am hiểu dữ liệu kinh doanh có vai trò chuyển đổi các yêu cầu của đơn vị kinh doanh thành yêu cầu về dữ liệu để thực hiện báo cáo và phân tích kịp thời nhằm đảm bảo ngân hàng có được bức tranh toàn diện về các đối tượng khách hàng.

TOMORROW

Chiến lược dữ liệu (tiếp theo)

Các bộ phận chính của khối DnA

Phân tích nâng cao và sáng tạo

Bộ phận này chịu trách nhiệm thực hiện các phân tích nâng cao/phân tích dự báo, ứng dụng phương pháp máy học kết hợp với trí tuệ nhân tạo (AI) cũng như phát triển các sản phẩm dữ liệu toàn hàng để thúc đẩy văn hóa quản trị theo dữ liệu. Để có thể thực hiện được những nhiệm vụ đó, bộ phận cần phối hợp chặt chẽ với các giám đốc công nghệ và cả các giám đốc kinh doanh trong nội bộ ngân hàng để xác định, xử lý các nguồn dữ liệu phi cấu trúc, tạo dựng và triển khai các cơ hội khai thác dữ liệu mới.

Bộ phận này gồm các nhà khoa học dữ liệu có bằng tiến sĩ về nhiều lĩnh vực như Toán học, Luật, Vật lý học, hay Khoa học Máy tính v.v. Ngành Khoa học Dữ liệu sử dụng rất nhiều công cụ, công thức toán học và thống kê để giải quyết các nhu cầu không thể lý giải ngay thông qua cơ sở dữ liệu.

Quản trị dữ liệu

Trong thời đại bùng nổ dữ liệu, khách hàng ngày càng có yêu cầu cao hơn về bảo mật dữ liệu cũng như quan ngại sâu sắc các vấn đề liên quan tới rò rỉ dữ liệu. Vì thế, để có thể bảo vệ được dữ liệu của cả khách hàng và ngân hàng, bộ phận Quản trị dữ liệu có nhiệm vụ xây dựng các tiêu chuẩn, chính sách và quy trình quản trị dữ liệu, kết hợp chiến lược an ninh thông tin và các chương trình quản trị dữ liệu cũng như đảm bảo các thông số chất lượng dữ liệu trên toàn hàng.

Bộ phận Quản trị dữ liệu được ví như người gác cổng và nằm ở tuyến phòng thủ thứ hai chống lại các vấn đề rủi ro liên quan đến dữ liệu và rò rỉ dữ liệu.

Học viện dữ liệu

Học viện dữ liệu được thành lập với mục tiêu tăng cường nhận thức và giúp các cán bộ nhân viên có khả năng sử dụng và khai thác tốt tiềm năng của dữ liệu. Trọng tâm chính của Học viện dữ liệu là trang bị các kiến thức về dữ liệu tới các đối tượng khác nhau trên toàn ngân hàng. Tạo ra phương pháp học tập hiệu quả dựa trên chân dung đối tượng với các khóa học trực tuyến (e-learning) và đào tạo trực tiếp tiếp được kiểm chứng chính là phương pháp mà chúng tôi áp dụng để đào tạo các cán bộ nhân viên.

Theo lời chia sẻ của Giám đốc Khối Dữ liệu và Phân tích, "Dữ liệu không phải là dầu lửa, dữ liệu là khí ô-xy cho mọi hoạt động của tổ chức."



Số hóa và công nghệ

Số hóa

Chúng tôi - Techcombank đã sẵn sàng để tạo ra đột phá trong năm 2020

Trong nhiều năm qua, Techcombank đã luôn chủ động đi trước đón đầu xu hướng số hóa ngân hàng đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ tại thị trường tài chính Việt Nam. Do đó, Techcombank nhanh chóng vươn lên dẫn đầu, sở hữu lợi thế cạnh tranh khác biệt và xây dựng được mạng lưới khách hàng đông đảo. Năm 2020 tiếp tục là một năm ghi nhận những dấu mốc quan trọng và thành tựu nổi bật của Techcombank trên hành trình trở thành ngân hàng dẫn dắt quá trình số hóa của thị trường tài chính Việt Nam.

Ngay từ những bước đi đầu tiên, Techcombank đã luôn xác định rất rõ ràng về mục tiêu trở thành người dẫn đầu của mình thông qua việc trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sử dụng hệ thống ngân hàng lõi. Trong năm 2020, giữa bối cảnh bùng phát dịch bệnh COVID-19 trên toàn cầu làm suy giảm nền kinh tế của tất cả các quốc gia trên thế giới, tuy nhiên, sự tin tưởng về tính đúng đắn khi lựa chọn chiến lược và quyết tâm tạo ra những trải nghiệm số hóa tốt hơn nữa cho khách hàng đã giúp Techcombank tiếp tục khẳng định mình trong thị trường ngân hàng đầy biến động. Bên cạnh đó, năm 2020 cũng được coi là năm bản lề, là tiền đề cho Techcombank tiếp tục vươn mình mạnh mẽ và sẵn sàng để tạo ra những đột phá mới trong quá trình

thực thi chiến lược 5 năm tiếp theo 2021-2025. Với hệ thống hiện tại, Techcombank vẫn liên tục cải tiến để đem lại sự an toàn, bảo mật vượt trội cho khách hàng mà vẫn đảm bảo tính thuận tiện, nhanh chóng và chính xác để hỗ trợ khách hàng trong giao dịch, đầu tư cũng như quản lý tài chính hiệu quả.

Đồng thời, Techcombank đã hoàn thành các bước chuẩn bị cần thiết để sẵn sàng cho sự ra mắt của nền tảng công nghệ hoàn toàn mới trong 2021. Để chuẩn bị cho sự ra mắt quan trọng này, Techcombank đã đầu tư để lựa chọn những đối tác danh tiếng, có uy tín và dày dặn kinh nghiệm trên thế giới trong lĩnh vực nền tảng công nghệ cũng như tuyển dụng những nhân sự xuất sắc ở trong nước và nước ngoài, những người sẽ thực thi nhiệm vụ đầy thách thức nhưng rất nhiều triển vọng này. Góp phần cho sự tự tin bước vào hành trình chuyển đổi mới, cũng không thể không kể đến việc Techcombank đã xây dựng văn phòng làm việc và áp dụng cách thức làm việc mới theo phương pháp Agile. Tất cả các yếu tố này đều góp phần tạo điều kiện để thực hiện tốt nhất chiến lược hách hàng là trọng tâm mà Techcombank đã lựa chọn. Đây là một trong những dự án trọng điểm của Techcombank trên hành trình thực thi và khẳng định vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực số hóa.

TOMORROW

Số hóa và công nghệ (Tiếp theo)

Tính đến tháng 12/2020, số lượng khách hàng cá nhân sử dụng ngân hàng điện tử chiếm 46,9%, tương đương 3,9 triệu khách hàng (tăng 42,8% so với cùng kỳ năm ngoái). Tỷ lệ khách hàng hoạt động chiếm 71,7%. Khối lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện tử của khách hàng cá nhân trong năm 2020 lần lượt đạt 383 triệu giao dịch (tăng 109% so với cùng kỳ năm ngoái) và 5 triệu tỷ (tăng 84% so với cùng kỳ năm ngoái). Trong đó, tỷ lệ số lượng giao dịch thanh toán chiếm 18% (giao dịch chuyển khoản chiếm 82%), tăng so với tỷ lệ 14% trong cùng kỳ năm ngoái, cho thấy việc khách hàng ngày càng gắn bó và có thói quen sử dụng các dịch vụ ngân hàng điện tử nhiều hơn cho các nhu cầu thiết yếu hàng ngày, thay vì chỉ dừng lại ở nhu cầu chuyển khoản với sự thúc đẩy từ chương trình Zero Fee vẫn được duy trì nhiều năm qua. Cách làm của Techcombank cũng đã tạo hiệu ứng lan tỏa nhất định trên thị trường khi có thêm nhiều ngân hàng thương mại miễn phí giao dịch trong năm 2020. Chủ trương này cũng được Ngân hàng nhà nước khuyến khích để tạo điều kiện cho người dân/doanh nghiệp ổn định kinh doanh trong bối cảnh COVID-19 tiếp tục gia tăng. Techcombank tự hào khi cách làm của mình mở rộng được giá trị, góp phần tăng thêm lợi ích cho người tiêu dùng nói riêng và xã hội nói chung. Sự ủng hộ của khách hàng dành cho các dịch vụ mới trên nền tảng ngân hàng số, với giao diện thân thiện và hoàn toàn miễn phí, đã được khẳng định khi Techcombank ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng liên tục trong 3 năm qua từ 1,5 triệu khách hàng điện tử lên 3,8 triệu khách hàng. Điều này cũng đem đến "quả ngọt" khi CASA của khách hàng có sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử trong năm 2020 cao gấp 12 lần so với các khách hàng không dùng ngân hàng điện tử, và luôn duy

trì mức tăng cao dần trong nhiều năm qua. Để đạt được những con số ấn tượng như trên trong năm 2020, Techcombank đã tiếp tục kiên định với chiến lược khách hàng là trọng tâm trong các hoạt động của ngân hàng nói chung và các hoạt động phát triển dịch vụ Ngân hàng điện tử của Techcombank nói riêng. Theo đó, mọi hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách hàng trên hành trình số hóa, tạo ra một hệ sinh thái các tiện ích toàn diện và hoàn thiện hơn mỗi ngày dành cho khách hàng cũng đều lấy giá trị cốt lõi này làm kim chỉ nam. Năm 2020, việc phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử của Techcombank tập trung vào 4 mục tiêu chính:

- 01 Giữ được ổn định, an toàn hệ thống, đồng thời tiếp tục tăng trưởng khách hàng
- 02 Tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng hóa đơn trên F@st Mobile
- 03 Các trải nghiệm mới được thiết kế dành riêng cho khách hàng ưu tiên
- 04 Đảm bảo hiệu quả kinh doanh: tăng doanh thu, giảm chi phí

Bám sát những mục tiêu đã đặt ra, một số kết quả nổi bật trong việc phát triển, cải tiến hệ thống công nghệ và các tính năng mới đã thực hiện được trong năm 2020 bao gồm:



Năm 2020, Techcombank tiếp tục phục vụ thêm gần 1,2 triệu khách hàng E-Banking mới cùng các khách hàng hiện hữu bằng nhiều phát triển quan trọng của hệ thống như nâng cấp các hệ thống chủ đạo như hệ thống T24, hệ thống Thẻ, Mobile; thay đổi công nghệ máy chủ server; triển khai giải pháp eKYC cho khách hàng để tạo tiền đề cho việc khai thác phân khúc khách hàng trọng tâm cho năm 2021 và những năm tiếp theo.



Phát triển các tính năng phục vụ khách hàng trọng tâm - phân khúc Khách hàng thu nhập cao: tính năng lần đầu tiên trên thị trường – chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi Bảo Lộc trên F@st Mobile, phục vụ nhu cầu đầu tư, gia tăng tài sản của khách hàng; Cung cấp trải nghiệm dịch vụ phi tài chính mới: đặt vé máy bay, khách sạn đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng ngày càng nhiều của khách hàng.



Tiếp tục cải tiến quy trình số hóa cho vay mua nhà, giúp giảm thời gian từ khi khách hàng cân nhắc đến khi ra quyết định vay vốn chỉ còn 1,6 ngày, đồng thời giảm 30% thời gian vận hành cho một khoản vay trực tuyến so với xử lý hồ sơ thủ công, chỉ còn 355 phút.

Hiện nay, khoảng 85% hoạt động của khách hàng hoàn toàn là trên kênh ngân hàng số, và con số này đang tiếp tục tăng. Xu hướng sử dụng ngân hàng điện tử hiện tại giúp Techcombank đạt hiệu quả cao và chi phí thấp, trở thành ngân hàng có hiệu quả hoạt động tốt nhất trên thị trường hiện nay và tạo ra những dấu ấn tích cực trên thị trường tài chính Việt Nam trong suốt hành trình 27 năm không ngừng phát triển.



Tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán hóa đơn từ 19% năm 2019 lên 54% năm 2020 bằng nhiều hoạt động: kết nối thêm nhiều nhà cung cấp dịch vụ để đa dạng hóa dịch vụ thanh toán; cải tiến trải nghiệm thanh toán hóa đơn với các tiện ích nâng cao: thanh toán nhanh, thanh toán tự động.



Tăng doanh thu trên F@st Mobile thông qua các dịch vụ: phát hành thẻ tín dụng phê duyệt trước, thẻ thanh toán; và đặc biệt là mức tăng trưởng CASA kỷ lục đạt 76,1 nghìn tỷ, đóng góp 74% lợi nhuận của dịch vụ ngân hàng bán lẻ, đồng thời, tiết giảm chi phí phục vụ khách hàng tại quầy giao dịch thông qua việc chuyển dịch các dịch vụ hỗ trợ thẻ từ quầy lên kênh online: bao gồm hỗ trợ cả thẻ tín dụng và thẻ thanh toán, giúp tiết kiệm hơn 67 tỷ chi phí tin nhắn SMS.

TOMORROW

Số hóa và công nghệ (Tiếp theo)

Công nghệ

Techcombank luôn duy trì vị thế tiên phong trong việc áp dụng công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng

Với khách hàng

Techcombank luôn duy trì vị thế tiên phong trong việc áp dụng công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng, bắt đầu bằng việc áp dụng hệ thống ngân hàng lõi và ngân hàng giao dịch trực tuyến và di động đầu tiên tại Việt Nam từ 19 và 6 năm trước. Trong hơn 27 năm hoạt động, chúng tôi luôn duy trì vị thế dẫn đầu trong việc số hóa dịch vụ và sản phẩm ngân hàng. Trong năm 2020, quá trình đầu tư công nghệ không ngừng nghỉ đã giúp chúng tôi cung cấp sự thuận tiện cho khách hàng và tăng trưởng thanh toán không tiền mặt trong suốt giai đoạn COVID-19. (Số lượng giao dịch của khách hàng cá nhân qua E-Banking tăng 108,8% so với năm 2019). Thành quả của việc đầu tư nền tảng số, số hóa hành trình khách hàng, tăng cường quản trị rủi ro là hơn 1 triệu khách hàng mới đã tin tưởng sử dụng dịch vụ của chúng tôi.

Sự ổn định

Một trong những ưu tiên cao nhất của chúng tôi là duy trì ổn định của nền tảng giao dịch để khách hàng có thể sử dụng dịch vụ ngân hàng ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào. Ngoài ra, chúng tôi cũng đang thực hiện những bước đầu tiên trong việc áp dụng điện toán đám mây để tiếp tục tăng cường hiệu năng, ổn định, hiệu quả chi phí và đặc biệt là tăng tốc cung cấp sản phẩm dịch vụ mới đến khách hàng thông qua hệ sinh thái đối tác. Điện toán đám mây giúp chúng tôi có thể cung cấp sản phẩm dịch vụ cá nhân hóa cao tới khách hàng nhanh chóng hơn.

An ninh thông tin

COVID-19 tăng tốc quá trình số hóa mọi mặt đời sống con người. Trong bối cảnh như vậy, sự riêng tư và bảo mật thông tin khách hàng luôn là sự ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Chúng tôi đã và sẽ dành sự ưu tiên lớn trong việc tuyển dụng những chuyên gia an ninh tốt nhất, áp dụng tiêu chuẩn an ninh quốc tế. Khách hàng có thể tin tưởng Techcombank trong đời sống của họ.

Với cán bộ nhân viên

Trong COVID-19, Techcombank đã cung cấp môi trường làm việc an toàn với khả năng làm việc từ xa, đảm bảo thu nhập cho cán bộ nhân viên, và hơn thế nữa, chúng tôi tiếp tục tuyển dụng chuyên gia công nghệ tốt nhất ở thị trường Việt Nam và thế giới. Chúng tôi tin rằng lực lượng nhân sự chính là xương sống cho quá trình chuyển đổi 5 năm của chúng tôi.

Đào tạo & phát triển Nhân tài

Điều khác biệt của chúng tôi với các đối thủ cạnh tranh là đội ngũ nhân viên tài năng và tâm huyết.

Tại Techcombank, chúng tôi xem nhân viên là tài sản quý giá nhất của mình vì chúng tôi tin rằng thành công của mỗi cán bộ nhân viên là thành công của Techcombank. Khối Quản trị Nguồn nhân lực của chúng tôi đã đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sự phát triển của ngân hàng về nguồn nhân lực và điều này được minh chứng thông qua việc triển khai thành công các sáng kiến và chương trình nhân sự trong năm 2020.

Trong năm qua, chúng tôi tuyển dụng thành công 2.400 cán bộ nhân viên, nâng tổng số cán bộ nhân viên tại Techcombank lên 11.802 người. Chúng tôi đã chào đón 37 lãnh đạo cấp cao và chuyên gia hàng đầu gia nhập Techcombank từ khắp nơi trên thế giới như Mỹ, Úc, Đức, Singapore và Ấn Độ, trong đó có 10 người là thành viên Ban Lãnh đạo.

Các Techcomer ngày càng gắn bó hơn với tổ chức thể hiện qua thâm niên trung bình năm 2020 là 4,8 năm, trong đó, có 51% cán bộ nhân viên có thâm niên trên 3 năm và 36% có thâm niên trên 5 năm. Tỷ lệ thôi việc của phân khúc nhân tài xuất sắc tại Techcombank ở mức 4,3%, thấp hơn năm 2019.

Chào đón 37 lãnh đạo cấp cao & chuyên gia hàng đầu từ khắp nơi trên thế giới về gia nhập Techcombank.

Tuyển dụng thành công
2.400 cán bộ

Tổng số cán bộ nhân viên
11.802 người



TOMORROW

Đào tạo & phát triển Nhân tài (Tiếp theo)

Về đào tạo và phát triển nhân tài

Chúng tôi tự hào đã xây dựng thành công văn hóa học tập và phát triển để thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp của cán bộ nhân viên. Bất chấp tình hình đầy thách thức mà đại dịch COVID-19 đặt ra vào năm 2020, chúng tôi vẫn tiếp tục đầu tư vào đào tạo và nâng cao kỹ năng cho cán bộ nhân viên của mình.

Chúng tôi đã chuyển hướng sang E-learning một cách nhanh chóng bằng cách thiết kế một số khóa học nội bộ trên nền tảng số, cho phép cán bộ nhân viên học tập một cách an toàn và thuận tiện. Số giờ đào tạo trung bình của mỗi cán bộ nhân viên tăng 29%. Theo đó, mỗi cán bộ nhân viên hoàn thành trung bình 71 giờ đào tạo trên lớp và các khóa học E-Learning.

Tổng số giờ đào tạo năm 2020 là 897.792 giờ, tăng 34% so với năm 2019. Số giờ học trực tuyến tăng đáng kể, lên tới 142%. Điều này giúp chúng tôi giảm 40% chi phí đào tạo, tiết kiệm cho ngân hàng khoảng 5,2 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, chúng tôi cung cấp thêm nhiều khóa học về Agile, Digital và Design Thinking trong năm 2020 để phù hợp với tầm nhìn và chiến lược của Techcombank. Theo đó, chúng tôi đã cung cấp 171.960 giờ học tập cho cán bộ nhân viên nhằm chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi số của ngân hàng.

Ngoài việc cung cấp đào tạo chuyên sâu về sản phẩm, quy trình và công nghệ số cho cán bộ nhân viên, chúng tôi cũng tập trung vào việc xây dựng và nâng cao năng lực cho đội ngũ lãnh đạo và đội ngũ quản lý kế cận của mình. Tính đến cuối năm 2020, chúng tôi đã triển khai 16.920 giờ đào tạo cho lãnh đạo ở cấp quản lý cấp trung và cấp cao thông qua các chương trình phát triển năng lực lãnh đạo như Techcomlead, We Build, và các chương trình khác.

Tổng số giờ đào tạo trong năm 2020

897.792 giờ

Số giờ học trực tuyến

▲142%

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Việc thiết kế các chương trình lương, thưởng và phúc lợi của Techcombank dựa trên các thông lệ tốt nhất trên thị trường và được thiết kế để cạnh tranh hơn so với tiêu chuẩn thị trường của các ngân hàng trong nước và các công ty đa quốc gia tại Việt Nam. Với các chính sách lương, thưởng và phúc lợi toàn diện được điều chỉnh cho phù hợp với nhiều phân khúc nhân tài, chúng tôi có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của cán bộ nhân viên.

Một trong những điểm nổi bật của Techcombank so với thị trường là Ban lãnh đạo ngân hàng đã đưa ra quyết định bảo vệ công việc và mức lương của tất cả cán bộ nhân viên trong khoảng thời gian khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Chúng tôi đã có những nỗ lực đặc biệt để duy trì tinh thần của cán bộ nhân viên bằng cách truyền thông liên tục và minh bạch giúp mỗi cán bộ nhân viên yên tâm công tác, từ đó, góp phần vào thành công của Techcombank trong năm 2020.

Để chuẩn bị cho việc triển khai chiến lược mới 2021 - 2025, chúng tôi đã thiết kế lại các chính sách đãi ngộ để đảm bảo chúng tôi có thể thu hút, tạo động lực và giữ chân nhân tài. Các chương trình thưởng ngắn hạn và dài hạn tập trung vào việc kịp thời ghi nhận thành tích của những cá nhân xuất sắc có đóng góp lớn cho sự thành công của ngân hàng.

Về cơ hội thăng tiến

Techcombank luôn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên phát triển sự nghiệp của mình cùng với sự phát triển của ngân hàng thông qua việc lựa chọn lộ trình phát triển theo hướng Chuyên gia hoặc Quản lý. Triết lý của chúng tôi là phát triển nhân tài nội bộ và xây dựng sức mạnh cho đội ngũ kế cận được thể hiện bằng tỷ lệ bổ nhiệm nội bộ năm 2020 là 6%.

Các giải thưởng nhận được

Chúng tôi vô cùng tự hào về cách chúng tôi đã chăm sóc cán bộ nhân viên của mình trong năm 2020. Những nỗ lực của chúng tôi đã được một số tổ chức nổi tiếng trong nước và quốc tế công nhận thông qua các giải thưởng danh giá bao gồm:

Giải thưởng Nhân sự Châu Á

Nơi làm việc tốt nhất Châu Á

Ngân hàng duy nhất giành được giải thưởng

Giải thưởng Nhân sự Việt Nam hạng mục "Chính sách nhân sự ứng biến xuất sắc"

Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam

Top 2 ngành Ngân hàng

Nhà tuyển dụng được sinh viên Việt Nam lựa chọn

Top 3 ngành Tài chính - Ngân hàng

Đây là giải thưởng ghi nhận những nỗ lực hết mình của cán bộ nhân viên Techcombank trong việc chung tay xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng, sáng tạo và chuyên nghiệp. Đó là động lực để chúng tôi tiếp tục sứ mệnh to lớn của mình trong việc phát triển lực lượng lao động tài năng tại Techcombank, nơi mỗi cán bộ nhân viên luôn tự hào là một Techcomer.

TOMORROW

Đào tạo & phát triển Nhân tài (tiếp theo)



Đầu tư vào công nghệ

Để thành công trong việc thực hiện chiến lược số hóa giai đoạn 2021-2025 của Techcombank, Khối Quản trị Nguồn nhân lực đã bắt đầu hành trình chuyển đổi 5 năm của riêng mình để phù hợp với mục tiêu chung của ngân hàng. Chúng tôi tiếp tục nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự để trở thành đối tác chiến lược về nhân sự cho tất cả các đơn vị và cung cấp những hiểu biết sâu sắc về nhân sự giúp mang lại thành công cho đơn vị trong hoạt động và kinh doanh. Một trong những mục tiêu của chúng tôi là chuyển đổi trải nghiệm của cán bộ nhân viên thông qua nền tảng số giúp quản lý các chương trình và quy trình nhân sự hiệu quả hơn.

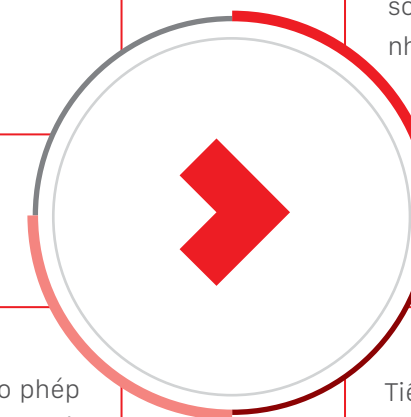
Để thực hiện các mục tiêu trên, gần đây, chúng tôi đã đầu tư 174 tỷ đồng vào hệ thống HCM (Human Capital Management) - hệ thống Quản lý Nguồn nhân lực hiện đại để cải thiện trải nghiệm tổng thể của cán bộ nhân viên. Hoạt động số hóa đã được triển khai rõ nét và mạnh mẽ thông qua việc thay đổi cách thức vận hành của các quy trình nhân sự để mang lại sự xuất sắc trong hoạt động với thời gian quay vòng nhanh hơn cho các dịch vụ nhân sự.

Vào năm 2020, chúng tôi đã triển khai thành công giai đoạn đầu tiên của dự án chuyển đổi nhân sự với hệ thống theo dõi ứng viên mới hỗ trợ đầy đủ cho quá trình tuyển dụng và nâng cao trải nghiệm của ứng viên bên ngoài và nội bộ khi ứng tuyển vào Techcombank. Giai đoạn 2 đã được khởi động và tập trung vào chuyển đổi các quy trình nhân sự cốt lõi, phân hệ trả lương và phân hệ đào tạo.

Trọng tâm năm 2021 của chúng tôi

Chuyển đổi bộ phận nhân sự để trở nên tốt nhất với nền tảng công nghệ, phát triển năng lực và cải tiến quy trình để mang lại trải nghiệm nhân viên xuất sắc.

Xác định và triển khai "Định vị Giá trị cán bộ nhân viên" để thu hút, động viên và giữ chân những nhân tài, đặc biệt là trong lĩnh vực dữ liệu, kỹ thuật số và công nghệ để trở thành "Ngôi nhà của những nhân tài xuất sắc"



Xây dựng văn hóa học tập cho phép cán bộ nhân viên có thể học bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu với trải nghiệm tốt hỗ trợ cho sự phát triển nghề nghiệp của họ.

Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh dựa trên 5 giá trị cốt lõi mà mỗi cán bộ nhân viên là một hình mẫu.

Từ những thành tựu đã đạt được trong hành trình chuyển đổi giai đoạn đầu và hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng Số 1 Việt Nam với giá trị vốn hóa 20 tỷ USD, chúng tôi sẽ tiếp tục xây dựng và đầu tư vào 3 trụ cột Nhân tài, Dữ liệu và Số hóa để mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng. Chúng tôi tin rằng việc không ngừng đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực tài năng sẽ mang lại thành công vượt trội cho Techcombank.



Always
Viết tiếp thành công

ĐỘI NGŨ
LÃNH ĐẠO &
DẪN DẮT

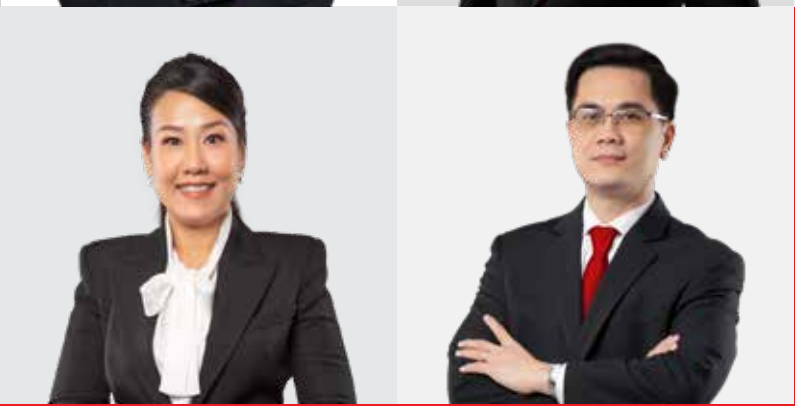


Hội đồng Quản trị



Ban
Kiểm soát





Ban
Lãnh đạo

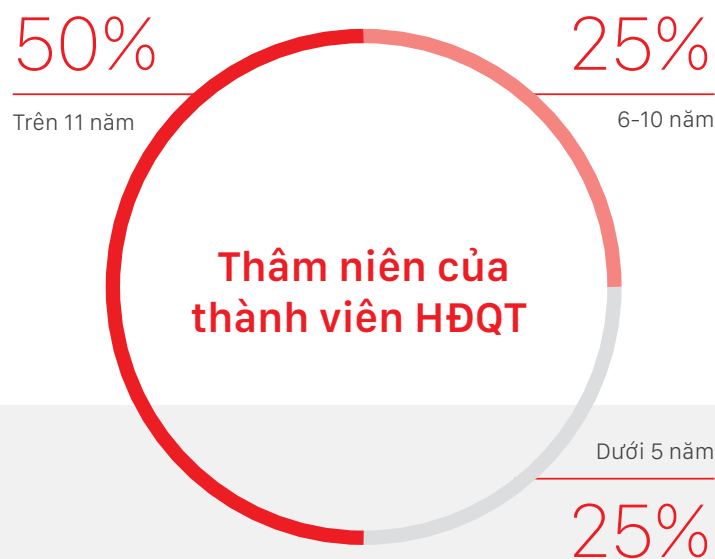
ALWAYS

Quản trị Ngân hàng**Về Quản trị - Điều hành**

Techcombank đang từng bước xây dựng và áp dụng cơ cấu Quản trị - Điều hành minh bạch và hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cán bộ nhân viên, cổ đông và nhà đầu tư, từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững và giá trị của tổ chức.

Cơ cấu Quản trị - Điều hành của Techcombank tuân thủ các điểm trọng yếu, với các quy định pháp luật và hướng dẫn về quản trị công ty ban hành bởi cơ quan quản lý Nhà nước, một số kể đến như:

- ▶ Nghị định 71/2017/NĐ-CP về Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- ▶ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và các quy định liên quan khác.
- ▶ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất ban hành tháng 8/2019 bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị (HĐQT)

07 thành viên HĐQT không điều hành

01 thành viên HĐQT độc lập

Giới thiệu về Hội đồng Quản trị

Nhiệm kỳ 2019 - 2024

Ông Hồ Hùng Anh**Chủ tịch HĐQT****Tuổi: 51 | Tham gia HĐQT từ tháng 03/2004**

Ông Hồ Hùng Anh là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Techcombank từ tháng 05/2008 đến nay. Ông bắt đầu tham gia quản trị ngân hàng từ năm 2004. Trước đó, ông đã có kinh nghiệm quản trị nhiều năm tại các tổ chức lớn, trong đó có Tập đoàn Masan.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Điện kỹ thuật tại trường Đại học Bách khoa Kiev, Ukraina và Thạc sỹ Quản trị nguồn nhân lực của Đại học Giao thông Đường bộ Moskva (MADI), Liên bang Nga.

Ông Nguyễn Đăng Quang**Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất****Tuổi: 58 | Tham gia HĐQT từ tháng 01/2000**

Ông Nguyễn Đăng Quang là Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 4/2016 đến nay. Trước đó, ông đóng vai trò thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5/2014 đến tháng 3/2016 và Phó Chủ tịch thứ nhất từ tháng 5/2008 đến tháng 4/2014. Trước khi tham gia HĐQT, ông Nguyễn Đăng Quang đã có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành và quản trị ở nhiều vị trí quản lý khác nhau tại Techcombank từ năm 1995, cũng như với tư cách thành viên HĐQT tại Tập đoàn Masan.

Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học Công nghệ tại Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.

ALWAYS

Giới thiệu về Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Nhiệm kỳ 2019 - 2024

Ông Nguyễn Thiều Quang**Phó Chủ tịch HĐQT****Tuổi: 62 | Tham gia HĐQT từ tháng 06/2000**

Ông Nguyễn Thiều Quang tham gia HĐQT từ năm 2000 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 tới nay. Ông Nguyễn Thiều Quang có nhiều năm kinh nghiệm điều hành và từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức lớn như Tập đoàn Masan, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex và Công ty Cổ phần Môi trường và Xây dựng Sài Gòn - Senco.

Ông tốt nghiệp Kiến trúc sư - Kỹ sư mỏ tại trường Đại học Bách khoa Donhetsk, Ucraina (nay là Đại học Kỹ thuật Quốc gia Donetsk).

**Ông Nguyễn Cảnh Sơn****Phó Chủ tịch HĐQT****Tuổi: 54 | Tham gia HĐQT từ tháng 05/2008**

Ông Nguyễn Cảnh Sơn tham gia HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 4/2009 tới nay. Ông Nguyễn Cảnh Sơn có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các vị trí thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT tại các tổ chức lớn như Công ty Cổ phần Eurowindow Holding và Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Xây dựng tại trường Đại học Kỹ sư Xây dựng thành phố Mátxcơva (nay là Đại học Tổng hợp Xây dựng Quốc gia - Liên bang Nga).



Giới thiệu về Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Nhiệm kỳ 2019 - 2024

Ông Đỗ Tuấn Anh**Phó Chủ tịch HĐQT****Tuổi: 48 | Tham gia HĐQT từ tháng 12/2012**

Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12/2012 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 6/2015 đến nay. Ông Đỗ Tuấn Anh từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như Phó Trưởng phòng Vụ Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng; và Techcombank như Trợ lý cao cấp cho HĐQT, Giám đốc Khối Chiếm lược và Phát triển và Phó Tổng Giám đốc Techcombank. Từ ngày 01/04/2020, ông Đỗ Tuấn Anh được miễn nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng, ông tiếp tục giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT với tư cách thành viên HĐQT không điều hành.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore

**Ông Lee Boon Huat****Thành viên HĐQT****Tuổi: 64 | Tham gia HĐQT từ tháng 12/2012**

Ông Lee Boon Huat là thành viên độc lập của HĐQT Techcombank từ tháng 12/2012 đến tháng 4/2014 và là Thành viên HĐQT từ tháng 5/2014 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn bao gồm Ủy ban tiền tệ Singapore, Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia Canada, Ngân hàng Chemical và Ngân hàng Standard Chartered.

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin).



ALWAYS

Giới thiệu về Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Nhiệm kỳ 2019 - 2024

**Ông Saurabh Narayan Agarwal****Thành viên HĐQT****Tuổi: 40 | Tham gia HĐQT từ: 04/2019**

Ông Saurabh Narayan Agarwal là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 4/2019 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm vị trí quản lý tại Công ty McKinsey tại New Delhi, Ấn Độ và New Jersey, Hoa Kỳ và Giám đốc Điều hành Warburg Pincus New York, Hoa Kỳ và Singapore.

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Công nghệ, Kỹ thuật Điện và Thạc sĩ ngành Công nghệ, Vi Điện tử Học viên Công nghệ Ấn Độ Bombay, Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh (MBA) trường Quản trị Kinh doanh Harvard.

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa**Thành viên HĐQT độc lập****Tuổi: 52 | Tham gia HĐQT từ tháng 04/2019**

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa là thành viên HĐQT độc lập Techcombank từ tháng 4/2019 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính và ngân hàng như Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Dự án Tài chính Nông thôn thuộc Ban Quản lý Dự án Tín dụng Quốc tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phó Giám đốc Sở giao dịch 3, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV (Vietnam Partners).

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Thiết kế công trình trên sông trường Đại học Thủy Lợi và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Kinh tế Tài chính trường Đại học Tổng hợp London, Vương Quốc Anh. Chứng chỉ CFA, chương trình phân tích Tài chính chuyên nghiệp quốc tế.



Giới thiệu về Thư ký Công ty (Người phụ trách Quản trị Ngân hàng)

Ông Nguyễn Tuấn Minh**Chánh Văn phòng HĐQT****Người phụ trách Quản trị Ngân hàng**

Ông Nguyễn Tuấn Minh gia nhập Techcombank từ tháng 5/2013 và có hơn 6 năm làm việc tại Techcombank với nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc Pháp chế, Giám đốc Khối Tuân thủ, Kiểm soát Rủi ro Hoạt động và Pháp chế, Giám đốc Cố vấn Pháp lý thuộc Khối Quản trị Ngân hàng. Trước đó, ông đã có hơn 20 năm làm chuyên gia tư vấn luật, luật sư hành nghề, luật sư nội bộ và làm quản lý cấp cao tại các công ty tư vấn của Việt Nam, các chi nhánh hãng luật quốc tế ở Việt Nam, ngân hàng thương mại và công ty chứng khoán ở Việt Nam. Ông Nguyễn Tuấn Minh được bổ nhiệm và đảm nhận vị trí người Phụ trách Quản trị Ngân hàng từ ngày 04/11/2019.

Ông có bằng Cử nhân Quan hệ quốc tế - Học viện Ngoại giao và Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội. Luật sư, Thành viên Đoàn Luật sư Hà Nội.

ALWAYS

Giới thiệu về Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Chức danh tại các công ty khác của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024

Họ tên	Chức vụ	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	Không có
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan
Ông Nguyễn Thiếu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Chủ tịch HĐQT Công ty Công nghệ Môi trường và Xây dựng Sài Gòn Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hoa sen vàng Kim Huỳnh
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Eurowindow Holding Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch T&M Vân Phong Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Trung tâm Thương mại Hà Nội – Mátxcơva (Incentra) Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Eurowindow
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư INB Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Hùng Tỉnh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư KD (KDI) Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vega City Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT độc lập - Alliance Bank Bhd Thành viên HĐQT độc lập - British Malayan Holdings Limited Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thuật (TCBS) Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thuật (TCC)
Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Giám đốc không điều hành - Clean Max Enviro Energy Solutions Private Limited Thành viên Điều hành - Nanhe Kadam - non-profit Society Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến Giám đốc không điều hành - Converge Information and Communications Technology Solutions Inc Giám đốc không điều hành - Circles Asia Cayman Limited
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	Không có

Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2020

HĐQT giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc thông qua quy định phân cấp và các quy định nội bộ của Techcombank do HĐQT ban hành. Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền xem xét và quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo và trình HĐQT xem xét. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ đưa ra các quyết định kịp thời cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

Các thành viên HĐQT đã tích cực tham gia thảo luận, đưa ra quyết sách các vấn đề quan trọng về nhân sự cấp cao trong đó có việc hoàn thành tuyển dụng Tổng Giám đốc mới, Giám đốc các Khối như Khối Quản trị Rủi ro, Khối Quản trị nguồn nhân lực, Khối Tiếp thị, Khối Dữ liệu và phân tích, Văn phòng

Chuyển đổi, Văn phòng Chuyển đổi Ngân hàng số, các vị trí quản lý, các chuyên gia cao cấp về tài chính, ngân hàng, quản trị rủi ro, công nghệ, dữ liệu, số hóa v.v. Ngoài ra, HĐQT tham gia thảo luận và điều chỉnh hoàn thiện lại chính sách thu nhập, lương thưởng, ESOP cạnh tranh, áp dụng trong hệ thống gắn liền với kết quả hoàn thành kế hoạch kinh doanh của ngân hàng, đơn vị, cá nhân cũng như mục tiêu và kết quả phát triển và giá trị dài hạn của ngân hàng, nâng cao phúc lợi cho cán bộ nhân viên ngân hàng.

Trong năm 2020, HĐQT Techcombank tổ chức 04 buổi họp. Nội dung chi tiết về số Nghị quyết và ngày ban hành được nêu chi tiết dưới đây.

Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	04	100%
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất	13/04/2019	04	100%
Ông Nguyễn Thiếu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	04	100%
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	04	100%
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	04	100%
Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	13/04/2019	04	100%
Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	13/04/2019	04	100%
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	13/04/2019	04	100%

ALWAYS

Giới thiệu về Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2020

Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
Số 0308/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1/2020. Xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Xem xét thông qua báo cáo và khuyến nghị của Ban Kiểm soát Quý 1/2020. Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả thực thi chiến lược giai đoạn 2016-2019 và kế hoạch xây dựng và thực thi chiến lược giai đoạn năm 2020-2025. Xem xét và thông qua báo cáo kế hoạch BCP - COVID-19. Xem xét và thông qua việc xây dựng Quy định của Techcombank về tổ chức thực hiện các yêu cầu của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và cổ đông. Xem xét và thông qua báo cáo của Chủ tịch HĐQT về việc dự kiến tuyển dụng Tổng Giám đốc và các vị trí chủ chốt khác trong ngân hàng. Xem xét và thông qua việc thay đổi Thành viên Ủy ban Nhân sự và lương thưởng (NORCO).
Số 0469/2020/NQ-HĐQT	29/5/2020	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 5/2020. Xem xét và thông qua Kế hoạch điều chỉnh năm 2020. Xem xét và thông qua báo cáo về tình hình thực hiện chiến lược và xây dựng chiến lược 2021-2025. Xem xét thông qua báo cáo và khuyến nghị của Ban kiểm soát Quý 2/2020. Xem xét và thông qua nội dung, chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Xem xét và thông qua việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan. Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị về chuyển nhượng một phần công trình Dự án tại số 6, phố Quang Trung (44 Lý Thường Kiệt), phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Thông qua việc xem xét, quyết định ứng viên dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Techcombank.
Số 0788/2020/NQ-HĐQT	18/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh tháng 8/2020. Xem xét và thông qua kết quả rà soát và thực hiện chiến lược 05 năm. Xem xét và thông qua chủ trương, định hướng về kế hoạch kinh doanh năm 2021. Giao Tổng Giám đốc triển khai chi tiết và báo cáo Hội đồng Quản trị thông qua tại kỳ họp tiếp theo vào tháng 12/2020. Xem xét và thông qua việc phê duyệt giao dịch của Techcombank với Người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị Techcombank
1005/2020/NQ-HĐQT	18/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Techcombank. Xem xét và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021. Báo cáo HĐQT thông qua tại kỳ họp tiếp theo để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Xem xét và thông qua chiến lược năm 2021 - 2025 của Techcombank

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

Theo quy định tại Điều lệ của Techcombank đã được Đại hội đồng cổ đông, thành viên HĐQT độc lập ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực hành vi dân sự, đạo đức nghề nghiệp, trình độ và kinh nghiệm chuyên môn theo quy định của pháp luật hiện hành, cần phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:

- 01 Không phải là người đang làm việc cho Techcombank hoặc Công ty con của Techcombank hoặc đã làm việc cho Techcombank hoặc Công ty con của Techcombank trong ba (03) năm liền kể trước đó;
- 02 Không phải là người đang hưởng lương và thù lao, phụ cấp khác của Techcombank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
- 03 Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Techcombank, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank hoặc Công ty con của Techcombank;
- 04 Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% Vốn điều lệ hoặc Vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% Vốn điều lệ hoặc Vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Techcombank;
- 05 Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank tại bất kỳ thời điểm nào trong năm (05) năm liền kể trước đó.

Thành viên HĐQT độc lập của Techcombank tham gia làm Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng theo phân công nhiệm vụ của HĐQT. Trong năm vừa qua, thành viên độc lập không điều hành tham dự đầy đủ và tích cực các phiên họp của HĐQT và các Ủy ban có liên quan.

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ về Quản trị công ty

Các thành viên Hội đồng Quản trị đều đã tham gia các chương trình đào tạo về Quản trị Công ty.

ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)**Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm 2020****Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (ARCO)**

Ủy ban ARCO thực hiện xem xét, tham mưu HĐQT trong việc ban hành Khẩu vị rủi ro (KVRR) năm 2021, trong đó bao gồm Tuyên bố Khẩu vị rủi ro (KVRR), các chỉ số định hướng Khẩu vị rủi ro nhằm hướng đến mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, đồng thời, duy trì vị thế dẫn đầu của Techcombank về tỷ lệ vốn, thanh khoản và các tỷ lệ an toàn. Bên cạnh đó, ngoài việc rà soát, đánh giá các chỉ số định hướng KVRR hiện hành, ARCO cũng tham mưu cho HĐQT ban hành chỉ số RAROC, nhằm đảm bảo tuân thủ TT13/2018/TT-NHNN về hệ thống soát nội bộ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ủy ban ARCO thực hiện tích cực việc giám sát công tác quản trị rủi ro toàn hàng trên cơ sở giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước, giám sát việc thực thi, tuân thủ Chính sách QTRR, Khẩu vị rủi ro. Đối với từng loại rủi ro trọng yếu, ARCO đã thể hiện vai trò giám sát cấp cao về quản trị rủi ro như sau:



- ▶ Đối với rủi ro tín dụng và rủi ro tập trung tín dụng:
 - (i) ARCO chỉ đạo việc đánh giá tác động của dịch COVID-19 đến chất lượng tín dụng và rủi ro tín dụng của Techcombank; tác động của việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi COVID-19; từ đó, đồng hành cùng khách hàng, kết nối với các chính sách của Nhà nước và Chính phủ để có các hành động hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn, và giảm thiểu các tác động của dịch COVID-19 đến Techcombank;
 - (ii) chỉ đạo việc nâng cao tính hiệu quả áp dụng việc phân loại các ngành/lĩnh vực kinh tế/phân khúc/tiểu phân khúc trọng tâm; từ đó, định hướng triển khai việc phân bổ, hoạch định chiến lược kinh doanh song hành cùng định hướng quản trị rủi ro bao gồm cả rủi ro tập trung tín dụng đối với các ngành/lĩnh vực/phân khúc/tiểu phân khúc này;
 - (iii) chú trọng đến công tác hoàn thiện hệ thống báo cáo chất lượng tín dụng thống nhất, xuyên suốt và kết nối hiệu quả toàn ngân hàng.
- ▶ Đối với quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro gian lận: ARCO chỉ đạo và nhấn mạnh đến việc triển khai áp dụng một cách có hiệu quả khung quản trị rủi ro hoạt động vào đời sống, đảm bảo tính chủ động của tất cả các đơn vị chịu trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro hoạt động của ngân hàng. Đồng thời, ARCO chỉ đạo các đơn vị có liên quan xây dựng, chuẩn hóa tiêu chí rủi ro Cao – Thấp – Trung bình nhằm phân loại, đo lường và quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả hơn.



- ▶ Về công tác quản trị rủi ro thanh khoản: ARCO thông qua phương pháp, kịch bản về tiến hành kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch COVID-19 và chỉ đạo việc kiểm tra sức chịu đựng (stress test) về thanh khoản, vốn nhằm phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn, các hành động kịp thời được thực hiện.
- ▶ Về các loại rủi ro trọng yếu khác: ARCO giám sát việc thực thi thông qua việc giám sát các chỉ số Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro định kỳ.

Bên cạnh đó, ARCO đã xem xét, tham mưu cho HĐQT ban hành Khung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (ICAAP) nhằm tuân thủ yêu cầu của Thông tư 13/2020/TT-NHNN và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, quản trị an toàn vốn tại Techcombank. Đây là minh chứng cho khả năng áp dụng các công cụ đo lường, giảm thiểu rủi ro tiêu chuẩn quốc tế trong thời gian qua.

Để phù hợp với các thay đổi quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng Nhà nước, theo đó, chức năng liên quan đến kiểm toán được tách ra độc lập với hoạt động quản trị và thuộc chức năng của Ban Kiểm soát của Ngân hàng và vì vậy, tháng 3/2021, HĐQT đã có Nghị quyết điều chỉnh tên gọi và chức năng của Ủy ban Kiểm toán và rủi ro (ARCO) thành "Ủy ban Quản lý rủi ro (BRC)".

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro

Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch HĐQT

Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro

Ông Nguyễn Đăng Quang - Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất
 Ông Nguyễn Thiều Quang - Phó Chủ tịch HĐQT
 Ông Nguyễn Cảnh Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT
 Ông. Đỗ Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT
 Ông Lee Boon Huat - Thành viên HĐQT
 Ông Saurabh Narayan Agarwal - Thành viên HĐQT
 Ông Nguyễn Nhân Nghĩa - thành viên HĐQT độc lập

ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (NORCO)

Trong năm 2020, các thành viên Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng NORCO đã chủ động nghiên cứu, tham mưu tư vấn và đề xuất cho Hội đồng Quản trị các vấn đề liên quan đến nhân sự, tuyển dụng, thu hút và giữ chân nhân tài, chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ nhằm thực hiện các mục tiêu hàng năm của ngân hàng đã được đề ra đồng thời hướng tới thực hiện thành công chiến lược **Nhân sự xuất sắc**.

Về Tuyển dụng, thu hút nhân tài

Các thành viên NORCO hỗ trợ trong việc tư vấn kiện toàn bộ máy nhân sự điều hành chủ chốt của ngân hàng: hoàn thành kế hoạch tuyển dụng cho các vị trí cao cấp, nhằm đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện chiến lược mới 2021-2025.

Về Phát triển, giữ chân nhân tài

Các thành viên NORCO tiếp tục tham mưu các chương trình xây dựng và phát triển lực lượng kế cận, các phân khúc tài năng lõi cốt của ngân hàng. Trong năm 2020, các thành viên NORCO đã hỗ trợ tư vấn để hoàn thành việc xây dựng Khung năng lực lãnh đạo cho toàn ngân hàng nhằm thống nhất một (01) tiêu chuẩn Năng lực Lãnh đạo với tiêu chuẩn hành vi kỳ vọng trong tất cả quy trình nhân sự toàn hàng, xây dựng nguồn nhân lực xuất sắc nhằm hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, củng cố văn hóa hiệu suất cao trong tổ chức và phát triển bền vững.



Về Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Các thành viên NORCO tiếp tục nghiên cứu, tư vấn các chính sách lương, thưởng, phúc lợi trên cơ sở tham khảo thị trường nhằm đảm bảo mặt bằng lương thưởng đạt mức cạnh tranh so với thị trường, các chương trình phúc lợi hướng đến việc chăm lo toàn diện cho các nhu cầu thiết yếu của cán bộ nhân viên. Từ đó, cán bộ nhân viên an tâm cống hiến cho ngân hàng, liên tục hoàn thiện để phát triển bản thân nhằm gặt hái những kết quả vượt trội cho bản thân cán bộ nhân viên và Ngân hàng.

Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (NORCO)

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa - Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng

Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch HĐQT (Phó Chủ tịch NORCO)

Ông Nguyễn Đăng Quang - Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất

Ông Nguyễn Cảnh Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Đỗ Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Jens Lottner - Tổng Giám đốc

Bà Dang Nikki MyQuyen - Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)

Giới thiệu về Ban Kiểm soát

03
thành viên02
thành viên
chuyên trách01
thành viên
kiêm nhiệm

Ông Hoàng Huy Trung
Trưởng Ban Kiểm soát
kiêm thành viên chuyên trách

Ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Techcombank. Từ tháng 12/2012 đến nay, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng Ban kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Techcombank.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán tại Học Viện Tài chính.

Giới thiệu về Ban Kiểm soát



Bà Bùi Thị Hồng Mai
Thành viên chuyên trách

Bà Bùi Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ tháng 04/2010 đến 04/2019, bà là thành viên Ban Kiểm soát Techcombank. Từ 13/04/2019 đến nay, bà là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Techcombank.

Bà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán.



Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes
Thành viên

Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4/2012 đến nay, Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên Ban Kiểm soát Techcombank.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng và Tiếp thị tại Đại học Klagenfurt, Cộng Hòa Áo.

ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)

Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Lãnh đạo và cổ đông

- ▶ Giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật và Điều lệ ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành ngân hàng;
- ▶ Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với hệ thống ngân hàng và các công ty con, bao gồm xem xét hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- ▶ Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ngân hàng;
- ▶ Thực hiện việc kiểm tra, giám sát (nếu có) theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hoặc của cổ đông/nhóm cổ đông lớn theo quy định pháp luật, Điều lệ ngân hàng.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- ▶ Căn cứ kết quả kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ đã kịp thời thông báo, làm việc với Ban Lãnh đạo Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để có các quyết định, chỉ đạo nhằm ngăn ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý dứt điểm các tồn tại trong hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, quy trình, sản phẩm, quản trị rủi ro trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.
- ▶ Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo đã tích cực khắc phục các tồn tại theo kiến nghị của Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ; đồng thời, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

Ban Kiểm soát Techcombank nhiệm kỳ 2019 – 2024, gồm 03 thành viên; trong đó, có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm. Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2020 như sau:

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Họ & Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	13/04/2019	04	100%
Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	13/04/2019	04	100%
Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	13/04/2019	04	100%

Kết quả của các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Số văn bản/NQ	Ngày ban hành	Nội dung chính
01/2020/NQBKS	23/3/2020	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Xem xét và thông qua báo cáo của Trưởng KTNB về kết quả hoạt động Quý I/2020, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, hoạt động cấp tín dụng với người có liên quan; Kết quả thẩm định BCTC năm 2019 đã được EY dự thảo báo cáo kiểm toán. ▶ Bổ sung kiến nghị với HĐQT, TGD về việc xem xét đánh giá rủi ro và phương án ứng phó do ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với một số nhóm khách hàng và TSDB tương ứng. ▶ Xem xét và thông qua báo cáo của BKS và tài liệu liên quan tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
02/2020/NQBKS	18/6/2020	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Xem xét và thông qua báo cáo của Trưởng Kiểm toán nội bộ về kết quả hoạt động Quý II/2020, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, hoạt động cấp tín dụng với người có liên quan. ▶ Xem xét thông qua việc giao Trưởng BKS chủ động chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, sửa đổi kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2020 (nếu cần).
03/2020/NQBKS	15/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Xem xét và thông qua báo cáo của Trưởng Kiểm toán nội bộ về: kết quả hoạt động Kiểm toán nội bộ trong Quý III/2020; các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng; kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT. ▶ Xem xét thông qua về việc Kiểm toán nội bộ triển khai xây dựng kế hoạch kiểm toán 2021 và gửi báo cáo BKS xem xét phê duyệt trước thời điểm 15/12/2020. ▶ Chỉ đạo Kiểm toán nội bộ tiếp tục chủ động giám sát, đôn đốc các đơn vị chức năng trong việc khắc phục dứt điểm các tồn tại theo kết luận và kiến nghị của Kiểm toán nội bộ.
04/2020/NQBKS	15/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Xem xét và thông qua báo cáo của Trưởng Kiểm toán nội bộ về: Kết quả hoạt động Kiểm toán nội bộ trong Quý IV/2020; các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng; kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT. ▶ Xem xét và thông qua kết quả đánh giá hoạt động của Kiểm toán nội bộ năm 2020 và kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021. ▶ Thông qua việc giao Kiểm toán nội bộ nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện hoạt động giám sát từ xa.

Hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ trong năm đã góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, quy trình, sản phẩm, quản trị rủi ro trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.

ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)**Giới thiệu Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Techcombank quy tụ các lãnh đạo có kinh nghiệm dày dặn và năng lực vượt trội để dẫn dắt việc thực thi hiệu quả các mục tiêu chiến lược trên hành trình chuyển đổi mạnh mẽ của ngân hàng trong giai đoạn 2021-2025.

**Ông Jens Lottner**
Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Lottner được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Techcombank vào ngày 18 tháng 8 năm 2020. Trước khi gia nhập Techcombank, Tiến sĩ Lottner là Phó Chủ tịch điều hành cấp cao tại Ngân hàng Thương mại Siam (Thái Lan) trong 5 năm. Trong nhiệm kỳ của mình tại Siam, ông đảm nhận các vị trí điều hành chủ chốt như Giám đốc Chiến lược, Giám đốc Chuyển đổi và Giám đốc Dữ liệu - thiết kế và điều phối chương trình chuyển đổi kỹ thuật số của ngân hàng hướng tới khách hàng là trọng tâm. Cương vị gần nhất mà ông nắm giữ tại Ngân hàng Thương mại Siam là Giám đốc Tài chính.

Tiến sĩ Lottner bắt đầu sự nghiệp của mình với Công ty McKinsey & Company vào năm 1992 tại

Đức, nơi ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Hợp danh (Partner) năm 2000. Ông chuyển đến làm việc tại Malaysia vào năm 2001 và Singapore vào năm 2005, nơi ông là Giám đốc Hợp danh Cấp cao (Senior Partner) dẫn dắt hoạt động dịch vụ tài chính của McKinsey tại khu vực ASEAN cho đến năm 2012. Ông đồng thời lãnh đạo Hiệp hội Quản lý Rủi ro Châu Á Thái Bình Dương và là thành viên của Ủy ban Quản lý Châu Á Thái Bình Dương. Từ năm 2012 đến năm 2015, Tiến sĩ Lottner là Giám đốc Hợp danh cấp cao và Giám đốc Điều hành của Tập đoàn Boston Consulting Group tại Singapore, lãnh đạo các hoạt động dịch vụ tài chính trên toàn bộ khu vực ASEAN.

Tiến sĩ Lottner có bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Công nghệ Dresden, Đức, và bằng Kinh tế của Đại học Bonn, Đức.

Giới thiệu Ban Lãnh đạo**Ông Phùng Quang Hưng**
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Phùng Quang Hưng có nhiều năm kinh nghiệm lãnh đạo trong ngành tài chính ngân hàng, ông từng giữ nhiều vị trí khác nhau ở nhiều ngân hàng quốc tế như Giám đốc Vận Hành và Công nghệ tại Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam; Business Partner tại Ngân hàng National Australia London. Ông Phùng Quang Hưng gia nhập Techcombank từ tháng 9/2010 ở vị trí Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ, sau đó được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính và Dịch vụ Khách hàng (CSA), Giám đốc Điều hành và Phó Tổng Giám đốc thường trực.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Kinh tế quốc tế của Đại học Washington State (Hoa Kỳ) và bằng Cử nhân ngành CNTT tại Đại học Bách Khoa (Việt Nam)

**Ông Phan Thanh Sơn**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch toàn cầu

Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc & Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu kể từ tháng 08/2019. Trước đó, ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 1/2011. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong thị trường tài chính và đóng vai trò quan trọng trong phát triển thị trường trái phiếu trong nước. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Tiên Phong giữ nhiều chức vụ về Quản lý Thị trường Toàn cầu tại các ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Citibank Việt Nam, Citigroup Global Markets Ltd. Hongkong.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Kinh tế tại Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam)



ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)**Giới thiệu Ban Lãnh đạo****Ông Siva R. Krishnan**

Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10/01/2021) kiêm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Ông Siva có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng khu vực và quốc tế cũng như các công ty giải pháp công nghệ thanh toán. Kinh nghiệm của ông đa dạng và trải dài trong các lĩnh vực gồm chiến lược kinh doanh, chuyển đổi, quản trị rủi ro, khoa học dữ liệu và phát triển sản phẩm. Trước khi gia nhập Techcombank, Ông là Phó Chủ tịch Điều hành (mảng Quản trị rủi ro ngân hàng bán lẻ & doanh nghiệp) kiêm Giám đốc Phân tích rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Siam, Thái Lan. Trước đó, ông Siva là Phó Tổng Giám đốc và Phó Giám đốc điều hành (Quản lý rủi ro & Cơ sở hạ tầng kinh doanh, Bán lẻ & SME) của Scotia Bank và đóng vai trò chủ chốt trong việc sát nhập và tích hợp các ngân hàng liên kết như Thanachart Bank, Siam City Bank. Ông Siva được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 10/01/2021.

Ông Siva tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Thương mại tại Đại học Madras, Ấn Độ. Ông còn là Thành viên của Hiệp hội Kế toán quản trị & chi phí, Ấn Độ và thành viên liên kết của Học viện Ngân hàng Ấn độ. Ngoài ra, ông còn có chứng chỉ tài chính của Chartered Financial Analysts.

Ông Phạm Quang Thắng

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng

Ông Phạm Quang Thắng đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ lãnh đạo tại Techcombank như Kế toán trưởng Ngân hàng; Giám đốc Trung tâm Quản lý nguồn vốn; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán tài chính, Kế hoạch và chiến lược, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng và Giám đốc Khối Tuân thủ và Pháp chế. Hiện tại, ông Phạm Quang Thắng giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng từ ngày 02/04/2020.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Kế toán Quốc tế tại Đại học Công nghệ Swinburne (Úc)

**Giới thiệu Ban Lãnh đạo****Ông Trịnh Bằng**

Giám đốc Tài chính Tập đoàn kiêm Giám đốc Khối Chiến lược & Phát triển Ngân hàng (từ ngày 01/02/2021)

Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính Tập đoàn từ tháng 01/2018. Ông có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng toàn cầu với vai trò lãnh đạo cấp cao tại các tập đoàn lớn, đặc biệt trong đó bao gồm 18 năm tại Morgan Stanley (New York & Singapore) và gần đây nhất là Cố vấn cao cấp và Giám Đốc điều hành toàn Việt Nam và Philippines. Ngày 01/02/2021, ông Trịnh Bằng được bổ nhiệm kiêm nhiệm vai trò Giám đốc Khối Chiến lược & Phát triển Ngân hàng.

Ông Trịnh Bằng tốt nghiệp Cử nhân ngành Kỹ sư hệ thống, Đại học Virginia (Mỹ).

**Bà Phan Thị Thanh Bình**

Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn

Bà Phan Thị Thanh Bình được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn từ tháng 7/2017. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng ANZ, trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính của ANZ và Quyền Tổng Giám đốc của ANZ (Việt Nam), thành viên Hội đồng Quản trị của ANZ (Việt Nam, Campuchia, và Lào) và Chủ tịch HĐQT của ANZ (Lào).

Bà tốt nghiệp Thạc sỹ tại Trường Đại học Libre de Bruxelles (Bi).



ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)

Giới thiệu Ban Lãnh đạo

**Bà Dang Nikki My Quyên****Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực**

Bà Nikki đã có 29 năm kinh nghiệm làm việc trong môi trường quốc tế và chuyên môn sâu rộng trong lĩnh vực ngân hàng, bất động sản, quản trị nguồn nhân lực. Bà cũng đã đảm nhiệm rất nhiều vị trí cấp cao tại các tổ chức lớn như Giám đốc Vận hành tại Ngân hàng America, Giám đốc Nhân sự tại Sàn giao dịch Tín dụng Quốc gia, Chuyên gia nghiên cứu và tuyển dụng tại Tổng Công ty Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang (FDIC), Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Nhân sự tại Ngân hàng California. Gần đây nhất, bà giữ vị trí Phó Chủ tịch điều hành kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực tại Ngân hàng Hanmi, Mỹ.

Bà Nikki tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học bang California, Fullerton, Mỹ.

Ông Đặng Công Hoàn**Phó Giám đốc Phụ trách, kiêm Giám đốc Phát triển Giải pháp Đầu tư, Khối Ngân hàng Bán lẻ**

Ông Đặng Công Hoàn bắt đầu gia nhập Techcombank từ năm 2001. Trong hơn 19 năm làm việc, ông đã đảm nhiệm rất nhiều vị trí khác nhau, trong đó có 05 năm làm việc tại Khối Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cá nhân (Khối Ngân hàng Bán lẻ) với các vai trò là Giám đốc Kinh doanh Thẻ, Giám đốc Phát triển sản phẩm Bán lẻ và Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cá nhân (Khối Ngân hàng Bán lẻ). Ông Hoàn được đánh giá là một nhân sự nòng cốt của Ngân hàng có bề dày kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng bán lẻ, am hiểu hệ thống, am hiểu khách hàng và sản phẩm cùng với tinh thần làm việc luôn tận tâm, trách nhiệm và nhiệt huyết.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ tại Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội

Giới thiệu Ban Lãnh đạo

**Ông Kyle Timothy Justin****Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi**

Ông Timothy đã có 18 năm kinh nghiệm là lãnh đạo chuyển đổi cấp cao tại các tổ chức dịch vụ tài chính hàng đầu, tập trung tại thị trường Châu Á. Trước khi gia nhập Techcombank, ông đảm nhiệm chức vụ Giám đốc khu vực chuyên phụ trách mảng Hành trình khách hàng ở Prudential Châu Á. Tại đây, ông chịu trách nhiệm thúc đẩy sự chuyển đổi cho 10 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ của Tập đoàn Prudential Châu Á với trọng tâm chính là chuyển đổi và tự động hóa toàn bộ hành trình của khách hàng, tận dụng trí tuệ nhân tạo và quản lý hoạt động kỹ thuật số với hiệu suất cao. Ông cũng thiết kế, xây dựng và lãnh đạo Trung tâm xuất sắc về Tự động hóa Quy trình Thông minh cũng như phát triển phương pháp chuyển đổi kết hợp thiết kế lấy con người làm trung tâm với tinh gọn và áp dụng agile qua Google Design Sprint để giải quyết vấn đề. Trước khi công tác tại Prudential Châu Á, ông Timothy từng giữ một số vị trí lãnh đạo như Giám đốc Điều hành, Giám đốc Vận hành xuất sắc và Hỗ trợ phân tích kinh doanh của Ngân hàng DBS; Giám đốc mảng Tái cấu trúc, nhóm Ngân hàng Tiêu dùng của Ngân hàng Standard Chartered.

Ông Timothy tốt nghiệp Thạc sĩ về Khoa Học, Vận hành tinh gọn từ Trường Kinh doanh Cardiff, Anh Quốc.

Bà Trần Thị Minh Lan**Giám đốc Khối Chiến lược & Phát triển ngân hàng kiêm Giám đốc Nội chính (đến ngày 01/02/2021)**

Bà Minh Lan được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng từ tháng 8/2017. Trước đó, bà từng giữ vị trí Phó Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng, Giám đốc Chương trình chuyển đổi tại Techcombank từ tháng 12/2015, chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược cho toàn ngân hàng. Bà có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chiến lược ngân hàng và quản trị rủi ro và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Techcombank như Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Từ ngày 01/02/2021, bà Minh Lan được bổ nhiệm vị trí Trợ lý Cao cấp Chủ tịch HĐQT, tập trung tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị về chiến lược, quản trị doanh nghiệp, đồng thời là cầu nối giữa Hội đồng Quản trị và Hội đồng Điều hành của Techcombank trong việc thực thi chiến lược 2021 – 2025 của ngân hàng

Bà tốt nghiệp chương trình Phát triển tài năng lãnh đạo tại Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania (Mỹ), tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý Tài chính Kế toán tại Đại học Berlin (Đức).



ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)

Giới thiệu Ban Lãnh đạo

**Ông Santhosh Mahendiran****Giám đốc Khối Dữ liệu & Phân tích**

Ông Santhosh có hơn 20 năm kinh nghiệm tầm cỡ quốc tế với trọng tâm về dữ liệu và số hóa. Ông gia nhập Techcombank với kinh nghiệm lãnh đạo sâu sắc trong lĩnh vực Công nghệ, Quản trị và Phân tích Dữ liệu. Gần đây nhất, ông làm việc tại Ngân hàng Standard Chartered, Singapore, vị trí Giám đốc Điều hành và Giám đốc Toàn cầu, nền tảng công nghệ số. Trước đó, ông từng là Giám đốc toàn cầu hỗ trợ phân tích, kiêm quản lý dữ liệu doanh nghiệp, chịu trách nhiệm về chiến lược, thiết kế, phát triển và triển khai nền tảng EDM (Quản lý dữ liệu doanh nghiệp). Trước khi gia nhập Standard Chartered Bank, ông Santhosh cũng giữ nhiều vai trò lãnh đạo cao cấp ở Citibank Singapore. Ông đã đảm nhận vị trí Phó Chủ tịch, chịu trách nhiệm thực hiện và triển khai kho dữ liệu tại 15 quốc gia. Ông cũng từng dẫn dắt nhóm phát triển tiên phong về hệ thống onboarding khách hàng bằng màn hình cảm ứng đầu tiên trên thế giới cho Citibank, Nhật Bản.

Ông Santhosh có hai bằng Thạc sỹ về Ứng dụng máy tính và Kỹ thuật phần mềm tại Đại học Madurai Kamaraj, Ấn Độ.

Ông Nguyễn Xuân Minh**Giám đốc Ngân hàng Đầu tư**

Ông được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc Ngân hàng Đầu tư – Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương từ tháng 10/2013. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và quản lý quỹ. Ông từng là Tổng Giám đốc của Vietnam Asset Management Ltd. và Phó Chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investments tại Singapore.

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và đầu tư (Úc) và Thạc sỹ Kỹ thuật dầu khí (Liên Bang Nga) và có chứng chỉ CFA.



Giới thiệu Ban Lãnh đạo

**Ông Chu Hồng Ngọc****Giám đốc Khối Vận hành**

Ông Ngọc từng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng và Quản trị dự án. Ông từng lãnh đạo, quản lý và đảm bảo ngân hàng có các biện pháp kiểm soát hoạt động, thủ tục hành chính và báo cáo phù hợp nhằm phát triển tổ chức một cách hiệu quả, đảm bảo chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Kỹ sư giám sát kỹ thuật tại Văn phòng đại diện của Công ty Oconnor's Singapore, Giám đốc dự án và quyền Giám đốc Kỹ thuật ở Công ty Millicom, Giám đốc dự án tại VPBank thuộc Văn phòng HĐQT. Gần đây nhất, trên cương vị Giám đốc Khối Vận hành tại Ngân hàng VPBank, ông đã thực hiện một số dự án lớn trên toàn ngân hàng giúp giảm thời gian phục vụ khách hàng, góp phần giảm chi phí chi phí trên thu nhập cũng như thiết lập nền tảng số hóa và tự động hóa nhiều quy trình hoạt động, góp phần tăng hiệu suất vượt trội được công nhận bởi các đơn vị kinh doanh.

Ông tốt nghiệp bằng danh dự chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông tại Đại học South Australia (Úc).

Ông Pranav Seth**Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi Ngân hàng số**

Ông Pranav Seth được bổ nhiệm vai trò Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi Ngân hàng số kể từ ngày 13/01/2021. Ông Pranav đã có hơn 18 năm kinh nghiệm là nhà lãnh đạo tài chính và chuyển đổi doanh nghiệp với thành tích đã được chứng minh trong việc xây dựng doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi tổ chức và kinh doanh trên quy mô lớn. Gần đây nhất, Ông Pranav làm việc tại Ngân hàng OCBC Singapore với vị trí Phó Chủ tịch cấp cao kiêm Giám đốc Kỹ thuật số và Đổi mới, chịu trách nhiệm cho các thách thức đổi mới của OCBC, "FRANK by OCBC", lãnh đạo nhóm đổi mới của OCBC, "The Open Vault" thúc đẩy công nghệ Fintech và hệ sinh thái các đối tác, dẫn dắt đơn vị kinh doanh kỹ thuật số và chuyển đổi của Ngân hàng tiêu dùng OCBC. Ông đóng vai trò quan trọng trong ban lãnh đạo ngân hàng tiêu dùng và là thành viên chính của Hội đồng Chuyển đổi kỹ thuật số của OCBC. Trước khi gia nhập Ngân hàng OCBC, Ông Pranav đảm nhiệm vị trí Giám đốc Phát triển Kinh doanh nơi ông giúp các khách hàng là các tổ chức dịch vụ tài chính và ngân hàng trong xây dựng và triển khai chiến lược, chuyển đổi kinh doanh trên quy mô lớn.

Ông Pranav tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính và Chiến lược từ Trường Quản lý UCLA Anderson (Los Angeles), bằng Kỹ sư tại Đại học Delhi và hoàn thành chương trình Đào tạo Cấp cao về Chiến lược và Tổ chức tại trường Kinh Doanh Stanford (Mỹ).



ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)**Giới thiệu Ban Lãnh đạo****Ông Vishal Shah****Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp**

Ông Vishal Shah được bổ nhiệm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp từ tháng 8/2018. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các tổ chức hàng đầu với kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực ngân hàng thương mại, ngân hàng bán lẻ và dịch vụ tư vấn tài chính. Ông đã từng nắm giữ các vị trí quản lý chủ chốt tại Standard Chartered Bank (Singapore, Ấn Độ và các Tiểu Vương quốc Ả rập). Ông cũng từng nắm giữ các vị trí tư vấn tại Ernst & Young và KPMG.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Thương mại tại trường Thương mại và Kinh tế HR, Đại học Mumbai (Ấn Độ). Ông có chứng chỉ ACA và tốt nghiệp Viện kiểm toán chi phí và công trình (ICWA)

Bà Thái Minh Diễm Tú**Giám đốc Khối Tiếp thị**

Bà Thái Minh Diễm Tú là nhà quản trị kinh doanh và quản lý tiếp thị dày dặn kinh nghiệm với hơn 20 năm làm việc tại các công ty đa quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực ngành hàng Tiêu dùng nhanh tại Việt Nam. Trước khi gia nhập Techcombank, bà đã đảm nhận nhiều vị trí điều hành cấp cao, trong đó, có 10 năm kinh nghiệm làm việc tại FrieslandCampina và đạt đến cương vị Giám đốc Việt Nam, ngành hàng Dinh dưỡng Chuyên biệt, trực thuộc Ban Lãnh đạo Tập đoàn Toàn cầu. Dưới sự lãnh đạo của bà, nhãn hàng Friso đã đạt được những thành công kinh doanh vững chắc, tăng trưởng lợi nhuận bền vững và đạt những cột mốc chuyển đổi quan trọng trong việc củng cố sức khỏe thương hiệu, đưa Friso trở thành thương hiệu số một về Sữa bột trẻ em cao cấp. Trước đó, bà Tú đã có 8 năm làm việc tại Unilever Việt Nam với vai trò cao nhất là Giám đốc Khối Kinh doanh của nhiều ngành hàng thuộc tập đoàn. Bà có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học California Irvine (UCI), tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý Kinh doanh tại Đại học Ngoại ngữ và Công nghệ Thông tin TP.HCM.

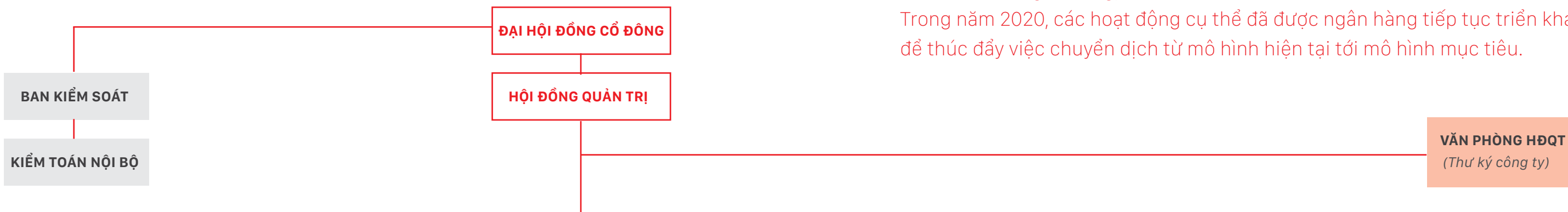
Giới thiệu Ban Lãnh đạo**Ông Nguyễn Anh Tuấn****Giám đốc Khối Công nghệ**

Ông Tuấn có hơn 24 năm kinh nghiệm về Công nghệ Thông tin và Quản lý. Ông Tuấn đã từng giữ đảm nhiệm vị trí Giám đốc Công nghệ Thông tin của Bộ phận Bồi thường Bảo hiểm của Công ty Traversers Insurance, Giám đốc Phát triển sản phẩm toàn cầu và Giám đốc Công nghệ Thông tin tại Công ty Fintech Finastra, Giám đốc Công nghệ Thông tin tại Công ty Las Vegas Sands, Công ty Wolters Kluwer và Công ty General Electric.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Khoa học Máy tính, Cử nhân về Khoa học Máy tính tại Đại học Virginia Commonwealth, Hoa Kỳ. Ông tiếp tục hoàn thành chứng chỉ Thạc sĩ nâng cao tại Đại học George Washington, Hoa Kỳ. Ông cũng là một chuyên gia Quản lý Dự án (PMP) được chứng nhận từ PMI.

ALWAYS

Mô hình Quản trị - Điều hành mục tiêu của Techcombank đến năm 2023



ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO	ỦY BAN XỬ LÝ RỦI RO	ỦY BAN NHÂN SỰ	ỦY BAN KIỂM TOÁN	ỦY BAN LƯƠNG THƯỜNG	ỦY BAN CHIẾN LƯỢC
<p>Có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham mưu HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách liên quan tới quản lý rủi ro trong các hoạt động của ngân hàng. Xem xét, đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của các quy trình chính sách này và đề xuất khuyến nghị HĐQT thay đổi. Phân tích, đưa ra cảnh báo về mức độ an toàn của Techcombank trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa. Tham mưu cho HĐQT trong các quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng. 	<p>Ủy ban Xử lý rủi ro có chức năng hỗ trợ HĐQT trong các vấn đề liên quan tới việc phân loại nợ, trích lập dự phòng, các biện pháp, phương án sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.</p>	<p>Có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của ngân hàng Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Người điều hành theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng đồng thời đảm bảo đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí về kỹ năng, kinh nghiệm, chuyên môn cần thiết. 	<p>Ủy ban Kiểm toán có chức năng tham mưu HĐQT và định hướng, giám sát Tổng Giám đốc/Ban Lãnh đạo trong các vấn đề liên quan tới lập và kiểm soát báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và các chính sách về kế toán, kiểm toán độc lập.</p>	<p>Ủy ban Lương thưởng có chức năng tham mưu HĐQT về các vấn đề liên quan đến chính sách lương thưởng, thù lao, đãi ngộ cho thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các vị trí quản lý cao cấp khác, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống thù lao, lương thưởng và các chương trình đãi ngộ cho cán bộ nhân viên.</p>	<p>Có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng, giám sát việc triển khai thực thi chiến lược, định hướng phát triển của Techcombank, các vấn đề liên quan đến Chương trình Chuyển đổi của ngân hàng, Tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt mục tiêu kinh doanh, ngân sách thường niên và các hoạt động đầu tư lớn của Techcombank.

Hiện tại, Techcombank đang tiếp tục triển khai các công việc cần thiết để đưa mô hình trên vào ứng dụng thực tiễn trong hoạt động Quản trị - Điều hành của ngân hàng.



- Ủy ban trực thuộc cấp Quản trị do HĐQT thành lập để đáp ứng yêu cầu quy định pháp lý
- Ủy ban trực thuộc cấp Quản trị do HĐQT thành lập

HĐQT Techcombank đã thông qua định hướng về mô hình Quản trị Điều hành mục tiêu của ngân hàng, hoạch định cụ thể lộ trình triển khai tới năm 2023. Trong năm 2020, các hoạt động cụ thể đã được ngân hàng tiếp tục triển khai để thúc đẩy việc chuyển dịch từ mô hình hiện tại tới mô hình mục tiêu.

ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát & Người điều hành****Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Techcombank của các cổ đông là người nội bộ tại ngày 31/12/2020**

STT	Họ tên	Chức vụ tại Techcombank	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Hội đồng Quản trị				
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	39.309.579	1,1216%
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	9.403.176	0,2683%
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	30.256.431	0,8633%
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	17.954.979	0,5123%
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.287.542	0,0367%
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	0	0,0000%
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	0	0,0000%
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	259.963	0,0074%
Ban Kiểm soát				
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	57.504	0,0016%
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	48	0,0000%
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	0	0,0000%
Người điều hành¹				
1	Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc	439.000	0,0125%
2	Ông Phùng Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.127.867	0,0322%
3	Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc	975.222	0,0278%
4	Ông Phan Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	2.231.873	0,0637%
5	Ông Trịnh Bằng	Giám đốc Tài chính Tập đoàn	6.000.000	0,1712%
6	Bà Thái Hà Linh	Người được Ủy quyền Công bố thông tin	1.012.464	0,0289%
7	Bà Bùi Thị Khánh Vân	Kế Toán trưởng	18.845	0,0005%

1. Danh sách Người điều hành căn cứ theo định nghĩa quy định tại Luật các TCTD năm 2010 và bản sửa đổi năm 2017

Thông tin về giao dịch cổ phiếu TCB của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Trong năm 2020, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu TCB của cổ đông là người nội bộ như sau:

	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	8	1.203.182
Bán	1	300.000
Tổng	9	1.503.182

Trong năm 2020, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu TCB của cổ đông là người liên quan của người nội bộ như sau:

	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	5	761.100
Bán	2	45.100
Tổng	7	806.200

Thông tin chi tiết về từng giao dịch được công bố đầy đủ trên trang website của Techcombank:

<https://www.techcombank.com.vn/nha-dau-tu/thong-tin-tai-chinh>

Lương thưởng, thù lao, các lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc**Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024**

STT	Họ tên	Chức vụ tại Techcombank	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	

Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 – Phần thuyết minh “Giao dịch với các bên liên quan”.

ALWAYS

Quản trị Ngân hàng (Tiếp theo)

Lương thưởng, thù lao, các lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của BKS nhiệm kỳ 2019-2024

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 – Phần thuyết minh “Giao dịch với các bên liên quan”
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên BKS chuyên trách	
3	Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 – Phần thuyết minh “Giao dịch với các bên liên quan”

Hợp đồng hoặc các giao dịch với cổ đông là người nội bộ

Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 – Phần thuyết minh “Giao dịch với các bên liên quan”.

Báo cáo về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2020, Techcombank giữ vững việc tuân thủ thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về quản trị công ty của các cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành trước và trong năm 2020, trong đó bao gồm:

- ▶ **Thông tư số 155/2015/TT-BTC** về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- ▶ **Nghị định 71/2017/NĐ-CP** về Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- ▶ **Thông tư 95/2017/TT-BTC** Hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- ▶ **Thông tư số 13/2018/TT-NHNN** về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và các quy định liên quan khác.
- ▶ **Thông tư 22/2019/TT-NHNN** Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- ▶ **Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất** ban hành tháng 8/2019 bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC.

Đồng thời, Ngân hàng thường xuyên cập nhật, nghiên cứu và có kế hoạch điều chỉnh nhằm phù hợp với quy định và hướng dẫn mới về Quản trị Điều hành có hiệu lực trong năm tiếp theo. Một số văn bản pháp luật kể đến như:

- ▶ **Luật Chứng khoán 54/2019/QH14**, hiệu lực từ ngày 1/1/2021.
- ▶ **Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14**, hiệu lực từ ngày 1/1/2021.
- ▶ **Thông tư số 96/2020/TT-BTC** về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, hiệu lực từ ngày 1/1/2021.
- ▶ **Nghị định số 155/2020/NĐ-CP** hướng dẫn Luật Chứng khoán sửa đổi.

Trong năm 2020, Techcombank giữ vững việc tuân thủ thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về quản trị công ty của các cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành trước và trong năm 2020

Ngân hàng đã thực hiện các hoạt động về việc điều chỉnh văn bản nội bộ, trình ĐHĐCĐ thông qua về việc sửa đổi Điều lệ Ngân hàng và một số văn bản quản trị nội bộ, qua đó đã đáp ứng tốt hơn các yêu cầu nghiêm ngặt về giám sát của quản lý cấp cao, yêu cầu về quản lý công ty và các định nghĩa theo sự thay đổi của các văn bản pháp luật có hiệu lực trong năm tiếp theo.

Trong cơ cấu Quản trị điều hành của ngân hàng, các Ủy ban và Hội đồng ở cả cấp Quản trị và cấp Điều hành tiếp tục thực hiện tốt vai trò trách nhiệm được quy định, giúp Hội đồng Quản trị cũng như Tổng Giám đốc trong việc giám sát, điều hành ngân hàng hoạt động hàng ngày và tham mưu những vấn đề quan trọng và dài hạn của tổ chức. Cơ chế hoạt động của các Ủy ban và Hội đồng ngày càng phù hợp hơn với nội tại và sự chuyển đổi của ngân hàng, điều này đã giúp các cấp lãnh đạo ngân hàng tăng cường tính hiệu quả trong cơ chế ra quyết định và thận trọng xem xét, rà soát các yếu tố rủi ro trong quá trình hoạt động và kinh doanh.

ALWAYS

Quản trị Rủi ro

Năm 2020 là một năm khó khăn cho các nền kinh tế trên toàn thế giới. Trong bối cảnh dịch COVID-19 hoành hành, các nền kinh tế lớn suy thoái, các tập đoàn quốc tế bị phá sản, tác động tiêu cực tới nền kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó, các hãng hàng không bị đình trệ, hoạt động du lịch, dịch vụ bị đóng băng ảnh hưởng không nhỏ đến các mục tiêu đã đặt ra của ngân hàng. Vượt lên khó khăn, Techcombank đã tích cực triển khai nhiều giải pháp, sáng kiến đặc biệt tập trung vào sử dụng công nghệ, kỹ thuật số trong hoạt động quản trị rủi ro nhằm tạo ra các đột phá, góp phần vào việc đạt được các mục tiêu về tăng trưởng cũng như đưa ngân hàng trở thành Ngân hàng kỹ thuật số hàng đầu Việt Nam.



Triển khai thành công đánh giá nội bộ mức đủ vốn (ICAAP)

Tiếp nối thành công trong năm 2019 sau khi được NHNN chấp thuận cho áp dụng sớm tiêu chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN, năm 2020 Techcombank đã tiếp tục triển khai và hoàn thiện đánh giá nội bộ mức đủ vốn (ICAAP) theo thông tư 13/2018/TT-NHNN, đánh dấu việc đáp ứng cả 3 trụ cột của Basel II.

Trong năm 2020, Techcombank tiếp tục triển khai các nội dung nhằm cải tiến và đẩy mạnh việc áp dụng các mô hình, công cụ đo lường và quản lý rủi ro trên nền tảng mô hình dữ liệu chuẩn, số hóa, nâng cao chất lượng báo cáo rủi ro trên toàn hệ thống bằng việc triển khai dự án nền tảng dữ liệu và phân tích rủi ro (RDAAP).

Trong lĩnh vực quản trị rủi ro tín dụng, với mục tiêu lấy khách hàng là trọng tâm, tăng cường trải nghiệm của khách hàng với các dịch vụ, giải pháp tài chính của ngân hàng, Techcombank tập trung vào khách hàng mà Techcombank hiểu rõ rủi ro. Cụ thể, Techcombank định hướng cấp tín dụng dựa trên am hiểu ngành, am hiểu khách hàng nhằm mang đến các giải pháp tài chính phù hợp với chu kỳ kinh doanh, nhu cầu vốn của khách hàng; phối hợp thực hiện các gói giải pháp tài chính riêng biệt theo từng phân khúc khách hàng nhằm tinh giản quy trình, rút gọn thời gian xử lý. Đặc biệt, Techcombank thực hiện rà soát, đánh giá tác động đối với các khách hàng chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và thực hiện các biện pháp hỗ trợ như giảm lãi suất cho vay, điều chỉnh lịch trả nợ phù hợp nhằm hỗ trợ khách hàng ổn định và duy trì hoạt động kinh doanh. Trong phân khúc khách hàng cá nhân, Techcombank chú trọng vào việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số như nền tảng phân tích kỹ thuật số (Analytic Platforms) để ra quyết định đối với công tác quản trị danh mục rủi ro tín dụng bán lẻ; đồng bộ hóa dữ liệu khách hàng cá nhân trong hoạt động cấp tín dụng trên kênh kỹ thuật số (Digital channel).

Hệ thống quyết định tín dụng doanh nghiệp (BCDE)

– khởi đầu cho hành trình kỹ thuật số

Năm 2020 đánh dấu một cột mốc trong hành trình kỹ thuật số của Techcombank với việc ra mắt BCDE, một trong những sáng kiến cấp cao nhất của Khối Quản trị Rủi ro phối hợp với Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Khối Công nghệ và nhà cung cấp giải pháp toàn cầu hàng đầu - Moody's Analytics. Với tầm nhìn và mục tiêu số hóa toàn bộ quy trình khởi tạo khoản vay của khách hàng doanh nghiệp, mà hạt nhân nằm khâu quyết định rủi ro tín dụng, hệ thống BCDE đã được triển khai thành công vào Quý 4 năm 2020. Với khả năng mở rộng cao và khả năng nắm bắt và tập trung lưu trữ dữ liệu của khách hàng, BCDE sẽ giúp đưa ra các quyết định cho vay chính xác hơn và cải thiện hiệu quả hoạt động, hứa hẹn là nền tảng để tạo ra sự tăng trưởng đột phá trong lĩnh vực ngân hàng doanh nghiệp của Techcombank.

Trong năm 2021, BCDE sẽ tiếp tục thúc đẩy hành trình số hóa doanh nghiệp bằng cách hoàn thành quy trình khởi tạo khoản vay toàn diện với các cấu phần bổ sung thúc đẩy hoạt động cho vay doanh nghiệp và quản lý rủi ro trên nền tảng kỹ thuật số, góp phần đưa Techcombank trở thành Ngân hàng hàng đầu về kỹ thuật số trong giai đoạn 2021-2025.

BCDE sẽ giúp đưa ra các quyết định cho vay chính xác hơn và cải thiện hiệu quả hoạt động

ALWAYS

Quản trị Rủi ro (Tiếp theo)**Hệ thống quyết định tín dụng doanh nghiệp (BCDE) – khởi đầu cho hành trình kỹ thuật số (Tiếp theo)**

Trong lĩnh vực quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản, Techcombank đang thực hiện hai dự án nâng cao hệ thống với mục tiêu số hóa hầu hết các hoạt động quản lý rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản. Hệ thống này sẽ cung cấp các công cụ đo lường cho rủi ro thị trường và phân tích giao dịch thông qua mô phỏng tình hình về hành vi tương lai của các yếu tố thị trường (ví dụ đường cong lợi suất, FX), hành vi của khách hàng khi có các tình huống thị trường, qua đó có thể thấy hành vi dự kiến trong tương lai của danh mục đầu tư/giao dịch ở các mức độ căng thẳng khác nhau của thị trường.

Trong lĩnh vực quản trị rủi ro gian lận, Techcombank đã thực hiện triển khai toàn diện công tác quản trị rủi ro gian lận thông qua xây dựng khung quản trị gian lận toàn diện; triển khai giải pháp quản trị gian lận trên tất cả các kênh khác nhau, trong đó kênh điện tử được chú trọng trước xu hướng gian lận thông qua sử dụng công nghệ cao; xây dựng các giải pháp phòng chống & phát hiện gian lận trên các nền tảng công nghệ của ngân hàng với mục tiêu tự động hóa công tác nhận diện thông qua các quy tắc và sự hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo (AI). Các giải pháp số hóa phòng chống gian lận song hành cùng với các giải pháp kinh doanh hướng tới ngăn ngừa rủi ro gian lận xuyên suốt hành trình khách hàng, đem lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng tại Techcombank.

Techcombank triển khai giải pháp quản trị gian lận trên tất cả các kênh khác nhau, trong đó, kênh điện tử được chú trọng trước xu hướng gian lận thông qua sử dụng công nghệ cao.

**Văn hóa tổ chức**

Văn hóa tổ chức của Techcombank được xây dựng dựa trên nền tảng của 05 Giá trị cốt lõi:



ALWAYS

Văn hóa tổ chức (Tiếp theo)

Tại Techcombank, “Văn hóa tổ chức” được chúng tôi định nghĩa là “ADN của tổ chức”, là những giá trị, niềm tin và hành vi chung của doanh nghiệp được các Techcomer thể hiện qua công việc thường ngày, khi tương tác với khách hàng, đồng nghiệp và đối tác. Nhưng chuẩn mực hành vi này được tích lũy hàng ngày, hàng giờ sẽ đưa Techcombank trở thành một ngân hàng có cá tính riêng, tạo ra những sản phẩm vượt trội, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung, của khách hàng và bản thân Techcombank nói riêng.

Với nhận thức đầy đủ vai trò và tầm quan trọng của văn hóa tổ chức trong các hoạt động chung của ngân hàng, chúng tôi đã đầu tư không chỉ ngân sách mà cả nguồn lực về thời gian, trí tuệ, tìm kiếm và hợp tác với đối tác hàng đầu để xây dựng và tạo nên bản sắc văn hóa riêng cho Techcombank.

“Văn hóa tổ chức” được chúng tôi định nghĩa là “ADN của tổ chức”.

**Hành trình chuyển đổi - Tạo nên sự khác biệt**

Hành trình thực thi chiến lược ấy đòi hỏi sự chuyển đổi về mọi mặt của ngân hàng bao gồm cả về cơ cấu tổ chức, mô hình kinh doanh, và cả văn hóa tổ chức. Bởi một nền tảng văn hóa tổ chức mạnh và hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối toàn bộ sức mạnh tập thể, đưa tổ chức thẳng tiến tới thành công. Văn hóa tổ chức mạnh là khi 90% cán bộ nhân viên cùng đồng lòng hiểu, tin tưởng và thực thi những chuẩn mực hành vi trong công việc hàng ngày. Và văn hóa tổ chức được đánh giá là hiệu quả khi và chỉ khi đóng góp vào thành công chung của quá trình thực thi chiến lược.

Mục tiêu của chuyển đổi văn hóa tổ chức trong năm 2020:

Xây dựng bộ chuẩn mực hành vi giúp cán bộ nhân viên hiểu và thể hiện rõ các giá trị cốt lõi thông qua bộ chuẩn mực hành vi và các hành động chi tiết, rõ ràng, dễ hiểu

Triển khai các chương trình đào tạo và truyền thông để giúp cán bộ Biết – Hiểu – Tin, từ đó thúc đẩy việc thực thi và lan tỏa thông qua vai trò làm gương của Ban Lãnh đạo và quản lý cấp cao trong ngân hàng.

01

02

03

04

Xây dựng và triển khai đo lường đánh giá mức độ phù hợp về văn hóa tổ chức của Techcombank thông qua việc tuyển dụng/bổ nhiệm cán bộ

Quản lý thực hành chuẩn mực hành vi một cách hiệu quả thông qua việc xây dựng, đo lường, đánh giá việc thực hành các chuẩn mực hành vi của đội ngũ Ban Lãnh đạo và quản lý cấp cao trong ngân hàng.

ALWAYS

Văn hóa tổ chức (Tiếp theo)

Tại mỗi tổ chức có 3 loại giá trị: giá trị mục tiêu, giá trị tuyên bố và giá trị thực. Nếu 3 loại giá trị này hài hòa với nhau, khi đó tổ chức sẽ có một văn hóa vững mạnh. Nếu 3 loại giá trị này khác nhau, văn hóa tổ chức sẽ yếu, khi đó quản lý không coi trọng những giá trị này.

**Giá trị mục tiêu**

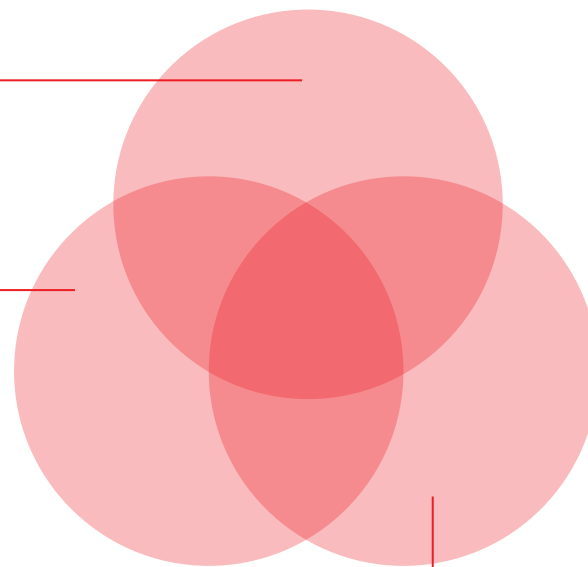
Giá trị cần có thể thực hiện chiến lược

**Giá trị thực**

Những ưu tiên thực sự có ảnh hưởng đến hành vi

**Giá trị được tuyên bố**

Giá trị được phê duyệt và truyền thông chính thức

*Theo tư vấn của đối tác về văn hoá tổ chức*

Với mục tiêu tổng thể của việc chuyển đổi văn hóa tổ chức là xây dựng văn hóa mạnh và hiệu quả trong hành trình chuyển đổi về văn hóa tổ chức, việc xây dựng và làm hài hòa các giá trị này trong tổ chức là việc làm rất quan trọng và vai trò của lãnh đạo trong việc chuyển đổi thành công là hết sức cần thiết. Trong giai đoạn đầu của chuyển đổi, sau khi xác định được các giá trị mục tiêu và giá trị tuyên bố, các giá trị thực sẽ được thực hành và lan tỏa từ các quản lý cấp cao của ngân hàng. Vì vậy, tiếp nối chương trình “Thực hành chuẩn mực hành vi dành cho thành viên Ban Lãnh đạo” từ năm 2019, sang năm 2020, chương trình “Thực hành chuẩn mực hành vi dành cho Quản lý cấp cao” đã được xây dựng triển khai áp dụng dành cho các cấp quản lý từ các Giám đốc Vùng tại các đơn vị kinh doanh tới các cán bộ quản lý phòng ban chức năng tại Hội sở.

Một vài kết quả đạt được trong chương trình thực hành chuẩn mực hành vi dành cho Ban Lãnh đạo và Quản lý cấp cao:

233

thành viên Ban Lãnh đạo và Quản lý cấp cao đã tham gia thực hành trong 2020

1.853

cán bộ đã tham gia khảo sát đánh giá thực hành của Ban Lãnh đạo và Quản lý cấp cao

459

khóa học đã được các Ban Lãnh đạo và Quản lý cấp cao tự trau dồi kiến thức chủ yếu là các kỹ năng về làm việc Agile, quản lý dự án, mục tiêu và kết quả trọng yếu (Objective and Key Result – OKR), kỹ năng truyền thông và giao tiếp

95%

các vấn đề đã được Ban Lãnh đạo giải quyết triệt để cho khách hàng qua các kênh: gặp trực tiếp khách hàng, internet banking, khảo sát...trong đó, các vấn đề được giải quyết chủ yếu liên quan tới các vấn đề về hệ thống, quy trình, sản phẩm. Việc này góp phần vào đạt tỷ lệ hài lòng khách hàng 4,85 điểm trên thang điểm 5 (kênh VOC – Voice of customers).

Nhờ việc phổ biến, lan tỏa, xây dựng vững chắc văn hóa tổ chức, mỗi Techcomer từ lãnh đạo cao cấp tới cán bộ nhân viên đều hiểu rõ được tầm quan trọng của văn hóa tổ chức trong hoạt động của ngân hàng, và thực hành những giá trị cốt lõi lan tỏa tới các đồng nghiệp xung quanh để mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng và cho chính bản thân cán bộ nhân viên.



ALWAYS

Văn hóa tổ chức (Tiếp theo)

Chương trình Hành trình Văn hóa đã được Techcombank triển khai từ 2011. Sau 9 năm triển khai, chương trình đã ghi nhận được rất nhiều điểm tích cực. Đây thực sự là một sân chơi hữu ích nhằm khích lệ và thưởng việc thực hành những hành vi tích cực và đặc biệt tạo lễ sự gắn kết chặt chẽ giữa các đơn vị kinh doanh và các đơn vị phòng ban tại Hội sở thông qua mô hình kết hợp giữa Vùng và Khối trong ngân hàng. Nội dung chương trình được xây dựng bám sát vào từng các giá trị trong 5 giá trị cốt lõi của ngân hàng và hướng tới hiệu quả làm việc tốt nhất qua các hoạt động cải tiến công việc hàng ngày – Kaizen, làm việc theo OKR, gia tăng sự hài lòng của khách hàng thông qua

Hành trình Văn hóa - Sân chơi hữu ích

hoạt động lắng nghe ý kiến khách hàng qua hình thức gọi điện ghi nhận ý kiến khách hàng và site visit - gặp trực tiếp khách hàng. Bên cạnh đó, các hoạt động tăng cường sự tương tác, phối hợp giữa các đơn vị kinh doanh và hội sở cũng được khích lệ thông qua hoạt động First Hand Day - lãnh đạo xuống đơn vị để tìm hiểu và đưa ra giải pháp giúp đơn vị làm việc hiệu quả hơn, tháo gỡ những vướng mắc và vấn đề mang tính chất hệ thống và lâu dài.

20%

Chương trình Làm việc hiệu quả OKR (Object and key result)

Khuyến khích mọi hành động đều hướng tới kết quả cụ thể, rõ ràng: Phân bổ và tối ưu hoá nguồn lực theo thứ tự ưu tiên; Làm việc luôn có kế hoạch và có kỷ luật thực thi

20%

Nâng cao năng lực tiếng Anh Huấn luyện (Coaching)

Thể hiện việc Tự phát triển bản thân của cán bộ quản lý các cấp thông qua việc Huấn luyện cho đội ngũ và đồng thời tập trung nâng cao trình độ tiếng anh



20% First hand day Đối thoại trực tiếp

Chia sẻ, lắng nghe những vấn đề trong công việc của nhau để tìm giải pháp hiệu quả và hiểu nhau hơn

20%

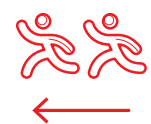
Lắng nghe ý kiến khách hàng

Thúc đẩy thấu hiểu khách hàng và chủ động ghi nhận ý kiến đóng góp, từ đó tích cực tìm cách giải quyết các vướng mắc/tồn đọng tại tất cả các cấp & bộ phận

20%

WeKAIZEN

Khuyến khích, thúc đẩy tư duy đổi mới & sáng tạo từ những công việc thường nhật cho tới những sáng kiến mang lại giá trị & thành quả vượt trội



16 Liên quân

Với tầm nhìn chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống; thúc đẩy mỗi người khai phá tiềm năng và bản lĩnh hành động cho những điều vượt trội, trong xu hướng thế giới hội nhập và mở cửa như hiện nay thì thành công của tổ chức xuất phát từ thành công của từng cán bộ nhân viên, do vậy, việc phát triển bản thân tự trau dồi khả năng về tiếng Anh để có nhiều cơ hội giao tiếp trong công việc với đối tác trong và ngoài nước, với các chuyên gia và lãnh đạo cấp cao của Ngân hàng, có cơ hội được tiếp xúc với các kiến thức và kỹ năng chuẩn quốc tế góp phần vào gia tăng hiệu quả công việc và năng suất lao động được các Techcomer khá quan tâm. Vì vậy, chương trình học tiếng Anh và hoàn thiện các chứng chỉ tiếng Anh theo tiêu chuẩn quốc tế được đẩy mạnh trong các Liên quân.

Một vài kết quả đạt được trong chương trình Hành trình Văn hóa năm 2020:

99.920 ý kiến được ghi nhận

99.920 ý kiến được Giám đốc chi nhánh, Giám đốc mảng kinh doanh trực tiếp gọi điện tới khách hàng ghi nhận ý kiến đóng góp của khách hàng. Kết quả đạt được 99% ý kiến của khách hàng được ghi nhận, giải đáp và xử lý ngay.

255 chứng chỉ tiếng Anh được hoàn thành

255 chứng chỉ tiếng Anh đã được quản lý cấp cao hoàn thành bổ sung trong 2020. Tính đến hết năm 2020, tỷ lệ cán bộ quản lý cấp cao đạt điều kiện về tiếng Anh trong toàn ngân hàng là 53%, tăng 27% so với kết quả của năm 2019.

81 buổi đối thoại trực tiếp

81 buổi đối thoại trực tiếp đã được các lãnh đạo liên quân chủ trì trong năm 2020 với số lượng cán bộ đã tham gia ~10.000 người.

192 Kaizen mới

192 Kaizen mới trong năm 2020 trong đó 55% Kaizen tập trung vào các công cụ để tiết kiệm thời gian làm việc, nâng cao năng suất lao động.

6.742 cán bộ nhân viên được huấn luyện

Đào tạo là hoạt động mới triển khai trong năm 2020 với 724 huấn luyện viên đã tham gia và 6.742 cán bộ nhân viên đã được huấn luyện. Kết quả đạt được là 96% cán bộ nhân viên nhận định hiệu quả công việc của bản thân được cải thiện/nâng cao hơn sau khi huấn luyện

71 buổi First Hand Day

71 buổi First Hand Day đã được giám đốc các Khối trực tiếp xuống các đơn vị kinh doanh để lắng nghe và tìm hiểu các vấn đề vướng mắc của đơn vị và định hướng/trực tiếp giải quyết dứt điểm các vấn đề của đơn vị

153 mục tiêu

Đề cao tinh thần hợp tác vì mục tiêu chung và làm việc hiệu quả, trong 2020, 153 mục tiêu các liên quân đã thảo luận và thống nhất cùng nhau thực hiện, gián tiếp đóng góp vào kết quả kinh doanh/mục tiêu của Vùng/Khối nói riêng và toàn ngân hàng nói chung.

Tiếp nối thành công của chương trình 2020, chương trình Hành trình Văn hóa trong năm 2021 có nhiều điểm thay đổi bám sát vào từng giá trị cốt lõi, phù hợp với thực tế công việc nhằm tăng cường sự gắn kết và giúp cho cán bộ nhân viên hiểu sâu hơn về các giá trị cốt lõi của ngân hàng và áp dụng những giá trị cốt lõi này vào công việc hàng ngày.

ALWAYS

Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2020)

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.504.906.230 cổ phần (tương đương với vốn điều lệ 35.049.062.300.000 đồng), trong đó:

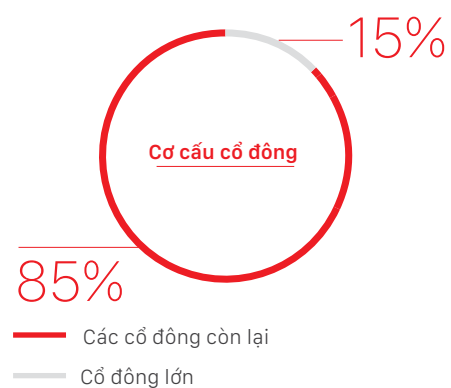
Tổng số cổ phần đang lưu hành	3.504.906.230
Số cổ phiếu quỹ	0
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	627.786.458
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	2.877.119.772



Cơ cấu cổ đông

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	524.315.499	15,0%
Các cổ đông còn lại	2.980.590.731	85,0%
Tổng	3.504.906.230	100,0%

Theo điều 4.26 Luật các Tổ chức Tín dụng ban hành năm 2010, "cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là những cổ đông trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó".



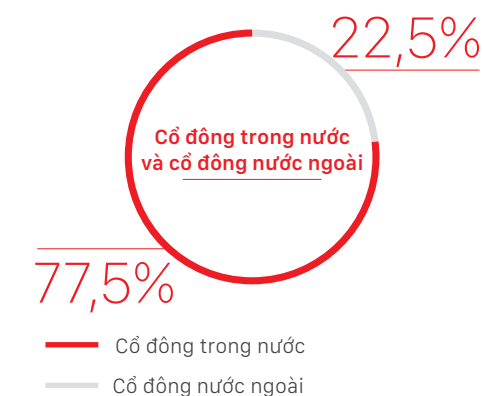
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	1.608.478.711	45,9%
Cổ đông cá nhân	1.896.427.519	54,1%
Tổng	3.504.906.230	100,0%



Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	2.716.642.799	77,5%
Cổ đông nước ngoài	788.263.431	22,5%
Tổng	3.504.906.230	100,0%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2020, Techcombank tăng vốn điều lệ từ 35.001.399.620.000 đồng lên 35.049.062.300.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2020, Techcombank không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Techcombank không có cổ phiếu quỹ.

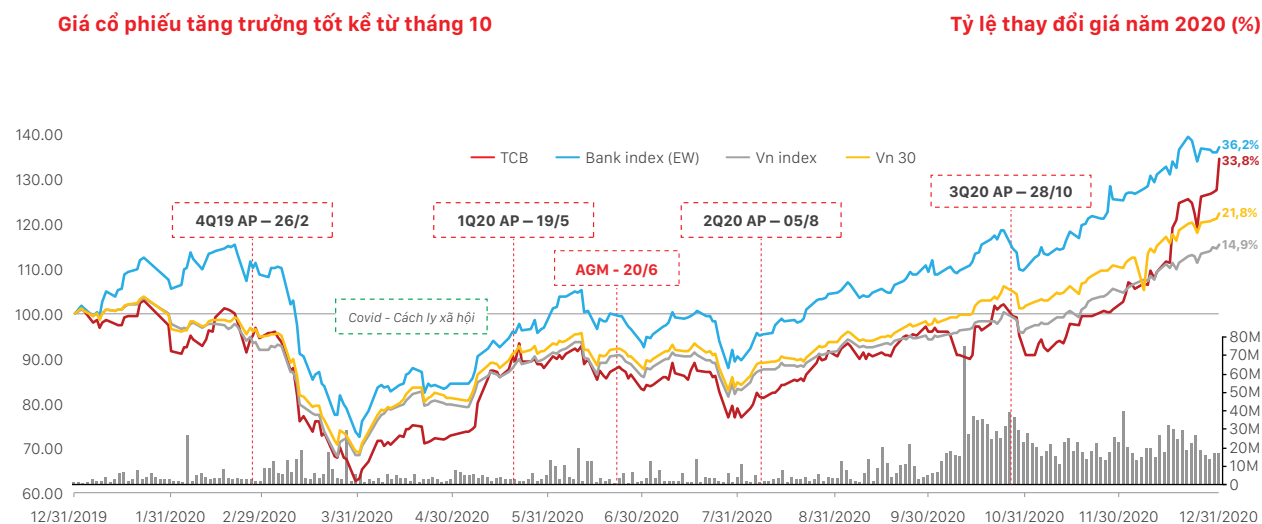
Các chứng khoán khác: Không có.



ALWAYS

Thông tin về cổ phiếu TCB trong năm 2020

Diễn biến giá cổ phiếu TCB so với các chỉ số trong năm 2020



Bất chấp sự bùng phát bất ngờ của đại dịch COVID-19, năm 2020 vẫn ghi nhận sự phục hồi đáng khích lệ của chỉ số VN-Index, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm ngoái, sau một đợt bán tháo của thị trường. Việt Nam dường như đã kiểm soát và ngăn chặn đại dịch khá tốt, với số ca nhiễm bệnh được hạn chế nhanh chóng và số ít ca bệnh tử vong. Trong cùng xu hướng phục hồi của thị trường, giá cổ phiếu TCB cũng tăng lại đáng kể, đặc biệt là sau khi Ngân hàng công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 rất khả quan, duy trì các chỉ số chính rất mạnh mẽ, hơn hầu hết các ngân hàng về khả năng sinh lời, hiệu quả hoạt động, chất lượng tài sản cùng tỷ lệ an toàn vốn luôn trong top cao. Giá cổ phiếu chạm mốc 31.500 đồng vào ngày 31/12/2020, tăng 33,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đánh dấu mức tăng giá lớn nhất kể từ khi niêm yết. Đáng chú ý, xét về thanh khoản, cổ phiếu TCB trở thành một trong những cổ phiếu ngân hàng có khối lượng giao dịch lớn nhất. Khối lượng giao dịch hàng ngày trung bình trong Quý 4/2020 là gần 22 triệu cổ phiếu/ngày, tương đương với 533 tỷ đồng hoặc 23 triệu USD/ngày.

Giá cổ phiếu

▲ 33,8%

so với cùng kỳ năm ngoái

Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư trong năm 2020

Sự tin tưởng của các Quý Cổ đông đã đóng góp không nhỏ vào thành công của Techcombank thời gian qua. Trong suốt khoảng thời gian đại dịch diễn ra, bên cạnh việc duy trì trạng thái hoạt động bình thường (đặc biệt là tăng khối lượng giao dịch trực tuyến), Ngân hàng cũng nỗ lực giữ liên lạc với nhà đầu tư qua các buổi gặp gỡ trực tiếp và các kênh trực tuyến. Chúng tôi chủ động tiếp cận các cổ đông hiện hữu cũng như các nhà đầu tư tiềm năng, các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, trong nước và ngoài nước.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư luôn cố gắng hoạt động hiệu quả để cung cấp thông tin tới các nhà đầu tư và chuyên gia phân tích, giúp họ hiểu hơn về Techcombank, về chiến lược dài hạn cũng như phương pháp hoạt động của chúng tôi. Ngoài ra, nhà đầu tư và chuyên gia phân tích còn được tiếp cận với các thông tin, báo cáo được cập nhật kịp thời. Những thông tin cập nhật này rất quan trọng, đặc biệt là trong một năm nhiều biến động và bất ổn như 2020.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư luôn cố gắng hoạt động hiệu quả để cung cấp thông tin tới các nhà đầu tư và chuyên gia phân tích.

Sự tin tưởng của các Quý Cổ đông đã đóng góp không nhỏ vào thành công của Techcombank thời gian qua.

Trong năm 2020, Techcombank đã tổ chức thành công Đại hội Cổ đông thường niên vào ngày 20/06/2020, cũng như 4 sự kiện Gặp gỡ Nhà đầu tư/Chuyên gia phân tích và Công bố kết quả kinh doanh hàng quý. Đáng chú ý, Ngân hàng cũng chủ động tổ chức 2 sự kiện dành riêng cho nhà đầu tư cá nhân, thu hút hàng nghìn lượt theo dõi. Trong tương lai, chúng tôi vẫn sẽ tiếp tục tổ chức các sự kiện cho cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, thể hiện sự quan tâm chân thành và tận tâm của Techcombank tới mọi nhà đầu tư. Đồng thời, trong năm 2020, Ngân hàng đã tham gia 66 cuộc điện đàm/họp với các chuyên gia phân tích và nhà đầu tư trên toàn thế giới, tăng 95% so với năm 2019. Hầu hết các cuộc họp và điện đàm đều có sự tham gia của Ban Lãnh đạo Ngân hàng. Ngoài các sự kiện do bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư và chuyên gia phân tích có thể liên hệ với chúng tôi qua fanpage chính thức trên facebook (<https://www.facebook.com/TCB.IR>) hoặc qua email tại địa chỉ ir@techcombank.com.vn. Chúng tôi luôn cố gắng phản hồi các câu hỏi của Quý vị trong vòng 72 giờ, và hướng tới giảm xuống 48 giờ trong năm 2021.

ALWAYS

Trách nhiệm với cộng đồng

Techcombank phát triển bền vững cùng cộng đồng,
vì một Việt Nam vượt trội.

Trên hành trình 27 năm phát triển, Techcombank đang khẳng định vị thế hàng đầu, dẫn dắt quá trình số hóa thị trường tài chính Việt Nam. Ngoài việc cung cấp các giải pháp tài chính vượt trội cho người dân, thương hiệu Techcombank luôn nỗ lực đóng góp những giá trị bền vững, đại diện cho một ý chí, khát vọng, tinh thần lạc quan và tự lập của người Việt Nam. Điều này được thể hiện rõ nét trong tôn chỉ về trách nhiệm xã hội mà Techcombank đã lựa chọn: đồng hành cùng các chương trình tài trợ an sinh xã hội mang tính chất thiện nguyện và trở thành người truyền cảm hứng, dẫn dắt và lan tỏa xu hướng sống vượt trội hơn mỗi ngày, góp phần mang đến nhiều giá trị tốt đẹp cho người Việt Nam và phát triển của đất nước.

Gắn kết, chia sẻ cùng cộng đồng

Kết thúc năm 2020 với nhiều khó khăn thách thức do đại dịch COVID-19 và thiên tai nặng nề với khu vực miền Trung, Techcombank đã không ngừng tham gia các hoạt động hỗ trợ, đồng hành cùng cộng đồng với tinh thần thiện nguyện cao nhất.

“Đồng cam cộng khổ” cùng doanh nghiệp và khách hàng, Techcombank đã chủ động tìm hiểu và hỗ trợ cho 3.200 khách hàng chịu tác động từ dịch COVID-19 với hơn 41.000 tỷ đồng, song hành cùng NHNN và Chính phủ trong các hoạt động vực dậy nền kinh tế.



Song song, các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng vẫn luôn được Techcombank chú trọng. Từ các hoạt động xây cầu, làm trường học, trao học bổng cho trẻ em nghèo ở những vùng xa; hỗ trợ đồng bào chịu thiên tai đến hỗ trợ thực hiện các chương trình phát triển xã hội nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng... đã khẳng định sự nỗ lực của Techcombank trên hành trình phát triển bền vững cùng cộng đồng. Tổng ngân sách thực thi cho các chương trình lên đến 158 tỷ tăng hơn gấp đôi so với năm 2019; cho thấy việc thực thi các hoạt động trách nhiệm xã hội được Techcombank quan tâm sâu sắc nhằm đồng hành cùng xã hội và cộng đồng vượt qua khó khăn.

Tổng ngân sách thực thi cho các
chương trình

158 tỷ đồng



Truyền cảm hứng, dẫn dắt và lan tỏa xu hướng
sống Vượt trội hơn mỗi ngày

Tiên phong, xây dựng và dẫn dắt xu hướng sống Vượt trội hơn mỗi ngày, Techcombank tự hào đồng hành cùng Thành phố Hồ Chí Minh khởi tạo và tổ chức Giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh Techcombank từ mùa đầu tiên (năm 2017) và tiếp tục mùa thứ 4 (năm 2020) với quy mô lớn nhất Việt Nam và chất lượng đẳng cấp quốc tế, được cộng đồng đánh giá cao.

Với hơn 13.117 vận động viên tham dự, Giải năm nay tiếp tục khẳng định vị thế tầm vóc của mình, đặc biệt trong bối cảnh tác động của đại dịch Covid 19 và giãn cách xã hội thời gian qua. Sự hưởng ứng nhiệt tình của các vận động viên đến từ mọi miền chứng tỏ phong trào kiên định của marathon và tinh thần vượt trội ở Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, lối sống tích cực ngày càng được lan tỏa rộng rãi. Đây cũng chính là mong muốn của Techcombank: “Đồng hành cùng người dân Việt Nam vượt trội hơn mỗi ngày để hiện thực hóa khát vọng”. Bên cạnh đó, tiếp nối tinh thần nhân văn của các mùa giải trước, để mỗi bước chạy của các vận động viên càng thêm ý nghĩa và lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong xã hội, năm nay Techcombank sẽ tiếp tục đóng góp, xây dựng các quỹ từ thiện thành phố thông qua chương trình trao quỹ “Vì Một Việt Nam Vượt Trội”.

13.117 người

tham gia Giải Marathon Quốc tế Thành phố
Hồ Chí Minh Techcombank 2020



Mang thông điệp “Bước chạy vì một Việt Nam Vượt Trội” cùng những ý nghĩa cao đẹp, Giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh Techcombank chắc chắn sẽ ngày càng phát triển và lan tỏa mạnh mẽ giá trị cộng đồng bền vững, bền bỉ rèn luyện và bứt phá bản thân, cổ vũ người dân Việt Nam rèn luyện sức khỏe – tiền đề quan trọng để hướng tới một Việt Nam Vượt Trội, nâng tầm giá trị sống.

**TÔI VƯỢT TRỘI, BẠN VƯỢT TRỘI,
VÌ MỘT VIỆT NAM VƯỢT TRỘI.**

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính kiểm toán 2020

150

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số

0040/NH-GP ngày 6 tháng 8 năm 1993

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép Hoạt động Ngân hàng được sửa đổi nhiều lần, và lần cấp đổi gần nhất là ngày 6 tháng 3 năm 2018 theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số

055697 ngày 7 tháng 9 năm 1993

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần cấp đổi gần đây nhất là ngày 19 tháng 1 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất
Ông Nguyễn Thiều Quang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch
Ông Lee Boon Huat	Thành viên
Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng ban kiêm Thành viên chuyên trách
Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên
Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)

Ban Lãnh đạo trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc (từ ngày 18 tháng 8 năm 2020)
Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Tổng Giám đốc (đến ngày 17 tháng 8 năm 2020)
	Phó Tổng Giám đốc thường trực (từ ngày 15 tháng 3 năm 2020)
Ông Phùng Quang Hưng	kiêm Giám đốc Điều hành (từ ngày 13 tháng 1 năm 2020 đến ngày 9 tháng 1 năm 2021)
	kiêm Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính và Dịch vụ Khách hàng (đến ngày 15 tháng 11 năm 2020)
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 7 năm 2020)
	kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng (đến ngày 1 tháng 4 năm 2020)
Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chuyển đổi (đến ngày 1 tháng 4 năm 2020)
	kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng (từ ngày 2 tháng 4 năm 2020)
Ông Phan Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu
	kiêm Giám đốc Chuyển đổi
Ông Kalyanaraman Sivaramakrishnan	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 1 năm 2021)
	kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro (từ ngày 1 tháng 10 năm 2020)

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)

Ban Lãnh đạo trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Ông Trịnh Bằng	Giám đốc Tài chính Tập đoàn kiêm Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng (từ ngày 1 tháng 2 năm 2021)
Bà Phan Thị Thanh Bình	Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn
Ông Vishal Shah	Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp
Ông Đặng Công Hoàn	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ kiêm Giám đốc Phát triển giải pháp đầu tư (từ ngày 10 tháng 1 năm 2021)
Bà Đặng Mỹ Quyền	Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực (từ ngày 4 tháng 5 năm 2020)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin (từ ngày 17 tháng 7 năm 2020)
Ông Chu Hồng Ngọc	Giám đốc Khối Vận hành (từ ngày 4 tháng 5 năm 2020)
Bà Thái Minh Diễm Tú	Giám đốc Khối Tiếp thị (từ ngày 3 tháng 9 năm 2020)
Ông Santhosh Mahendiran	Giám đốc Khối Dữ liệu và Phân tích (từ ngày 20 tháng 10 năm 2020)
Ông Kyle Timothy Justin	Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi (từ ngày 30 tháng 10 năm 2020)
Ông Pranav Seth	Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi Ngân hàng số (từ ngày 13 tháng 1 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Hồ Hùng Anh Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở đăng ký

Số 191, Phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "Techcombank") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Lãnh đạo của Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo của Ngân hàng:

- ▶ (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 156 đến trang 233 đã phản ánh trung thực và hợp lý bảng cân đối kế toán hợp nhất của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Techcombank cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- ▶ (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Lãnh đạo của Ngân hàng cho rằng Ngân hàng hoặc các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Lãnh đạo của Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Lãnh đạo,



Jens Lottner
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "Techcombank"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Lãnh đạo của Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 156 đến trang 233

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo của Ngân hàng

Ban Lãnh đạo của Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo của Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm

toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Techcombank liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Techcombank. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo của Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đoàn Thanh Toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3073-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2020.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00068-21-4

Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0339-2018-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt và vàng	4	3.663.615
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")	5	10.253.324
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	6	28.994.954
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	21.112.630	38.596.420
2	Cho vay các TCTD khác	7.882.324	9.393.804
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	8.347.576
1	Chứng khoán kinh doanh	8.357.447	10.052.963
2	Dự phòng chứng khoán kinh doanh	(9.871)	(11.407)
VI	Cho vay khách hàng	275.310.367	227.885.283
1	Cho vay khách hàng	8	277.524.615
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(2.214.248)
VII	Hoạt động mua nợ	10	-
1	Mua nợ	1.682	1.682
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(1.682)	(1.682)
VIII	Chứng khoán đầu tư	84.447.241	66.054.597
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11 (a)	84.632.952
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11 (b)	200.000
3	Dự phòng chứng khoán đầu tư	11 (c)	(385.711)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	11.806
4	Đầu tư dài hạn khác	12	12.466
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12	(660)
X	Tài sản cố định ("TSCĐ")	4.613.423	3.207.777
1	Tài sản cố định hữu hình	13	1.470.942
a	Nguyên giá	13	2.416.349
b	Hao mòn TSCĐ	13	(945.407)
3	Tài sản cố định vô hình	14	3.142.481
a	Nguyên giá	14	3.923.203
b	Hao mòn TSCĐ	14	(780.722)
XI	Bất động sản đầu tư	15	1.124.724
a	Nguyên giá	15	1.435.699
b	Hao mòn bất động sản đầu tư	15	(310.975)
XII	Tài sản Có khác	16	22.835.903
1	Các khoản phải thu	16	16.572.411
2	Các khoản lãi, phí phải thu	16	5.184.822
4	Tài sản Có khác	16	1.268.562
5	Các khoản dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác	16	(189.892)
	TỔNG TÀI SẢN	439.602.933	383.699.461

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	47.484.812
1	Tiền gửi của các TCTD khác	17	21.232.089
2	Vay các TCTD khác	17	26.252.723
III	Tiền gửi của khách hàng	18	277.458.651
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	19	266.926
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	27.899.640
VII	Các khoản nợ khác	21	11.878.118
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21	3.252.009
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21	8.626.109
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	364.988.147	321.626.694
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn và các quỹ	22	74.614.786
1	Vốn	22	35.525.569
a	Vốn điều lệ	22	35.049.062
c	Thặng dư vốn cổ phần	22	476.507
2	Các quỹ của TCTD	22	6.789.643
5	Lợi nhuận chưa phân phối	22	31.815.808
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	483.766
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	74.614.786	62.072.767
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	439.602.933	383.699.461

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT

NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT KHÁC			
1	Bảo lãnh vay vốn	34.868	38.509
2	Cam kết giao dịch hối đoái	185.950.560	228.476.804
	Cam kết mua ngoại tệ	1.605.493	1.108.119
	Cam kết bán ngoại tệ	3.004.364	5.611.861
	Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ	90.498.304	110.730.891
	Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ	90.842.399	111.025.933
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	30.880.187	21.909.553
5	Bảo lãnh khác	21.121.837	22.285.888
6	Cam kết kỳ hạn giấy tờ có giá	15.802.168	19.281.908
7	Các cam kết khác	131.316.212	113.347.193
	Cam kết hoán đổi tiền tệ chéo bằng ngoại tệ	59.869.362	50.759.660
	Cam kết hoán đổi tiền tệ chéo bằng đồng	60.198.065	50.662.360
	Cam kết hoán đổi lãi suất bằng ngoại tệ	9.994.922	2.471.787
	Cam kết hoán đổi lãi suất bằng đồng	-	7.161.705
	Cam kết khác	1.253.863	2.291.681
8	Hạn mức tín dụng chưa sử dụng	155.200.484	128.092.826

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân

Kế toán Trưởng

Người soát xét

Thái Hà Linh

Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt

Jens Lottner

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B03/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng

12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam)

	Thuyết minh	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng (Phân loại lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	29.001.912
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(10.250.703)
I	Thu nhập lãi thuần	18.751.209	14.257.844
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	6.048.443
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(1.859.665)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.188.778	3.253.353
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	745
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	321.397
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	1.496.997
5	Thu nhập từ hoạt động khác	28	5.460.013
6	Chi phí hoạt động khác	28	(3.180.804)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	2.279.209
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		4.191
VIII	Chi phí hoạt động	29	(8.631.195)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		18.411.331
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	(2.611.035)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		15.800.296
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	(3.217.829)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(3.217.829)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		12.582.467
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số		(257.476)
XVI	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		12.324.991
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	32	3.515
			2.871

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân

Kế toán Trưởng

Người soát xét

Thái Hà Linh

Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt

Jens Lottner

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp trực tiếp)

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	28.933.307	25.681.231
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(10.155.492)	(10.869.069)
03 Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	4.140.309	3.170.716
04 Chênh lệch số tiền thực thu, thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng và chứng khoán)	1.897.196	1.703.869
05 Thu nhập khác	1.190.483	485.024
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	1.259.653	1.080.236
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(6.752.272)	(5.565.179)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(2.881.901)	(2.678.919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	17.631.283	13.007.909
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Giảm tiền gửi và cho vay các TCTD khác	1.401.381	2.033.530
10 (Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(16.005.291)	18.030.873
12 (Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(46.722.588)	(70.862.810)
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(3.363.570)	(256.945)
14 (Tăng) về tài sản hoạt động khác	(6.261.043)	(4.670.768)
Những thay đổi về nợ hoạt động		
15 (Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	(4.024.907)
16 (Giảm)/tăng tiền gửi và vay từ các TCTD khác	(13.781.823)	24.841.075
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	46.161.890	27.882.109
18 Tăng phát hành giấy tờ có giá	10.596.719	7.482.675
20 (Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(167.082)	123.695
21 Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	422.272	(944.721)
22 Chi từ các quỹ của TCTD	(615)	(9.913)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(10.088.467)	12.631.802
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm TSCĐ	(665.860)	(257.620)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6.837	31.428
03 Tiền chi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(559)	(268)
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	4.191	4.216
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(655.391)	(222.244)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp trực tiếp)

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01 Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	47.602	35.428
03 Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(157.713)	(3.200.000)
04 Cổ tức trả cho cổ đông không kiểm soát	(65.086)	-
07 Tiền thu được từ góp vốn của cổ đông không kiểm soát	651	70.338
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(174.546)	(3.094.234)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(10.918.404)	9.315.324
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	46.514.303	37.198.979
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh 33)	35.595.899	46.514.303

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Người soát xét

Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt



Jens Lottner
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP ngày 6 tháng 8 năm 1993. Giấy phép Hoạt động Ngân hàng do NHNNVN cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp. Giấy phép Hoạt động Ngân hàng được sửa đổi nhiều lần, và lần cấp đổi gần nhất là ngày 6 tháng 3 năm 2018 theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do NHNNVN cấp. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 6 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Ngân hàng là 35.049.062.300.000 Việt Nam Đồng (31/12/2019: 35.001.399.620.000 Việt Nam Đồng). Ngân hàng đã phát hành 3.504.906.230 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 Việt Nam Đồng.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 191, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, ba trăm linh chín (309) điểm giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con. (31/12/2019: một (1) Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, ba trăm mười một (311) điểm giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con).

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “Techcombank”).

(d) Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	72/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4/11/2020	Các hoạt động chứng khoán	88,94843%
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0102786255 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008, thay đổi lần thứ 22 ngày 3/5/2019	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5/6/2019	Quản lý quỹ	88,99956%

(e) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Techcombank có **11.802** nhân viên (31/12/2019: **11.156** nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Techcombank theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những

đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các TCTD.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Techcombank là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Techcombank là Đồng Việt Nam ("đồng"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("đồng"), được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("Triệu đồng").

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Techcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngoại trừ việc áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNNVN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19 như được mô tả trong thuyết minh 3(h)(ii), những chính sách kế toán được Techcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Techcombank. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Techcombank và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Techcombank áp dụng.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay (đối với vàng quy đổi theo tỷ giá bình quân mua và bán vàng) của Ngân hàng tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Thuyết minh 48). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm thì Techcombank sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm để quy đổi.

Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ

của Techcombank được quy đổi sang đồng theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn và kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

(d) Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại các TCTD khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc. Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09"). Theo đó, Techcombank trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại TCTD trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam) và cho vay các TCTD

khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 3(h).

Theo Thông tư 02, Techcombank không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác.

(e) Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà Techcombank có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Techcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Techcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

(ii) Ghi nhận

Techcombank ghi nhận chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư vào ngày Techcombank trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

(iii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Đối với chứng khoán vốn là chứng khoán đầu tư, Techcombank ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá chứng khoán thực tế trên thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các loại chứng khoán vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán vốn đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng, mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán vốn được xác định theo chính sách được áp dụng cho các khoản đầu tư khác được mô tả tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Trong trường hợp không có thông tin được xác định một cách đáng tin cậy để trích lập dự phòng theo chính sách được áp dụng cho các khoản đầu tư khác được mô tả tại Thuyết minh 3(f)(ii), Techcombank không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản này.

Chứng khoán nợ

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán kinh doanh, Techcombank ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán đầu tư, Techcombank ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư, bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng rủi ro tín dụng trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với trái phiếu Chính phủ, giá trái phiếu thực tế trên thị trường là bình quân các mức giá được nhà tạo lập thị trường, là các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán được Bộ Tài chính công bố và lựa chọn, cam kết chào giá chắc chắn trong phiên chào giá. Trường hợp không có mức giá chào cam kết chắc chắn nêu trên, giá trái phiếu thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Techcombank không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Techcombank không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được xác định theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc giá thị trường không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng rủi ro tín dụng trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 3(h).

Dự phòng rủi ro chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Techcombank mua chứng khoán nợ sẽ được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu khi nhận được.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Techcombank đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Techcombank không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế ("TCKT") mà Techcombank đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Techcombank tại đơn vị đó.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(g) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của Techcombank đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

hay khi Techcombank chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 3(h).

(h) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác (trừ tiền gửi thanh toán), số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa

niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ"), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của thông tư 02 và Thông tư 09, Techcombank thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu. Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn a. Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc b. Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý a. Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc b. Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn a. Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc b. Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc c. Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc d. Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các TCTD; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các TCTD; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các TCTD. e. Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ a. Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc b. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc f. Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc e. Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn a. Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc b. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc d. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc e. Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc f. Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc g. Nợ của khách hàng là TCTD được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, Techcombank phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Techcombank thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- ▶ Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- ▶ Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- ▶ Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Techcombank mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Techcombank buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Techcombank tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Techcombank thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và của Techcombank.

Techcombank cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại nợ

để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Techcombank điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNNVN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch COVID-19, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19, thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ này mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Tài sản đảm bảo là động sản, bất động sản và các tài sản đảm bảo không phải là vàng miếng, chứng khoán Chính phủ được niêm yết trên Sở giao dịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

chứng khoán, chứng khoán do doanh nghiệp hoặc TCTD khác phát hành có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người liên quan của Techcombank và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các TCTD và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ đồng trở lên được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá.

Đối với các trường hợp khác, tài sản đảm bảo được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Techcombank. Tài sản đảm bảo nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

Tỷ lệ khấu trừ đối với tài sản đảm bảo được xác định như sau:

Loại tài sản đảm bảo	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
a Tiền gửi của khách hàng bằng đồng Việt Nam	100%
b Vàng miếng, trừ vàng miếng quy định tại điểm (i); tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
c Trái phiếu Chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do chính TCTD phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: <ul style="list-style-type: none"> Có thời hạn còn lại dưới 1 năm Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm Có thời hạn còn lại trên 5 năm 	
d Chứng khoán do các TCTD khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
e Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
f Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c) khoản này, do TCTD có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c) khoản này, do TCTD không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
g Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
h Bất động sản	50%
i Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(v) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có khoản dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi Techcombank được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

(i) Hoạt động mua và bán nợ

(i) Hoạt động mua nợ

Khoản mua nợ được ghi nhận ban đầu theo giá mua, sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng rủi ro tín dụng. Giá mua nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua nợ. Khoản tiền lãi nhận được được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ khoản tiền lãi phát sinh từ trước khi Techcombank mua nợ được ghi giảm giá trị khoản mua nợ.

Các khoản nợ mua về được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó được phân loại bởi bên bán trước khi mua và được trích lập dự phòng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

(ii) Hoạt động bán nợ

Hoạt động bán nợ được ghi nhận theo hướng dẫn của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNNVN quy định về hoạt động bán nợ của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, đối với các khoản nợ đang hạch toán nội bảng, trong trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ, thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của Techcombank. Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm của Techcombank.

Đối với nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền thì số tiền chưa thu được được phân loại, trích lập dự phòng rủi ro như trước khi bán nợ theo hướng dẫn của Thông tư 02.

Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Techcombank.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

(j) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ

Techcombank ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro tỷ giá đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Techcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết mua, bán một lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định trong tương lai. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chênh lệch giữa giá trị đồng của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(k) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
▪ máy móc thiết bị	3 - 10 năm
▪ phương tiện vận tải	6 - 10 năm
▪ các tài sản cố định khác	4 - 10 năm

(l) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Hao mòn phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Hao mòn quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

(iii) Các tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn lũy kế được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

(m) Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10-40 năm
-----------	-----------

(n) Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các tài sản có nội bằng.

Đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Techcombank thực hiện trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

(o) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở Thuyết minh 3(d), 3(e), 3(f), 3(g), 3(h), 3(i) và 3(n) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Techcombank có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(q) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo

giá gốc, bao gồm mệnh giá, chiết khấu/phụ trội cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, phát hành và các chi phí khác (nếu có).

(r) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(s) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, nếu có, được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(t) Các quỹ dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các TCTD ("Nghị định 93"), Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Điều lệ của Ngân hàng, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất). Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ này được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) Các quỹ dự trữ của công ty con

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

(u) Lợi ích nhân viên

(i) Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Techcombank khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Techcombank sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Techcombank không phải có nghĩa vụ nào khác. Chi phí đóng bảo hiểm xã hội cho nhân viên được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm khi nghĩa vụ đóng góp phát sinh.

(ii) Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Techcombank có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên đủ điều kiện nhận trợ cấp được ghi nhận là chi phí trong năm.

(iii) Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/20015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm

2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp. Chi phí đóng bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm khi nghĩa vụ đóng góp phát sinh.

(vi) Quỹ phúc lợi

Quỹ phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Techcombank.

(w) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) và các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) hoặc được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01, thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Techcombank được xác lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, Techcombank chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(x) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(y) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(z) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên

thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(aa) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(bb) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Techcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- ▶ Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

- ▶ Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng;
- ▶ Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Ngân hàng và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Ngân hàng;
- ▶ Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

(cc) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Techcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh của Techcombank chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Techcombank không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do Techcombank hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Lãnh đạo nhận định là Techcombank chỉ có một

bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Techcombank không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(dd) Lãi trên cổ phiếu

Techcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Techcombank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Techcombank không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(ee) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Techcombank cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Techcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và

nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(ff) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 16") của Thống đốc NHNNVN về chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") của Thống đốc NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD ban hành kèm theo Quyết định 16, Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành kèm theo mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(gg) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Techcombank, tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Techcombank phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- ▶ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Techcombank xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Techcombank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- ▶ Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Techcombank xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các tài sản tài chính đã được Techcombank xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán;
- ▶ Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- ▶ Các khoản mà Techcombank có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Techcombank xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các khoản được Techcombank xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ▶ Các khoản mà Techcombank có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ▶ các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- ▶ các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- ▶ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Techcombank xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày tại các thuyết minh liên quan khác.

4. Tiền mặt và vàng

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Tiền mặt bằng đồng	3.408.588	4.396.424
Tiền mặt bằng ngoại tệ	249.944	411.367
Vàng	5.083	12.836
	3.663.615	4.820.627

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc.

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc tại NHNNVN		
▶ Bằng đồng	10.231.475	3.190.934
▶ Bằng ngoại tệ	21.849	1.322
	10.253.324	3.192.256

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thừa nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2020 %	31/12/2019 %
Số dư bình quân tháng trước của:		
▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
▶ Tiền gửi bằng đồng có thời hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
▶ Tiền gửi bằng đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 %	31/12/2019 %
Tiền gửi bằng đồng trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0,50	0,80
Tiền gửi bằng ngoại tệ trong hạn mức dự trữ bắt buộc	0,00	0,00
Tiền gửi bằng đồng vượt hạn mức dự trữ bắt buộc	0,00	0,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ vượt hạn mức dự trữ bắt buộc	0,05	0,05

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng	719.343	6.117.336
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.307.747	9.056.471
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng	8.477.100	19.657.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.608.440	3.765.613
	21.112.630	38.596.420
Cho vay các TCTD khác		
Bằng đồng	7.399.254	7.695.397
Bằng ngoại tệ	483.070	1.698.407
	7.882.324	9.393.804
	28.994.954	47.990.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (Tiếp theo)

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	21.967.864	32.816.417

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 %	31/12/2019 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng	0,00	0,00
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng	0,12 - 6,00	1,20 - 6,80
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,05 - 0,52	1,55 - 2,10
Cho vay bằng đồng	0,20 - 4,23	3,50 - 6,00
Cho vay bằng ngoại tệ	1,25 - 1,75	3,09 - 3,94

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	4.035.936	6.688.778
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	4.321.511	3.364.185
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	128.615	185.821
	8.357.447	10.052.963
Dự phòng chứng khoán kinh doanh		
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	(8.184)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã niêm yết	(9.871)	(3.223)
	(9.871)	(11.407)
	8.347.576	10.041.556

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	4.164.551	6.874.599
Chưa niêm yết	4.192.896	3.178.364
	8.357.447	10.052.963

Biến động dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong năm như sau:

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Số dư đầu năm	8.184	10.544
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	(8.184)	(2.360)
Số dư cuối năm	-	8.184

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã niêm yết trong năm như sau:

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Số dư đầu năm	3.223	317
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	7.353	3.220
Sử dụng dự phòng trong năm	(705)	(314)
Số dư cuối năm	9.871	3.223

8. Cho vay khách hàng

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Cho vay các TCKT và cá nhân trong nước	275.594.164	229.188.137
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	1.815.974	1.265.636
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	113.310	254.269
Các khoản trả thay khách hàng	-	93.575
Cho vay các TCKT và cá nhân nước ngoài	1.167	410
	277.524.615	230.802.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Cho vay khách hàng (Tiếp theo)

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	274.423.557	98,88	225.601.458	97,75
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	1.805.866	0,65	2.122.693	0,92
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	416.892	0,15	218.128	0,09
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	533.944	0,19	305.230	0,13
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	344.356	0,13	2.554.518	1,11
	277.524.615	100,00	230.802.027	100,00

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Nợ ngắn hạn	92.424.839	33,30	85.584.018	37,08
Nợ trung hạn	85.255.104	30,72	47.443.165	20,56
Nợ dài hạn	99.844.672	35,98	97.774.844	42,36
	277.524.615	100,00	230.802.027	100,00

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	%	%
Cho vay bằng đồng	0,00 - 11,29	0,00 - 19,55
Cho vay bằng ngoại tệ	1,50 - 7,41	2,50 - 8,69

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	240.565	0,09	16.855	0,01
Khai khoáng	1.242.940	0,45	1.418.239	0,61
Công nghiệp chế biến, chế tạo	19.732.665	7,11	20.431.391	8,85
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.100.097	1,12	2.858.783	1,24
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	43.775	0,02	31.413	0,01
Xây dựng	9.135.831	3,29	6.957.444	3,01
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	29.247.061	10,54	27.075.217	11,73
Vận tải kho bãi	2.700.900	0,97	2.822.942	1,22
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	194.360	0,07	1.876.083	0,81
Thông tin và truyền thông	685.428	0,25	1.002.211	0,43
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	7.794.676	2,81	662.780	0,29
Hoạt động kinh doanh bất động sản	91.360.789	32,92	50.421.549	21,85
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	256.158	0,09	842.877	0,37
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	322.874	0,12	800.483	0,35
Hoạt động chính trị	-	-	1.178	0,00
Giáo dục và đào tạo	186.103	0,07	242.994	0,11
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	39.231	0,01	29.948	0,01
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.056	0,00	62.876	0,03
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	-	-	184.851	0,08
Hoạt động dịch vụ khác	100.660	0,04	7.814.563	3,39
Cho vay cá nhân	111.139.446	40,03	105.247.350	45,60
	277.524.615	100,00	230.802.027	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Cho vay khách hàng (Tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	5.761.372	2,08	5.566.486	2,41
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	66.976.430	24,15	47.003.186	20,37
Công ty cổ phần Nhà nước	427.229	0,15	297.929	0,13
Công ty cổ phần khác	91.324.824	32,91	69.763.527	30,22
Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh	275.967	0,10	442.319	0,19
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.345.667	0,48	2.104.387	0,91
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	7.818	0,00	37.405	0,02
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	265.862	0,10	339.438	0,15
Cho vay cá nhân	111.139.446	40,03	105.247.350	45,60
	277.524.615	100,00	230.802.027	100,00

9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dự phòng chung (i)	1.879.473	1.651.666
Dự phòng cụ thể (ii)	334.775	1.265.078
	2.214.248	2.916.744

(i) Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2020	2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư đầu năm	1.651.666	1.225.265
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	227.807	425.586
Phân loại lại từ dự phòng tài sản Có chịu rủi ro tín dụng khác (Thuyết minh 16(v))	-	815
Số dư cuối năm	1.879.473	1.651.666

(ii) Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	2020	2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư đầu năm	1.265.078	1.159.849
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	2.433.267	362.060
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.363.570)	(256.875)
Phân loại lại từ dự phòng tài sản Có chịu rủi ro tín dụng khác (Thuyết minh 16(v))	-	44
Số dư cuối năm	334.775	1.265.078

10. Hoạt động mua nợ

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Mua nợ bằng đồng	1.682	1.682
Dự phòng rủi ro	(1.682)	(1.682)
	-	-

Giá trị nợ gốc và lãi của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lãi của khoản nợ đã mua	1.682	1.682

Biến động dự phòng cụ thể trong năm như sau:

	2020	2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư đầu năm và cuối năm	1.682	1.682

11. Chứng khoán đầu tư

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2020	31/12/2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	17.367.757	14.807.620
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	20.280.594	20.299.324
Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	9.568.061	12.313.699
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	46.528.654	30.396.241
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	200.000
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	455.947	455.524
	84.632.952	66.158.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

11. Chứng khoán đầu tư (Tiếp theo)

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	47.295.542	32.326.671

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	200.000	202.006

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	200.000	202.006

(c) Dự phòng chứng khoán đầu tư

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (i)	373.566	303.935
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư đã niêm yết (ii)	12.145	2.183
	385.711	306.118

(i) Biến động dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong năm như sau :

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Số dư đầu năm	303.935	345.316
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	69.631	(41.381)
Số dư cuối năm	373.566	303.935

(ii) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư đã niêm yết trong năm như sau:

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Số dư đầu năm	2.183	3.797
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	10.496	(1.614)
Sử dụng dự phòng trong năm	(534)	-
Số dư cuối năm	12.145	2.183

12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác - giá gốc (i)	12.466	12.883
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (ii)	(660)	(660)
	11.806	12.223

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Techcombank tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc Triệu đồng	Tỷ lệ năm giữ	Giá gốc Triệu đồng	Tỷ lệ năm giữ
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Việt Nam	660	11,00%	660	11,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư PCB	7.962	6,64%	7.962	6,64%
Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng toàn thế giới	1.804	0,00%	1.804	0,00%
Công ty Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	1.040	10,93%	1.040	10,93%
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	1.000	0,42%	1.000	0,42%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (*)	-	0,00%	417	0,00%
	12.466		12.883	

(*) Ngân hàng phân loại lại khoản đầu tư vào Tổng Công ty Hàng không Việt Nam là khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

(ii) Biến động dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn như sau:

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Số dư đầu năm và cuối năm	660	660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

13. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Các TSCĐ khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	232.696	1.316.879	210.219	1.674	1.761.468
Mua trong năm	1.471	440.079	24.709	-	466.259
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	40.183	361.226	55.772	-	457.181
Thanh lý trong năm	(13.322)	(231.980)	(22.941)	(316)	(268.559)
Số dư cuối năm	261.028	1.886.204	267.759	1.358	2.416.349
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.147	831.559	102.003	1.275	967.984
Khấu hao trong năm	4.814	204.088	23.321	32	232.255
Thanh lý trong năm	(1.525)	(231.745)	(21.246)	(316)	(254.832)
Số dư cuối năm	36.436	803.902	104.078	991	945.407
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	199.549	485.320	108.216	399	793.484
Số dư cuối năm	224.592	1.082.302	163.681	367	1.470.942

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 474.904 triệu đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2019: 614.338 triệu đồng).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Các TSCĐ khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	451.403	1.217.801	164.463	1.605	1.835.272
Mua trong năm	11.231	85.142	42.702	325	139.400
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	110.606	191.960	23.020	-	325.586
Thanh lý trong năm	(15.098)	(177.784)	(19.966)	(256)	(213.104)
Biến động khác	(325.446)	(240)	-	-	(325.686)
Số dư cuối năm	232.696	1.316.879	210.219	1.674	1.761.468
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	37.106	906.342	102.408	1.400	1.047.256
Khấu hao trong năm	5.362	102.639	18.507	131	126.639
Thanh lý trong năm	(2.757)	(177.418)	(18.912)	(256)	(199.343)
Biến động khác	(6.564)	(4)	-	-	(6.568)
Số dư cuối năm	33.147	831.559	102.003	1.275	967.984
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	414.297	311.459	62.055	205	788.016
Số dư cuối năm	199.549	485.320	108.216	399	793.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

14. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	TSCĐ vô hình khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.064.499	1.016.803	4.846	3.086.148
Mua trong năm	-	214.908	-	214.908
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	557.955	75.341	-	633.296
Thanh lý trong năm	-	(9.546)	(295)	(9.841)
Biến động khác	-	(1.308)	-	(1.308)
Số dư cuối năm	2.622.454	1.296.198	4.551	3.923.203
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	447	668.932	2.476	671.855
Hao mòn trong năm	29	118.617	62	118.708
Thanh lý trong năm	-	(9.546)	(295)	(9.841)
Số dư cuối năm	476	778.003	2.243	780.722
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.064.052	347.871	2.370	2.414.293
Số dư cuối năm	2.621.978	518.195	2.308	3.142.481

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 396.941 triệu đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2019: 275.271 triệu đồng).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	TSCĐ vô hình khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	647.826	887.850	4.361	1.540.037
Mua trong năm	4.289	113.446	485	118.220
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.420.528	15.476	-	1.436.004
Thanh lý trong năm	(8.144)	-	-	(8.144)
Biến động khác	-	31	-	31
Số dư cuối năm	2.064.499	1.016.803	4.846	3.086.148
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	30.567	576.469	2.421	609.457
Hao mòn trong năm	29	92.463	55	92.547
Biến động khác	(30.149)	-	-	(30.149)
Số dư cuối năm	447	668.932	2.476	671.855
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	617.259	311.381	1.940	930.580
Số dư cuối năm	2.064.052	347.871	2.370	2.414.293

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa	
	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	1.435.699	1.435.699
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	275.175	239.375
Khấu hao trong năm	35.800	35.800
Số dư cuối năm	310.975	275.175
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	1.160.524	1.196.324
Số dư cuối năm	1.124.724	1.160.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

16. Tài sản Có khác

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Các khoản phải thu		
Các khoản phải thu nội bộ	65.888	60.256
Các khoản phải thu bên ngoài	16.506.523	12.893.847
▪ Đặt cọc thuê văn phòng (i)	115.162	101.714
▪ Đặt cọc mua trụ sở văn phòng (ii)	377.397	377.397
▪ Phải thu liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	20.006	20.006
▪ Trả trước cho người bán	250.120	117.826
▪ Ký quỹ cho giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	92.078	44.763
▪ Tạm ứng mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang (iii)	2.891.060	2.792.672
▪ Phải thu từ hợp đồng bán nợ	449.939	567.348
▪ Phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) (iv)	12.061.855	8.634.519
▪ Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	248.906	237.602
	16.572.411	12.954.103
Các khoản lãi, phí phải thu	5.184.822	5.553.724
Tài sản có khác		
Vật liệu	19.415	12.916
Chi phí trả trước	1.246.616	1.037.910
Tài sản Có khác	2.531	4.649
	1.268.562	1.055.475
Các khoản dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác (v)	(189.892)	(228.908)
	22.835.903	19.334.394

- (i) Đây là các khoản đặt cọc của Techcombank cho việc thực hiện thuê văn phòng làm trụ sở, chi nhánh.
(ii) Đây là các khoản đặt cọc để mua trụ sở văn phòng làm việc của Techcombank tại thành phố Hà Nội.
(iii) Đây là các khoản tạm ứng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng trụ sở văn phòng làm việc của Techcombank.
(iv) Đây là các khoản phải thu các nhà nhập khẩu là khách hàng của Ngân hàng từ dịch vụ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) do Ngân hàng phát hành. Theo đó, Ngân hàng đối ứng thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước.

(v) Dự phòng các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ	24.439	100.679
Dự phòng chung	-	4.255
Dự phòng cụ thể	24.439	96.424
Dự phòng rủi ro cho khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)	89.334	63.134
Dự phòng chung	89.334	63.063
Dự phòng cụ thể	-	71
Dự phòng khác	76.119	65.095
	189.892	228.908

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Thuyết minh	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Số dư đầu năm		228.908	75.839
Biến động dự phòng rủi ro cho khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ		(76.240)	100.679
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung	30	(4.255)	4.255
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cụ thể	30	(71.985)	96.424
Trích lập dự phòng rủi ro cho khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)	30	26.201	29.043
Trích lập dự phòng tài sản Có khác	29	11.023	24.276
Sử dụng dự phòng trong năm		-	(70)
Phân loại từ dự phòng tài sản Có chịu rủi ro tín dụng sang dự phòng cho vay khách hàng		-	(859)
Số dư cuối năm		189.892	228.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

17. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng đồng	881.447	6.415.253
Bằng ngoại tệ	882	757
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng đồng	18.111.000	23.399.000
Bằng ngoại tệ	2.238.760	8.817.327
	21.232.089	38.632.337
Vay các TCTD khác		
Bằng đồng	1.261.569	4.472.179
Bằng ngoại tệ	12.929.299	9.527.600
Phải trả trong nghiệp vụ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)	12.061.855	8.634.519
	26.252.723	22.634.298
	47.484.812	61.266.635

Lãi suất tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 %	31/12/2019 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng	0,10 - 0,80	1,20 - 5,10
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,12 - 0,18	1,60 - 2,20
Tiền vay bằng đồng	0,18 - 6,00	3,00 - 8,50
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,06 - 3,99	0,06 - 3,99

18. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng	116.113.684	70.297.064
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.858.805	5.756.332
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng	144.128.288	145.641.213
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.291.936	5.939.932
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng đồng	4.987.448	3.510.647
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	78.490	151.573
	277.458.651	231.296.761

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	4.718.936	1,70	5.717.986	2,47
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	30.606.797	11,03	22.375.849	9,67
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	65.328	0,02	93.074	0,04
Công ty cổ phần khác	39.532.016	14,25	28.612.952	12,37
Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh	194.889	0,07	62.483	0,03
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.249.447	1,53	3.746.288	1,62
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	7.141	0,00	15.425	0,01
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.903.013	0,69	2.018.720	0,87
Khác	541.364	0,20	1.442.006	0,63
Tiền gửi của cá nhân	195.639.720	70,51	167.211.978	72,29
	277.458.651	100,00	231.296.761	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

18. Tiền gửi của khách hàng (Tiếp theo)

Lãi suất tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2020 %	31/12/2019 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng	0,00 - 0,30	0,00 - 0,80
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 0,10	0,00 - 0,10
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng	0,20 - 7,10	0,30 - 7,60
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 0,60	0,00 - 0,60

19. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm)
	Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	79.566.587	18.160
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	91.058.259	344.094
Giao dịch hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền	59.736.465	(95.328)
	230.361.311	266.926
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	33.248.703	56.734
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	111.288.148	295.034
Giao dịch hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền	50.662.360	82.240
	195.199.211	434.008

20. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Từ 12 tháng đến 5 năm (i)	27.199.640	16.602.921
Trên 5 năm (ii)	700.000	857.713
	27.899.640	17.460.634

(i) Bao gồm các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm từ 3,80% đến 8,50% (31/12/2019: 5,20% đến 8,50%).

(ii) Bao gồm các trái phiếu chịu lãi suất năm là 7,80% (31/12/2019: 8,20% đến 15,00%).

21. Các khoản nợ khác

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Các khoản lãi, phí phải trả	3.252.009	3.479.310
Các khoản phải trả và nợ khác	8.626.109	7.689.346
Các khoản phải trả nội bộ	9.322	13.038
Các khoản phải trả bên ngoài	8.616.787	7.676.308
▶ Phải trả cán bộ công nhân viên	1.066.559	926.704
▶ Trích trước chi phí lương	241.810	286.394
▶ Chi phí trích trước khác	1.010.921	605.025
▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.862	10.226
▶ Doanh thu chưa thực hiện	665.248	226.397
▶ Thuế phải trả (Thuyết minh 35)	1.287.627	934.024
▶ Tiền đã giải ngân chờ thanh toán	8.169	30.284
▶ Tiền và các khoản tiền gửi giữ hộ khách hàng chờ thanh toán	42.589	35.802
▶ Tiền thu từ việc bán tài sản đảm bảo chờ xử lý	90.238	50.946
▶ Chuyển tiền phải trả	2.872.105	3.087.402
▶ Thu chi hộ giữa các TCTD	700.510	370.161
▶ Các khoản chờ thanh toán khác	160.689	783.971
▶ Các khoản phải trả khác	460.460	328.972
	11.878.118	11.168.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

22. Vốn và các quỹ

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của Techcombank trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	34.965.922	476.617	892.289	2.975.083	474	12.403.003	69.317	51.782.705
Tăng vốn trong năm	35.478	(50)	-	-	-	-	70.338	105.766
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.075.139	151.070	10.226.209
Trích lập các quỹ dự trữ trong năm	-	-	440.602	874.149	-	(1.314.751)	-	-
Trích lập quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	(32.000)	-	(32.000)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(9.913)	-	-	-	(9.913)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	35.001.400	476.567	1.332.891	3.839.319	474	21.131.391	290.725	62.072.767
Tăng vốn trong năm	47.662	(60)	-	-	-	-	651	48.253
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	12.324.991	257.476	12.582.467
Trích lập các quỹ dự trữ trong năm	-	-	539.211	1.078.363	-	(1.617.574)	-	-
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(65.086)	(65.086)
Trích lập quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.000)	-	(23.000)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(615)	-	-	-	(615)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	35.049.062	476.507	1.872.102	4.917.067	474	31.815.808	483.766	74.614.786

Vốn cổ phần

	31/12/2020		31/12/2019	
	Số cổ phiếu	Triệu đồng	Số cổ phiếu	Triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.504.906.230	35.049.062	3.500.139.962	35.001.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	3.504.906.230	35.049.062	3.500.139.962	35.001.400
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.504.906.230	35.049.062	3.500.139.962	35.001.400

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

23. Thu nhập lãi thuần

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng (Phân loại lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Thu nhập lãi tiền gửi	346.650	720.639
Thu nhập lãi cho vay	21.590.084	16.727.930
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	6.252.814	6.794.537
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	316.749	414.244
Thu khác từ hoạt động tín dụng	495.615	363.047
	29.001.912	25.020.397
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		
Chi phí lãi tiền gửi	(8.195.501)	(9.421.181)
Chi phí lãi tiền vay	(599.493)	(370.407)
Chi phí lãi giấy tờ có giá phát hành	(1.419.134)	(966.909)
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	(36.575)	(4.056)
	(10.250.703)	(10.762.553)
Thu nhập lãi thuần	18.751.209	14.257.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

24. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng (Phân loại lại)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	2.914.167	2.338.815
Dịch vụ ngân quỹ	2.679	4.566
Dịch vụ ủy thác và đại lý	553.472	195.281
Dịch vụ tư vấn	126.673	1.650
Dịch vụ hợp tác bảo hiểm	827.321	931.882
Dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.037.650	970.323
Dịch vụ môi giới kinh doanh chứng khoán	210.495	120.524
Dịch vụ quản lý quỹ	295.194	206.040
Dịch vụ khác	80.792	84.765
	6.048.443	4.853.846
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(1.672.413)	(1.371.196)
Dịch vụ ngân quỹ	(68.962)	(65.716)
Dịch vụ môi giới kinh doanh chứng khoán	(38.576)	(11.484)
Dịch vụ tư vấn	(10.495)	(31.737)
Dịch vụ khác	(69.219)	(120.360)
	(1.859.665)	(1.600.493)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.188.778	3.253.353

25. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Lãi từ kinh doanh ngoại hối		
Lãi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	1.278.966	1.014.049
Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.404.612	1.321.921
	2.683.578	2.335.970
Lỗ từ kinh doanh ngoại hối		
Lỗ từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(1.198.056)	(642.943)
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(1.484.777)	(1.588.446)
	(2.682.833)	(2.231.389)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	745	104.581

26. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	828.500	592.871
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(507.934)	(194.347)
Hoàn nhập dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (Thuyết minh 7)	8.184	2.360
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã niêm yết (Thuyết minh 7)	(7.353)	(3.220)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	321.397	397.664

27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.563.876	1.526.258
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(986.752)	(325.494)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (Thuyết minh 11(c))	(69.631)	41.381
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư đã niêm yết (Thuyết minh 11(c))	(10.496)	1.614
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.496.997	1.243.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

28. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh khác	3.914.316	3.159.510
Thu hồi nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	1.259.653	1.080.236
Thu nhập khác	286.044	185.333
	5.460.013	4.425.079
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(2.908.170)	(2.493.050)
Chi phí khác	(272.634)	(125.301)
	(3.180.804)	(2.618.351)
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.279.209	1.806.728

29. Chi phí hoạt động

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Lương và các chi phí liên quan (Thuyết minh 34)	5.172.140	4.414.550
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	344.294	287.776
Chi phí thuê văn phòng và tài sản	512.142	509.450
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	386.763	254.986
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	120.749	113.109
Chi phí dụng cụ và thiết bị	123.127	122.569
Chi phí thông tin liên lạc	48.181	46.821
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	272.834	226.094
Chi phí điện nước	87.082	80.323
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng	267.524	228.831
Công tác phí	60.421	98.577
Chi phí dịch vụ tư vấn	377.392	231.004
Chi đào tạo huấn luyện nghiệp vụ	78.014	57.277
Chi hội nghị	42.859	54.803
Chi phí dự phòng tài sản Có khác (Thuyết minh 16(v))	11.023	24.276
Chi phí hoạt động khác	726.650	562.063
	8.631.195	7.312.509

30. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		2.661.074	787.646
Trích lập dự phòng chung	9(i)	227.807	425.586
Trích lập dự phòng cụ thể	9(ii)	2.433.267	362.060
Biến động dự phòng phải thu từ hợp đồng bán nợ		(76.240)	100.679
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung	16(v)	(4.255)	4.255
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cụ thể	16(v)	(71.985)	96.424
Trích lập dự phòng cho khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)	16(v)	26.201	29.043
		2.611.035	917.368

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	3.225.330	2.630.814
Dự phòng thừa trong những năm trước	(7.501)	(18.755)
	3.217.829	2.612.059

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.800.296	12.838.268
Thuế tính theo thuế suất của Techcombank	3.160.059	2.567.654
Thu nhập không chịu thuế	(838)	(843)
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(211)	(4.840)
Chi phí không được khấu trừ	63.558	65.356
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	(7.501)	(18.755)
Khác	2.762	3.487
	3.217.829	2.612.059

(c) Thuế suất áp dụng

Techcombank có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận tính thuế (2019: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.324.991	10.075.139
Trích quỹ phúc lợi	(23.000)	(32.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	12.301.991	10.043.139

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	3.500.139.962	3.496.592.160
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	195.339	1.010.881
	3.500.335.301	3.497.603.041

(iii) Lãi trên cổ phiếu

	2020	2019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.515	2.871

33. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Tiền mặt, vàng	3.663.615	4.820.627
Tiền gửi tại NHNNVN	10.253.324	3.192.256
Chứng khoán đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	771.430	-
Tiền gửi tại các TCTD với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	20.907.530	38.501.420
	35.595.899	46.514.303

34. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	11.479	10.457
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương	4.187.592	3.628.394
2. Phụ cấp và thu nhập khác	984.548	786.156
Tổng thu nhập	5.172.140	4.414.550
Tiền lương bình quân tháng	30	29
Thu nhập bình quân tháng	38	35

35. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	1/1/2020 Triệu đồng	Số phát sinh trong năm Triệu đồng	Số đã nộp/ đã hoàn trong năm Triệu đồng	31/12/2020 Triệu đồng
Phải trả Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	24.327	226.797	(223.717)	27.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	848.194	3.217.829	(2.886.468)	1.179.555
Các loại thuế khác	61.503	996.028	(976.866)	80.665
	934.024	4.440.654	(4.087.051)	1.287.627

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	1/1/2019 Triệu đồng	Số phát sinh trong năm Triệu đồng	Số đã nộp/ đã hoàn trong năm Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Phải trả Ngân sách Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	16.080	221.678	(213.431)	24.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp	915.054	2.612.059	(2.678.919)	848.194
Các loại thuế khác	48.928	733.826	(721.251)	61.503
	980.062	3.567.563	(3.613.601)	934.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

36. Tài sản, giấy tờ có giá ("GTCC") thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Tài sản, GTCC nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Của khách hàng		
Bất động sản	383.624.900	304.248.231
Máy móc, thiết bị	20.685.030	20.859.401
Giấy tờ có giá	125.741.532	112.325.000
Các tài sản đảm bảo khác	109.912.998	156.656.790
	639.964.460	594.089.422
Của các TCTD khác		
Giấy tờ có giá	2.730.000	5.512.700
Các tài sản đảm bảo khác	758.425	637.934
	3.488.425	6.150.634
	643.452.885	600.240.056

Tài sản, GTCC đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Các tài sản đảm bảo khác	1.616.800	6.463.460

37. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan.

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, và giá trị các giao dịch trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Quan hệ	Tài sản/(Nợ phải trả)		Doanh thu/(Chi phí)	
	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu (ii)				
▶ Số dư cho vay khách hàng	522.087	509.927	-	-
▶ Lãi phải thu cho vay khách hàng	1.938	2.228	-	-
▶ Giá trị hợp đồng bảo lãnh, phát hành thư tín dụng	26.725	35.384	-	-
▶ Số dư tiền gửi không kỳ hạn	(6.938)	(11.042)	-	-
▶ Giá trị hợp đồng phái sinh, mua bán ngoại tệ	-	(49.482)	-	-
▶ Thu nhập lãi cho vay	-	-	44.313	44.713
Công ty Cổ phần One Mount Group (iii)				
▶ Số dư tiền gửi có kỳ hạn	(2.500)	-	-	-
▶ Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	(4)	-	-	-
▶ Số dư tiền gửi không kỳ hạn	(5.465)	(16.041)	-	-
▶ Chi phí lãi tiền gửi	-	-	(568)	(2)
Công ty Cổ phần One Distribution (iii)				
▶ Số dư tiền gửi có kỳ hạn	(1.000)	-	-	-
▶ Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	(2)	-	-	-
▶ Số dư tiền gửi không kỳ hạn	(41.679)	-	-	-
▶ Chi phí lãi tiền gửi	-	-	(1.067)	-
Công ty Cổ phần FCE Việt Nam (iii)				
▶ Số dư tiền gửi không kỳ hạn	(1.651)	(2.578)	-	-
Công ty Cổ phần 1MG Housing (iii)				
▶ Số dư tiền gửi không kỳ hạn	(1.807)	-	-	-
Công ty Cổ phần Di động trực tuyến (iii)				
▶ Số dư tiền gửi không kỳ hạn	(621)	(129)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

37. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)

Quan hệ	Tài sản/(Nợ phải trả)		Doanh thu/(Chi phí)	
	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng	2020 Triệu đồng	2019 Triệu đồng
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và nhóm các công ty liên quan	(iv)			
• Giá trị hợp đồng bảo lãnh, phát hành thư tín dụng	73.657	67.342	-	-
• Số dư cho vay khách hàng	1.921.332	1.012.502	-	-
• Lãi phải thu cho vay khách hàng	1.127	858	-	-
• Số dư tiền gửi có kỳ hạn	(1.351.225)	(1.410.303)	-	-
• Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	(1.921)	(1.693)	-	-
• Số dư tiền gửi không kỳ hạn	(484.539)	(752.246)	-	-
• Thu nhập lãi cho vay	-	-	103.346	52.982
• Chi phí lãi tiền gửi	-	-	(20.522)	(41.505)
• Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-	-	445.857	25.841
• Mệnh giá trái phiếu	738.509	332.310	-	-
• Lãi phải thu trái phiếu	9.427	2.556	-	-
• Thu nhập lãi trái phiếu	-	-	74.042	8.304
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Lãnh đạo và các cá nhân liên quan khác	(i), (iii)			
• Số dư tiền gửi có kỳ hạn	(671.842)	(550.359)	-	-
• Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	(17.147)	(11.916)	-	-
• Số dư tiền gửi không kỳ hạn	(146.726)	(103.162)	-	-
• Chi phí lãi tiền gửi	-	-	(2.214)	(12.889)
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Lãnh đạo				
• Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(34.363)	(32.133)
• Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	-	-	(211.093)	(145.317)

- (i) Cổ đông và bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị;
- (ii) Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị;
- (iii) Bên liên quan có thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát hoặc cổ đông lớn là người liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- (iv) Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và nhóm các công ty liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng hoặc có thành viên Hội đồng Quản trị là người liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.

38. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh (*)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong nước	285.405.772	296.661.546	207.186.789	217.795.679	93.190.399
Nước ngoài	1.167	2.029.194	50.587	12.565.632	-
	285.406.939	298.690.740	207.237.376	230.361.311	93.190.399

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh (*)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong nước	240.195.421	267.383.576	172.287.226	184.153.065	76.413.678
Nước ngoài	410	2.545.522	39.550	11.046.146	-
	240.195.831	269.929.098	172.326.776	195.199.211	76.413.678

(*) Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

39. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Ngân hàng	Quản lý và khai thác tài sản	Kinh doanh chứng khoán	Quản lý quỹ	Điều chỉnh (*)	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
I. Doanh thu						
1. Thu nhập lãi	61.499.424	3.424	693.378	34.469	(30.276)	62.200.419
<i>Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài</i>	28.300.917	3.424	693.378	34.469	(30.276)	29.001.912
<i>Thu nhập lãi nội bộ</i>	33.198.507	-	-	-	-	33.198.507
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	3.823.314	-	2.012.713	295.194	(82.778)	6.048.443
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	11.447.848	251.284	607.328	-	(766.302)	11.540.158
	76.770.586	254.708	3.313.419	329.663	(879.356)	79.789.020
II. Chi phí						
1. Chi phí lãi	(43.329.258)	(31.464)	(121.195)	-	32.707	(43.449.210)
<i>Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	(10.130.751)	(31.464)	(121.195)	-	32.707	(10.250.703)
<i>Chi phí lãi nội bộ</i>	(33.198.507)	-	-	-	-	(33.198.507)
2. Chi phí khấu hao và hao mòn	(325.334)	(37.777)	(23.649)	(3)	-	(386.763)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(17.148.406)	(136.841)	(476.707)	(95.120)	315.358	(17.541.716)
	(60.802.998)	(206.082)	(621.551)	(95.123)	348.065	(61.377.689)
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	15.967.588	48.626	2.691.868	234.540	(531.291)	18.411.331
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.601.866)	5	-	-	(9.174)	(2.611.035)
Kết quả kinh doanh bộ phận	13.365.722	48.631	2.691.868	234.540	(540.465)	15.800.296

(*) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ và phân loại lại theo chính sách kế toán của Ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Ngân hàng	Quản lý và khai thác tài sản	Kinh doanh chứng khoán	Quản lý quỹ	Điều chỉnh (*)	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
III. Tài sản						
1. Tiền mặt và vàng	3.663.615	-	-	-	-	3.663.615
2. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.567.199	1.125.836	46.974	-	(1.862)	5.738.147
3. Tài sản khác	424.489.608	106.286	8.712.179	488.314	(3.595.216)	430.201.171
	432.720.422	1.232.122	8.759.153	488.314	(3.597.078)	439.602.933
IV. Nợ phải trả						
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	363.989.634	473.717	2.579.922	39.029	(2.103.477)	364.978.825
2. Nợ phải trả nội bộ	9.322	-	-	-	-	9.322
	363.998.956	473.717	2.579.922	39.029	(2.103.477)	364.988.147

(*) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ và phân loại lại theo chính sách kế toán của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

39. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Ngân hàng	Quản lý và khai thác tài sản	Kinh doanh chứng khoán	Quản lý quỹ	Điều chỉnh (*)	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
I. Doanh thu						
1. Thu nhập lãi	53.662.724	6.657	255.742	14.310	12.288	53.951.721
<i>Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài</i>	<i>24.727.344</i>	<i>6.657</i>	<i>255.742</i>	<i>14.310</i>	<i>12.288</i>	<i>25.016.341</i>
<i>Thu nhập lãi nội bộ</i>	<i>28.935.380</i>	-	-	-	-	<i>28.935.380</i>
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	3.361.680	-	1.320.584	206.040	(3.896)	4.884.408
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	8.341.276	186.047	598.530	-	(241.459)	8.884.394
	65.365.680	192.704	2.174.856	220.350	(233.067)	67.720.523
II. Chi phí						
1. Chi phí lãi	(39.660.174)	(39.655)	(44.255)	-	50.207	(39.693.877)
<i>Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	<i>(10.724.794)</i>	<i>(39.655)</i>	<i>(44.255)</i>	-	<i>50.207</i>	<i>(10.758.497)</i>
<i>Chi phí lãi nội bộ</i>	<i>(28.935.380)</i>	-	-	-	-	<i>(28.935.380)</i>
2. Chi phí khấu hao và hao mòn	(204.791)	(39.247)	(10.705)	(47)	(196)	(254.986)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(13.706.893)	(143.856)	(300.415)	(34.562)	169.702	(14.016.024)
	(53.571.858)	(222.758)	(355.375)	(34.609)	219.713	(53.964.887)
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11.793.822	(30.054)	1.819.481	185.741	(13.354)	13.755.636
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(912.833)	5	-	-	(4.540)	(917.368)
Kết quả kinh doanh bộ phận	10.880.989	(30.049)	1.819.481	185.741	(17.894)	12.838.268

(*) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ và phân loại lại theo chính sách kế toán của Ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Ngân hàng	Quản lý và khai thác tài sản	Kinh doanh chứng khoán	Quản lý quỹ	Điều chỉnh (*)	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
III. Tài sản						
1. Tiền mặt và vàng	4.820.627	-	-	-	-	4.820.627
2. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	3.156.993	3.083	49.558	4	(1.861)	3.207.777
3. Tài sản khác	371.620.872	1.288.588	6.252.138	289.593	(3.780.134)	375.671.057
	379.598.492	1.291.671	6.301.696	289.597	(3.781.995)	383.699.461
IV. Nợ phải trả						
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	321.630.955	573.289	1.674.518	27.913	(2.293.019)	321.613.656
2. Nợ phải trả nội bộ	13.038	-	-	-	-	13.038
	321.643.993	573.289	1.674.518	27.913	(2.293.019)	321.626.694

(*) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ và phân loại lại theo chính sách kế toán của Ngân hàng.

40. Quản lý rủi ro tài chính

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Lãnh đạo của Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Techcombank thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Chính sách quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Techcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Techcombank không ngừng phát triển an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Techcombank trong từng thời kỳ và quyết định cơ

cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban kiểm toán và rủi ro ("ARCO") là cơ quan được Hội đồng Quản trị thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Hội đồng Quản trị phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro hoạt động của Techcombank.

ARCO có nhiệm vụ ban hành và giám sát thực hiện chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro và các quy định về quản lý các vấn đề rủi ro trong hoạt động của Techcombank và phê duyệt hạn mức rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro tín dụng theo ngành, lĩnh vực, và các hạn mức rủi ro tổng thể khác của Techcombank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

41. Rủi ro tín dụng

Techcombank chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Techcombank đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Techcombank cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Techcombank chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Techcombank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay của Techcombank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị

ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra Techcombank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Để quản lý rủi ro tín dụng Techcombank sử dụng các công cụ: Xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Techcombank, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	28.994.954	47.990.224
Chứng khoán kinh doanh - gộp	8.357.447	10.052.963
Cho vay khách hàng - gộp	277.524.615	230.802.027
Hoạt động mua nợ - gộp	1.682	1.682
Chứng khoán đầu tư - gộp	84.377.005	65.705.191
Tài sản tài chính khác - gộp	18.152.762	15.139.670
	417.408.465	369.691.757

Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá như sau:

	31/12/2020 Triệu đồng	31/12/2019 Triệu đồng
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	28.994.954	47.990.224
Chứng khoán kinh doanh - gộp	8.357.447	10.052.963
Cho vay khách hàng - gộp	274.423.557	225.601.458
Chứng khoán đầu tư - gộp	84.377.005	65.579.773
Tài sản tài chính khác - gộp	17.611.956	14.483.999
	413.764.919	363.708.417

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá trị của Techcombank bao gồm các khoản nợ thuộc Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn và các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn. Techcombank đánh giá rằng Techcombank hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày dưới đây:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu đồng	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Quá hạn trên 360 ngày Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Cho vay khách hàng	221.102	26.330	51.420	78.809	377.661

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu đồng	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Quá hạn trên 360 ngày Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Cho vay khách hàng	268.157	40.820	55.426	741.528	1.105.931
Chứng khoán đầu tư	62.709	-	62.709	-	125.418
	330.866	40.820	118.135	741.528	1.231.349

Các khoản cho vay bị quá hạn nhưng chưa bị giảm giá do các khoản cho vay này đã được đảm bảo đầy đủ bởi các tài sản đảm bảo của bên vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

41. Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Các tài sản tài chính đã bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày dưới đây:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Chưa quá hạn	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay khách hàng	-	1.584.764	390.562	482.524	265.547	2.723.397
Hoạt động mua nợ	-	-	-	-	1.682	1.682
Tài sản tài chính khác	449.939	-	-	-	90.867	540.806
	449.939	1.584.764	390.562	482.524	358.096	3.265.885

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Chưa quá hạn	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay khách hàng	-	1.854.536	117.308	249.804	1.812.990	4.034.638
Hoạt động mua nợ	-	-	-	-	1.682	1.682
Tài sản tài chính khác	567.348	-	-	-	88.323	655.671
	567.348	1.854.536	117.308	249.804	1.902.995	4.691.991

42. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Techcombank huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Techcombank. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Techcombank:

- ▶ Tiền gửi tại NHNNVN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Techcombank;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán. Trong đó, các khoản chứng khoán do Chính phủ phát hành/được Chính phủ bảo lãnh, mặc dù được xếp vào các kỳ hạn dài theo kỳ hạn còn lại, nhưng là tài sản thanh khoản trên thị trường, hoàn toàn có thể chuyển thành tiền trong một khoản thời gian ngắn mà không phát sinh chi phí đáng kể;
- ▶ Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn/trả trước;
- ▶ Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và là tiền gửi không kỳ hạn, tuy nhiên, tỷ trọng lớn loại tiền gửi này đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- ▶ Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- ▶ Thời gian đáo hạn của khoản mục cấp tín dụng mà TCTD chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng khoản cấp tín dụng;
- ▶ Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

42. Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của Techcombank theo các nhóm kỳ đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Dưới 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
<i>Triệu đồng</i>								
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	3.663.615	-	-	-	-	3.663.615
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	10.253.324	-	-	-	-	10.253.324
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	20.955.604	5.862.457	2.176.893	-	-	28.994.954
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	450.001	400.000	1.991.728	1.488.578	4.027.140	8.357.447
<i>Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	-	-	-	-	137.411	4.027.140	4.164.551
Cho vay khách hàng - gộp	1.805.866	1.295.192	19.204.584	27.371.207	62.903.705	70.367.286	94.576.775	277.524.615
Hoạt động mua nợ - gộp	-	1.682	-	-	-	-	-	1.682
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	1.845.040	920.786	20.909.778	44.472.955	16.684.393	84.832.952
<i>Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	-	350.426	302.335	4.509.626	6.507.610	15.139.958	26.809.955
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	12.466	12.466
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư - thuần	-	-	2.647.643	853.357	2.549	963.364	1.271.234	5.738.147
Tài sản Có khác - gộp	-	89.698	8.531.139	5.888.048	6.908.292	1.156.754	451.864	23.025.795
Tổng tài sản	1.805.866	1.386.572	67.550.950	41.295.855	94.892.945	118.448.937	117.023.872	442.404.997
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	18.083.986	10.664.808	7.065.050	11.670.968	-	47.484.812
Tiền gửi của khách hàng	-	-	194.016.381	35.326.133	45.604.700	2.452.477	58.960	277.458.651
<i>Trong đó: Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ</i>	-	-	127.600.110	114.859	297.921	25.537	-	128.038.427
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	54.712	200.124	76.743	(64.653)	-	266.926
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.573.473	422.300	428.539	25.474.900	428	27.899.640
Các khoản nợ khác	-	-	8.599.761	977.028	1.465.266	832.229	3.834	11.878.118
Tổng nợ phải trả	-	-	222.328.313	47.590.393	54.640.298	40.365.921	63.222	364.988.147
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.805.866	1.386.572	(154.777.363)	(6.294.538)	40.252.647	78.083.016	116.960.650	77.416.850

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Quá hạn		Trong hạn				Tổng cộng	
	Dưới 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm		Trên 5 năm
<i>Triệu đồng</i>								
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	4.820.627	-	-	-	-	4.820.627
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.192.256	-	-	-	-	3.192.256
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	35.257.804	11.687.934	1.044.486	-	-	47.990.224
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	535.821	157.927	1.227.868	1.327.507	6.803.840	10.052.963
<i>Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	-	185.821	-	-	85.498	6.603.280	6.874.599
Cho vay khách hàng - gộp	2.122.693	3.077.876	4.622.890	19.193.145	62.408.895	46.741.699	92.634.829	230.802.027
Hoạt động mua nợ - gộp	-	1.682	-	-	-	-	-	1.682
Chứng khoán đầu tư - gộp	62.709	62.709	541.214	646.287	21.827.267	25.098.719	18.121.810	66.360.715
<i>Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	62.709	62.709	350.545	306.288	3.592.940	8.056.297	14.770.030	27.201.518
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	12.883	12.883
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư - thuần	-	-	644.696	976	14.658	415.131	3.292.840	4.368.301
Tài sản Có khác - gộp	-	88.323	4.707.744	3.990.470	6.469.378	3.731.948	575.439	19.563.302
Tổng tài sản	2.185.402	3.230.590	54.323.052	35.676.739	92.992.552	77.315.004	121.441.641	387.164.980
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	34.606.537	17.118.946	8.893.006	645.085	3.061	61.266.635
Tiền gửi của khách hàng	-	-	141.111.010	35.947.167	49.903.273	4.274.210	61.101	231.296.761
<i>Trong đó: Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ</i>	-	-	79.003.002	163.158	495.159	54.297	-	79.715.616
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	62.233	137.742	196.801	37.232	-	434.008
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	4.128.710	13.331.924	-	17.460.634
Các khoản nợ khác	-	-	8.013.377	1.027.636	1.311.874	811.322	4.447	11.168.656
Tổng nợ phải trả	-	-	183.793.157	54.231.491	64.433.664	19.099.773	68.609	321.626.694
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	2.185.402	3.230.590	(129.470.105)	(18.554.752)	28.558.888	58.215.231	121.373.032	65.538.286

43. Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn định giá lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ. Tất cả các hoạt động cho vay, huy động, đầu tư của Techcombank đều tạo ra rủi ro lãi suất.

Dựa trên cơ sở trạng thái “nhạy cảm với lãi suất” theo từng kỳ thay đổi lãi suất, các chỉ tiêu là tài

sản, nguồn vốn và các tài sản ngoại bảng được xếp vào các kỳ hạn của bảng “khe hở lãi suất” của Techcombank.

Thời hạn định lại lãi suất đối với các khoản mục có lãi suất cố định là thời gian còn lại cho đến khi đáo hạn của tài sản, còn đối với lãi suất thả nổi là thời gian còn lại cho đến kỳ thay đổi lãi suất gần nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

43. Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong xây dựng bảng “khe hở lãi suất”:

- ▶ Tiền mặt và vàng, góp vốn, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các khoản nợ phải thu, phải trả khác được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- ▶ Tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- ▶ Thời gian định lại lãi suất của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất nếu chứng khoán đó có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại lãi suất nếu chứng khoán đó có lãi suất là thả nổi;
- ▶ Thời gian định lại lãi suất của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN; các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tài chính, các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt

thời gian của hợp đồng; Thời gian định lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;

- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời gian định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- ▶ Thời gian định lại lãi suất của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá nếu giấy tờ có giá có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại lãi suất nếu là lãi suất thả nổi;
- ▶ Thời gian định lại lãi suất của khoản mục cấp tín dụng mà TCTD chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng khoản cấp tín dụng nếu là lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định giá lại nếu là lãi suất thả nổi.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của Techcombank theo mô hình “Khe hở lãi suất” tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quá hạn	Không nhạy cảm lãi suất	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Triệu đồng									
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	3.663.615	-	-	-	-	-	-	3.663.615
Tiền gửi tại NHNNVN	-	10.253.324	-	-	-	-	-	-	10.253.324
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	6.985.539	13.893.438	5.862.457	2.048.420	205.100	-	-	28.994.954
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	450.000	400.000	1.015.307	976.422	1.488.578	4.027.140	8.357.447
<i>Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	-	-	-	-	-	137.411	4.027.140	4.164.551
Cho vay khách hàng - gộp	3.101.058	-	128.228.278	79.985.790	21.480.113	18.552.464	23.789.486	2.387.426	277.524.615
Mua nợ - gộp	1.682	-	-	-	-	-	-	-	1.682
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	1.834.994	14.899.853	18.342.118	12.043.798	13.552.443	9.941.684	14.218.062	84.832.952
<i>Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	1.384.380	350.000	300.000	1.521.200	2.908.709	6.333.666	14.012.000	26.809.955
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	12.466	-	-	-	-	-	-	12.466
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư - thuần	-	5.738.147	-	-	-	-	-	-	5.738.147
Tài sản Có khác - gộp	89.698	22.936.097	-	-	-	-	-	-	23.025.795
Tổng tài sản	3.192.438	51.424.182	157.471.569	104.590.365	36.587.638	33.286.429	35.219.748	20.632.628	442.404.997
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	882.329	17.155.147	21.847.815	5.713.497	1.461.013	422.398	2.613	47.484.812
Tiền gửi của khách hàng	-	-	194.589.556	35.165.752	31.983.609	13.262.379	2.399.446	57.909	277.458.651
<i>Trong đó: Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ</i>	-	-	128.038.427	-	-	-	-	-	128.038.427
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(147)	13.315.936	6.064.610	(3.388.118)	(2.487.757)	(13.237.598)	-	266.926
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.909.401	5.382.300	5.031.000	1.128.539	14.448.400	-	27.899.640
Các khoản nợ khác	-	11.878.118	-	-	-	-	-	-	11.878.118
Tổng nợ phải trả	-	12.760.300	226.970.040	68.460.477	39.339.988	13.364.174	4.032.646	60.522	364.988.147
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	3.192.438	38.663.882	(69.498.471)	36.129.888	(2.752.350)	19.922.255	31.187.102	20.572.106	77.416.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

43. Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Quá hạn	Không nhạy cảm lãi suất	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Triệu đồng									
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	4.820.627	-	-	-	-	-	-	4.820.627
Tiền gửi tại NHNNVN	-	3.192.256	-	-	-	-	-	-	3.192.256
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	15.173.787	20.084.018	11.587.933	1.005.544	138.942	-	-	47.990.224
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	535.821	157.927	779.559	960.729	1.015.647	6.603.280	10.052.963
Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	-	185.821	-	-	-	85.498	6.603.280	6.874.599
Cho vay khách hàng - gộp	5.200.569	-	101.225.542	44.068.564	18.592.697	32.081.861	26.952.364	2.680.430	230.802.027
Hoạt động mua nợ - gộp	1.682	-	-	-	-	-	-	-	1.682
Chứng khoán đầu tư - gộp	125.418	1.943.751	14.716.451	14.839.304	3.689.782	5.336.209	11.791.612	13.918.188	66.360.715
Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	125.418	1.296.179	350.000	305.714	2.052.709	1.520.160	7.640.228	13.911.110	27.201.518
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	12.883	-	-	-	-	-	-	12.883
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư - thuần	-	4.368.301	-	-	-	-	-	-	4.368.301
Tài sản Có khác - gộp	88.323	19.474.979	-	-	-	-	-	-	19.563.302
Tổng tài sản	5.415.992	48.986.584	136.561.832	70.653.728	24.067.582	38.517.741	39.759.623	23.201.898	387.164.980
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	6.416.010	28.190.526	17.118.946	8.584.377	308.630	645.085	3.061	61.266.635
Tiền gửi của khách hàng	-	-	143.218.063	35.762.392	32.233.184	16.871.104	3.197.347	14.671	231.296.761
Trong đó: Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ	-	-	79.715.616	-	-	-	-	-	79.715.616
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	19.722.421	4.713.084	(2.222.793)	(3.127.042)	(18.651.662)	-	434.008
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.727.600	2.642.900	1.584.300	177.212	11.328.622	-	17.460.634
Các khoản nợ khác	-	11.168.656	-	-	-	-	-	-	11.168.656
Tổng nợ phải trả	-	17.584.666	192.858.610	60.237.322	40.179.068	14.229.904	(3.480.608)	17.732	321.626.694
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất	5.415.992	31.401.918	(56.296.778)	10.416.406	(16.111.486)	24.287.837	43.240.231	23.184.166	65.538.286

Bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Techcombank với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Loại tiền	Mức tăng lãi suất	Ảnh hưởng tăng/(giảm) đến	
		Lợi nhuận trước thuế cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 Triệu đồng	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 Triệu đồng
Đồng	3,00%	5.196.747	4.157.398
USD	1,50%	(80.277)	(64.222)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Loại tiền	Mức tăng lãi suất	Ảnh hưởng tăng/(giảm) đến	
		Lợi nhuận trước thuế cho năm kết thúc ngày 31/12/2019 Triệu đồng	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 Triệu đồng
Đồng	3,00%	3.626.285	2.901.028
USD	1,50%	(107.159)	(85.727)

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng và các công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng. Đồng tiền giao dịch chính của Techcombank cũng là đồng. Cấu trúc tài sản - nợ phải trả của Techcombank bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau (như USD, EUR, AUD,...) là nguyên nhân dẫn đến rủi ro tiền tệ. Techcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Techcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Techcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

43. Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
Triệu đồng					
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	151.060	45.575	5.083	53.309	255.027
Tiền gửi tại NHNNVN	21.849	-	-	-	21.849
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	11.430.274	486.004	-	482.979	12.399.257
Cho vay khách hàng - gộp	13.016.773	-	-	-	13.016.773
Tài sản Có khác - gộp	10.230.806	631.012	-	1.077.398	11.939.216
	34.850.762	1.162.591	5.083	1.613.686	37.632.122
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	25.002.536	631.022	-	1.076.331	26.709.889
<i>Trong đó: UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)</i>	9.833.605	631.012	-	1.076.331	11.540.948
Tiền gửi của khách hàng	11.222.868	517.355	-	489.008	12.229.231
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(5.330.254)	2.972	-	7.478	(5.319.804)
Các khoản nợ khác	605.286	13.841	-	9.079	628.206
	31.500.436	1.165.190	-	1.581.896	34.247.522
Trạng thái tiền tệ nội bảng	3.350.326	(2.599)	5.083	31.790	3.384.600
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	1.391.203	(5.671)	-	13.339	1.398.871
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	4.741.529	(8.270)	5.083	45.129	4.783.471

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
Triệu đồng					
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	239.241	64.143	12.836	107.983	424.203
Tiền gửi tại NHNNVN	1.322	-	-	-	1.322
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	13.748.109	467.767	-	304.615	14.520.491
Cho vay khách hàng - gộp	11.912.935	-	-	-	11.912.935
Tài sản Có khác - gộp	5.760.921	540.759	-	2.650.140	8.951.820
	31.662.528	1.072.669	12.836	3.062.738	35.810.771
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	23.801.711	540.740	-	2.637.752	26.980.203
<i>Trong đó: UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)</i>	5.456.037	540.730	-	2.637.752	8.634.519
Tiền gửi của khách hàng	10.720.334	530.572	-	596.931	11.847.837
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(4.873.955)	(7.281)	-	(208.188)	(5.089.424)
Các khoản nợ khác	1.428.930	4.663	-	43.403	1.476.996
	31.077.020	1.068.694	-	3.069.898	35.215.612
Trạng thái tiền tệ nội bảng	585.508	3.975	12.836	(7.160)	595.159
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(4.528.156)	-	-	24.413	(4.503.743)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(3.942.648)	3.975	12.836	17.253	(3.908.584)

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế của Techcombank trong trường hợp:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Loại tiền	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng tăng/(giảm) đến	
		Lợi nhuận trước thuế cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 <i>Triệu đồng</i>	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 <i>Triệu đồng</i>
USD	1,00%	47.415	37.932
EUR	1,00%	(83)	(66)
Vàng	3,00%	152	122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

43. Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Loại tiền	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng tăng/(giảm) đến	
		Lợi nhuận trước thuế cho năm kết thúc ngày 31/12/2019 <i>Triệu đồng</i>	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 <i>Triệu đồng</i>
USD	1,00%	(39.426)	(31.541)
EUR	1,00%	40	32
Vàng	3,00%	385	308

44. Thuyết minh công cụ tài chính

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Techcombank tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 <i>Triệu đồng</i>	Giá trị ghi sổ					Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sản sàng để bán	Tài sản/(Nợ phải trả) khác hạch toán theo giá trị phân bổ		
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	3.663.615	-	-	3.663.615	3.663.615
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	10.253.324	-	-	10.253.324	(*)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	28.994.954	-	-	28.994.954	(*)
Chứng khoán kinh doanh - gộp	8.357.447	-	-	-	-	8.357.447	(*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	277.524.615	-	-	277.524.615	(*)
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	1.682	-	-	1.682	(*)
Chứng khoán sản sàng để bán - gộp	-	-	-	84.632.952	-	84.632.952	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn - gộp	-	200.000	-	-	-	200.000	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	12.466	-	12.466	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	23.025.795	-	-	23.025.795	(*)
	8.357.447	200.000	343.463.985	84.645.418	-	436.666.850	
Nợ phải trả tài chính							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	47.484.812	47.484.812	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	277.458.651	277.458.651	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	266.926	-	-	-	-	266.926	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	27.899.640	27.899.640	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	11.878.118	11.878.118	(*)
	266.926	-	-	-	364.721.221	364.988.147	

(*) Techcombank chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các TCTD hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HH
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/
TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

44. Thuyết minh công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản/ (Nợ phải trả) khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
Triệu đồng							
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	4.820.627	-	-	4.820.627	4.820.627
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.192.256	-	-	3.192.256	(*)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	47.990.224	-	-	47.990.224	(*)
Chứng khoán kinh doanh - gộp	10.052.963	-	-	-	-	10.052.963	(*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	230.802.027	-	-	230.802.027	(*)
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	1.682	-	-	1.682	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán - gộp	-	-	-	66.158.709	-	66.158.709	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn - gộp	-	202.006	-	-	-	202.006	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	12.883	-	12.883	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	15.139.670	-	-	15.139.670	(*)
	10.052.963	202.006	301.946.486	66.171.592	-	378.373.047	
Nợ phải trả tài chính							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	61.266.635	61.266.635	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	231.296.761	231.296.761	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	434.008	-	-	-	-	434.008	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	17.460.634	17.460.634	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	8.115.902	8.115.902	(*)
	434.008	-	-	-	318.139.932	318.573.940	

(*) Techcombank chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các TCTD hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

45. Thuyết minh về biến động lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Techcombank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 tăng 2.356.258 triệu đồng tương đương tăng 23,04% so với tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 do các nguyên nhân sau:

	Lợi nhuận sau thuế Triệu đồng
Tăng/(giảm) lợi nhuận sau thuế do:	
Tăng thu nhập lãi thuần	4.493.365
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	935.425
(Giảm) lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(103.836)
(Giảm) lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	(76.267)
Tăng lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	253.238
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	472.481
(Giảm) thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	(25)
Tăng chi phí hoạt động	(1.318.686)
Tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.693.667)
Tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(605.770)
Lợi nhuận sau thuế tăng	2.356.258

46. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	2019 Triệu đồng (Phân loại lại)	2019 Triệu đồng (Theo báo cáo trước đây)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25.020.397	25.016.341
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(10.762.553)	(10.758.497)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.853.846	4.884.408
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.600.493)	(1.631.055)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	25.681.231	25.677.175
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(10.869.069)	(10.865.013)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05/TCTD-HH

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/

TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

47. Các sự kiện khác

Trong năm 2020, nền kinh tế và xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch COVID-19.

Đại dịch COVID-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng.

Ngày 28 tháng 1 năm 2021, COVID-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và đang có chiều hướng lan sang các tỉnh thành khác. Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Techcombank đã thực hiện cơ cấu lại thời gian trả nợ và miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ cho các khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 theo hướng dẫn của Thông tư 01.

48. Tỷ giá một số loại ngoại tệ vào thời điểm lập báo cáo

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Techcombank áp dụng:

	Tỷ giá ngày	
	31/12/2020 đồng	31/12/2019 đồng
AUD	17.797	16.006
CAD	17.861	17.760
CHF	26.192	23.927
CNY	3.528	3.328
DKK	3.811	3.477
EUR	28.356	25.976
GBP	31.546	30.452
HKD	2.977	2.976
JPY	224	213
NOK	2.708	2.635
SEK	2.828	2.481
SGD	17.458	17.002
THB	769	755
USD	23.080	23.173
XAU	5.567.500	4.235.000

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Người soát xét

Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt



Jens Lottner
Tổng Giám đốc

TECHCOMBANK 

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

[T] : +84 (24) 3944 6368

[F] : +84 (24) 3944 6395

[w] : www.techcombank.com.vn